Do Võ Phi Hùng Cựu HS Petrus Ký (67-74) tặng Huỳnh Chiếu Đẳng chủ Kho Sách Xưa Quán Ven Đường

PHỔ-THÔNG

TẠP-CHÍ

GÓP PHẦN XÂY-DỰNG VĂN-HÓA VIỆTNAM
PHỔ-BIẾN VĂN-HÓA ĐÔNG-TÂY KIM-CỔ

Giám-đốc, Chủ-bút : Nguyễn-Vỹ

Tòa-soạn : 233, đường Phạm-Ngũ-Lão, Sàigon — Đ.T. 25.861
Tỵ Quản-lý : *531, Đại-lộ Trần-hưng-Đạo — Saigon*

NĂM THỨ VI ★ SỐ 100 ★ 1 - 4 - 63

1.— *Văn-hóa thời đại* . . . . . Nguyễn-Vỹ 6 — 9
2.— *Một nụ hôn trong văn nghệ* . . Sở thượng Giang 10 — 15
3.— *Tuấn, chàng trai nước Việt.* . . . . Nguyễn-Vỹ 17 — 23
4.— *Hoàng hạc lâu (thơ dịch)* . . . . . Hồng Tiêu 24 — 25
5.— *Mơ bóng cố hương (thơ)* . . . . . Hỷ Khương 26
6.— *Đốt đàn (truyện ngắn)* . . . . . Minh Đức 27 — 33
7.— *Bar Phượng-Hoàng (kịch)* . . . . . Viên-Linh 34 — 41
8.— *Xung quanh giải thưởng Nobel* . Võ Quang Yến 42 — 49
9.— *Nhà cách mạng miền Nam : Cụ Thủ Khoa Bùi-hữu-Nghĩa* . . . Long-Lộc 50 — 54
10.— *Viên ngọc quý (truyện dịch)* . . . Lê-huy-Oanh 55 — 59
11.— *Phiên ca, sầu hoang (thơ)* . . . . . Loan—Tùng 60
12.— *Những bí mật trong thế chiến thứ hai* . . . . . Thiếu-Sơn 61 — 64
13.— *Chuỗi bồ-đề (truyện ngắn)* . . . . Lâm-Giang 65 — 70
14.— *Thầm lặng (thơ)* . . . . . Thanh-Huyền-Chi 71
15.— *Những người đàn bà lừng danh.* . . . Tân-Phong 72 — 77
16.— *Cố hương (thơ)* . . . . . Tâm-Tình 78
17.— *Tiếng nói của gái trai thế-hệ : Họ* . . . Chi-Lann 79 — 81
18.— *Bức thư Paris : cô thiếu nữ V.N.* Nguyễn-văn-Cồn 82 — 88
19.— *Mai sau (thơ)* . . . . . Trần-tuấn-Kiệt 89
20.— *Vui (thơ)* . . . . . Tuệ-Mai 90
21.— *Phổ Thông vòng quanh thế giới* . . . . Xuân-Anh 91 — 95
22.— *Tuyết, Lửa đôi (thơ)* . . Thanh-Nhung, Hồng-Liên 96 — 97
23 — *Mình ơi !* . . . . . Diệu-Huyền 98 — 104
24.— *Tết nhất năm nay (thơ)* . . . . . Quốc-Phương 105
25.— *Dục tính, một chứng bệnh hay trạng thái sinh-lý ?* . . . . . B.s Thiện-Ý 106 — 110
26.— *Thơ lên ruột* . . . . . Diệu-Huyền 111 — 112
27.— *Sách báo mới* . . . . . Phổ Thông 113
28 — *Lội ngược* . . . . . Nguyễn-Vỹ 114 — 117
29.— *Thư bạn đọc* . . . . . P.T. 118 — 120
30.— *Đáp bạn bốn phương* . . . . . Diệu-Huyền 121 — 122
31.— *Phụ-trang ngoại-ngữ* . . . . . P.T. 123 — 148

★ Bài lai cảo không đăng, không trả lại.

★ Các Sách Báo Việt-ngữ ở trong nước được tự-tiện trích đăng những bài trong tạp-chí PHỔ-THÔNG, nhưng yêu-cầu đề rõ xuất-xứ : « Trích Tạp-chí PHỔ-THÔNG » và đừng viết tắt.

★ Cấm trích, dịch, phỏng đăng vào sách báo Ngoại-quốc mà không xin phép.

★ Tous droits de traduction, d'adaptation, et de reproduction même partielle, réservés pour tous pays. Copyright by PHỔ-THÔNG, printed in Viêt-Nam.

Tổng-Phát-hành PHỔ-THÔNG ở Âu-Châu và Phi-châu

● **Notre représentant général pour l'Europe et l'Afrique**

● **Our general agent in Europa & Africa :**

LONG-HIỆP

13, Rue de la Montagne Ste Geneviève — PARIS V

(vente — abonnements — Publicité)

văn - hóa thời - đại
phần đóng góp của

BẠN TRẺ

2

TÔI biết phần đông bạn trẻ không muốn phí thì giờ để xây đắp những ảo mộng bâng-quơ. Có lẽ những bạn ấy thông minh hơn cả, vì họ biết họ *muốn* gì, và họ *có thể* những gì. Họ không đeo đuổi những lý tưởng viễn-vông, không mơ ước những danh-vọng hão-huyền. Cũng có những bạn tự xét không có điều-kiện cần

thiết về tinh-thần, không có khiếu về văn-nghệ, không có nhiệt-hứng.

Nên không bao giờ các bạn mơ-tưởng xây dựng một nhà lầu bằng giấy hoa. Chỉ uổng công mà thôi.

Với những kinh-nghiệm về đời sống thực-tế, tôi thành thật mến-phục các bạn, và tin chắc rằng các bạn sẽ thành công rực-rỡ trên những lĩnh-vực khác hơn là Văn-nghệ.

*

Còn những bạn đã có sẵn *khiếu* Văn-nghệ thường-thường là cái bẩm-chất thiên-nhiên đã từng bộc-lộ ít nhiều ngay từ lúc thiếu thời, và tự mình nhận xét có đủ khả-năng và kiên-nhẫn để đạt đến kết-quả mong muốn, — các Mầm xanh Văn-nghệ — thì dĩ-nhiên không vì trở-lực nào mà các bạn phải thối-chí cả. Các bạn đã hăng-hái, mong các bạn sẽ hăng-hái thêm. Thấy các bạn say-mê, hoàn-toàn tin-tưởng, đầy nhiệt hứng, bất chấp các thử-thách của hoàn-cảnh, và cố gắng, cố gắng mãi, thật là những phấn-khởi đáng khen và đáng khuyến-khích vô-cùng.

Nhưng muốn cho những đóng góp của bạn đạt được một phần Chân Thiện Mỹ, nếu không đạt được hoàn toàn chăng nữa, tôi xin đưa ra để làm quà cùng các bạn một vài cảm-nghĩ thực tế.

Do Võ Phi Hùng Cựu HS Petrus Ký (67-74) tặng Huỳnh Chiếu Đẳng chủ Kho Sách Xưa Quán Ven Đường

Trước hết, **tự tín mà đừng kiêu căng.** Kiêu-căng là cái tật cố-hữu của những kẻ tự biết mình có tài mà tự cho mình là giỏi hơn thiên hạ. Tật ấy rất là đáng ghét, đáng ghét nhất đối với con người Văn-nghệ. Bạn nên tin tưởng vào tài năng của bạn — nếu quả thật bạn có tài,— nhưng tin tưởng riêng phần mình, mà vẫn nên khiêm-tốn với tất cả mọi người. Chúng ta nên luyện tập được tính khiêm tốn, đó là động cơ thúc đẩy mạnh nhất cho sự nghiệp Văn nghệ. Có tài mà kiêu-căng, phách-lối, chỉ thành công được 1. Có tài mà khiêm-tốn, sẽ thành công 10.

Còn những kẻ tài không có, hoặc không đáng kể, mà tự-cao tự-đại, thì không nói làm chi.

Phần đóng góp của người kiêu-căng tự-phụ, sẽ bị giảm bớt nhiều hiệu-quả, và có khi không bền. Phần đóng góp của kẻ tài-hoa tao-nhã luôn luôn tồn-tại với thời-gian. Nó có ảnh-hưởng sâu đậm vào thời-đại, gây được tác-phong thực-tế rộng lớn, và lợi-ích hơn nhiều. Kẻ kiêu-căng, tự cao, tự-đại, thường-thường bị cô-lập, bởi mình tự tách mình ra khỏi quãng-đại quần-chúng. Kẻ khiêm-tốn, luôn luôn hòa mình vào đại-chúng rộng-rãi, và phần đóng góp tư-tưởng và nghệ-thuật sẽ trở thành gia-tài chung của loài người.

Tôi cầu mong những bạn trẻ có chân-tài ráng tập được tính khiêm-tốn, (khiêm-tốn chân thật, chứ không phải khiêm-tốn giả-vờ), để cái tài của mình được tăng cao giá-trị hơn.

Rồi đến **Thực-học.**

Bạn sẵn có tài-hoa, đó là một ưu-điểm đáng mừng, nhưng nó cần phải được phát triển đến mức tối đa. Tài-hoa chỉ là cái vốn căn-bản thiên-nhiên. Nếu không phát-triển nó bằng học-thức, thì bạn chỉ khai thác được nó trong thời-gian bạn còn sung-túc mà thôi. Xong rồi, nó sẽ cạn.

Nó là bình điện của chiếc xe trí-não phát ra luồng điện tư tưởng. Nó cần phải lấy thêm điện vào luôn. Học-thức và kinh-nghiệm của đời sống chính là điện lực cần-thiết thúc đẩy động-cơ trí-óc, phát-huy tư-tưởng tác-động văn-nghệ.

Có tài-hoa mà thiếu học-thức, là tự giam-hãm tinh-thần trong cái chết khô-cạn mau lẹ. Học-thức là nguồn sống hấp-dẫn luôn luôn mới, luôn luôn còn, luôn luôn trẻ. Thiếu học-thức, là thiếu ánh-sáng, thiếu sức mạnh, thiếu tương-lai. Bạn nhớ rằng có nhiều tài hoa mà có ít *học thức*, cũng như *có nhiều học thức* mà *không có tài hoa*, đều là hai khuyết-điểm lớn lao không cấu tạo được văn-nghệ vĩ-đại.

Bạn trẻ ơi, mong bạn đừng quá ỷ-lại vào cái tài-năng duy-nhất, dù rằng bạn có nhiều tài, bởi nó không có bảo-đảm được thành-công. Nó đứng một chỗ. Nó không tiến lên. Trong Lịch-sử nhân loại tự cổ chí kim, những kẻ có chân-tài đều là những kẻ có thực-học. Học-thức càng sâu-rộng bao nhiêu, tài-năng càng phát-triển mạnh bấy nhiêu.

Chúng ta nên theo gương những bậc tiền-bối, phát-triển trí-óc, để đóng góp với gia-tài trí-óc vĩ-đại của loài người.

N.V.

MỘT NỤ HÔN TRONG VĂN NGHỆ

đáng giá hàng tỷ mỹ-kim

• BỨC DANH-HỌA LA JOCONDE VÀ HỌA-SĨ LÉONARD DE VINCI

Sở-Thượng-Giang

(Tiếp theo P.T. 99)

HỒI 15 tuổi chàng vào phòng hội-họa của Andrea Vorocchio, ông nầy vừa là họa-sư vừa nhà điêu khắc, chẳng bao lâu học trò đã vượt qua thầy ; nhiều tác phẩm của Léonard de Vinci đã làm cho tên tuổi chàng vang dậy cùng khắp. Tại Milan tiếng tăm chàng nổi lên như cồn làm cho hoàng tử Sforza một tay hào phóng thích nghệ-thuật vời chàng vào năm 1483 đến bên ông để cho ông thưởng thức tài-nghệ.

Chính trong thời gian nầy Léonard de Vinci đã tạo nên một tác-phẩm rất được hoan-nghinh : bức truyền thần của bà Lucrezia Crivelli, hiện nay còn nổi tiếng với danh hiệu La Ferronnière đó.

Rồi nhà hội-họa như con chim trời bạt gió, tung cánh

muôn phương, chàng từ đô-thị nầy sang tỉnh thành kia. Từ Milan chàng đề bước đến Florence, rồi từ Florence đến Mantone và ở nơi nầy một ít lâu chàng phăng lần bước đường tới Ferrare. Chỗ nào chàng cũng mở phòng vẽ, thâu thập môn đệ, tên tuổi bay xa mau như gió cuốn, mây trôi. Ngoài nghề hội-họa, chàng Léonard de Vinci tổ-chức dạ hội, vẽ sắc phục, đàn ca xướng hát. Chàng trở nên một nhân vật ai nầy đều biết và được phái đẹp mến yêu, do nhân cách tài ba của chàng đã xuất phát xung quanh chàng một ma lực vô cùng hấp dẫn.

Viết về Léonard de Vinci, một nhà văn hạ bút : « Là một người đàn ông đẹp, sức lực dồi dào, cỡi ngựa hay, lội không biết mệt, Léonard de Vinci còn là một tay đấu kiếm đại tài. Hình như thiên nhiên đã gom tất cả cái gì tốt đẹp về vật chất và tinh thần vào trong cái thể xác ấy .»

Một nhà văn khác lại ca tụng : « Với gương mặt đẹp nhứt trần gian, Léonard de Vinci là một người hết sức duyên dáng, nồng nhiệt, ca hát lại giỏi. Chàng đã chinh phục nhiều ông hoàng bà chúa, nhứt là có những bà chúa vẫn không từ chối ban sắc đẹp cho Léonard de Vinci ».

Không những có duyên với hàng quí tộc, phụ-nữ các từng lớp khác cũng vô cùng hâm mộ chàng. Đối với chàng chỉ đẹp là được. Chàng thích những nét đều đặn của gương mặt và những nét cong cân đối của thân mình. Đặc biệt là chàng thích những cặp mắt đen lóng lánh, ươn-ướt. Chàng nói : «Không kể cặp mắt thì sắc đẹp của thế gian còn gì. Đó là cái sắc đẹp thần thánh nó xoa dịu linh hồn bị bó rọ trong cái lồng thể xác ».

Chàng rất có nhiều người tình. Số ấy đích xác là bao nhiêu không hề chàng cho ai biết. Có thể nói người thiếu nữ nào hay thiếu-phụ làm mẫu vẽ cho chàng, hình như đều bị chàng chinh phục trọn vẹn. Trong số có 2 người tên tuổi là Lucrezia Crivelli tức La Ferronnière và Isabelle d'Este một bà chúa tiếng tăm lừng lẫy.

Và người tình đẹp hơn hết, vang danh cùng khắp là *La Joconde* vậy.

Do Võ Phi Hùng Cựu HS Petrus Ký (67-74) tặng Huỳnh Chiếu Đẳng chủ Nhà Sách Xưa Quán Ven Đường

Chuyện phải đến đã đến

Tay lái buôn ngựa quí tộc Francesco del Giocondo đã vô tình đưa một kẻ tài hoa đủ mọi phương diện vào nhà. Cái lối bắt chước làm sang giữa bọn quí tộc bấy giờ với nhau, đã đem tới cho Francesco del Giocondo một tai hại không lường được.

Lúc bấy giờ Vinci đã 48 tuổi nhưng sức khỏe vẫn dồi dào, còn *Monna Lisa* mới được 25 tuổi, lòng xuân đang bồng bột. Nàng tuy mang tiếng là đã có chồng nhưng nào biết tình yêu. Là một người vợ bị bỏ rơi, nàng héo xàu, ủ-rủ trong cô đơn, vắng lặng. Trong tình cảnh như thế, bỗng nhiên trước mắt hiện ra một người đàn ông đẹp trai đúng cái ý-nghĩa của tiếng đẹp, và người ấy lại là một bực tài danh, bảo sao nàng không xúc cảm đến tột độ. Còn Léonard de Vinci ? Tuy tay chàng đã vin biết bao nhiêu cành hoa, song chàng cũng ngăn không nổi tiếng sét ái-tình trước con người ngọc ấy. Chuyện phải đến đã đến. Nó đến đúng thời cơ thuận tiện là chồng nàng *Monna Lisa*, con người quá chủ quan ấy, bỏ nhà thả đi cùng khắp nước Ý để kiếm ngựa mua !

Thế là chàng họa-sĩ và người mẫu mỗi ngày đối diện với nhau trong một gian phòng rộng kín đáo, không người ngoài nào được bước chân vào đó.

Phê bình cái mỉm cười tuyệt đẹp nở ra trên bức họa *La Joconde*, nhiều người đã b ết *Monna Lisa* bẩm tính u buồn không bao giờ hé môi cười nụ, họ phải phân vân bàn tán.

Làm sao họa-sĩ tạo được nụ cười ấy trên gương mặt của người trầm lặng u-buồn kia ?

Phải chăng họa-sĩ đã cho bao-bọc xung quanh người mẫu một giàn nhạc vui, những tay ca hát nhộn cười.

Họ đều có lý mà nghĩ như thế, song họ không được biết làm thế nào đôi môi của *Monna Lisa* mím chặt được, khi mà một cặp môi khác của một chàng trai đầy phong-độ nồng cháy đặt lên.

Đôi môi ấy làm sao không mỉm cười khi bên tai nàng có giọng âm-ầm thì-thào : khi ánh sáng tắt tôi sẽ bồng nàng vào chiếc giường nệm êm như nhung đặt sẵn ở góc phòng kia ?

Có phải như thế thôi đâu ! *Monna Lisa* còn không ngần ngại khỏa thân làm người mẫu nữa. Léonard de Vinci còn vẽ cho Francesco del Giocondo hai bức tranh khỏa-thân của *Monna Lisa* ! Còn gì nữa mà phải thắc-mắc, phân-vân !

Khi kẻ phàm phu trả thù

Léonard de Vinci lưu ở tại lâu-đài ở Ferrare tới năm năm ! Vâng, đúng 5 năm. Họa sĩ là tay vẽ có tiếng mau chóng nhưng đã kéo dài thời gian như thế với ý-định nào không phải khó đoán. Mỗi bức tranh chàng sửa đi sửa lại mãi. Và khi chữa sửa xong thì chàng lại không hài lòng. Cứ mãi kéo dài như thế để nuôi mối tình yêu giữa họa-sĩ và *Monna Lisa*. Phải chăng vì mục-đích nầy mà tất cả tác phẩm do *Monna Lisa* làm mẫu đều vượt bực, đặc biệt nhứt là bức họa *La Joconde* ?

Trong thời gian trên đây, trong những lúc đi về, Francesco del Giocondo không hay biết gì mối tình vụng trộm giữa vợ và họa-sĩ chăng ?

Có dại-khờ đờ-đẫn mấy đi nữa, người chồng cũng biết được. Nhưng biết thì sự đã muộn rồi. Phải giải-quyết thế nào ? Là giòng-dõi quí-tộc, muốn rửa nhục thì phải so gươm. Nhưng Léonard de Vinci là một tay gươm có tài. Hơn nữa lại đầy sinh-lực hơn người chồng mọc sừng ấy.

Francesco del Giocondo nghĩ ra một cách trả thù tầm thường hết sức. Người ta bảo lối trả thù như thế là của một kẻ tục-tử phàm-phu. Ông ta không khứng trả tiền các bức-họa như đã thương-lượng từ trước.

Léonard de Vinci vẫn đâu có buồn ! Chiếm được quả tim của *Monna Lisa* thì còn cái gì quí giá hơn nữa. Giữ được bên mình những tác-phẩm do *Monna Lisa* làm mẫu thì hân-hạnh và sung-sướng cho chàng họa-sĩ biết bao.

Léonard de Vinci mang

LA JOCONDE (*Monna Lisa*)

mầy bức danh-họa ra đi, rời bỏ lâu đài tại Ferrare mà nơi ấy chàng đã sống một thời gian đắm chìm trong thơ mộng.

Rồi *Monna Lisa* lại bị người chồng ghen ấy nhốt lại trong 4 bức thành sầu chăng? Hay nàng liều-lĩnh bất chấp dư luận bay theo Léonard de Vinci để kéo dài mối tình cho đến tận cùng? Không, họ không bao giờ gặp lại nữa! *Monna Lisa* trở lại sống cô đơn giá lạnh trong lâu đài ở Ferrare.

Từ đó, không còn ai nghe nói đến tên nàng. Có chăng mầy chục năm sau, nàng đã trở nên góa phụ, lúc ấy nàng gần 50 tuổi.

Một người quen biết với nàng thuật lại: « Nếu nàng không cho tôi biết tuổi thiệt của nàng gần 50 tuổi thì không bao giờ tôi đoán ra. Sắc diện nàng vẫn tươi như thuở còn xuân, không một đường da nhíu nhăn trên khuôn mặt. Nhìn nàng vẫn tưởng nàng vẫn còn lối hai mươi tuổi đầu. »

La Joconde : 4000 nén vàng !

Trên bước đường phiêu-lưu Léonard de Vinci đi đến La-mã, dừng chân lại bên cạnh Đức Giáo-hoàng trong một thời gian ngắn, rồi lại tính việc viễn du. Cảnh-tình nước Ý còn gì lôi kéo nhà họa-sĩ tài tình ấy nữa! Chàng đã chán nản, mệt nhọc.

Vua nước Pháp lúc bấy giờ là François 1er rất hâm mộ nghệ-thuật, nghe danh Léonard de Vinci liền đề-nghị với chàng sang Pháp, bảo-đảm đầy đủ đời sống cho chàng.

Trong cuộc hành trình chậm chạp sang qua xứ người trong hành-lý của Léonard de Vinci chỉ có mỗi một bức họa *La Joconde*. Léonard tới điện Amboise vào ngày 10 tháng mười 1516.

Vua nước Pháp tiếp rước chàng với tất cả sự long-trọng đối với một bực tài-danh. Tiệc tùng, dạ-hội mở ra có đủ triều-đình, quí-tộc.

Để cho Léonard de Vinci có

chỗ yên tịnh ngơi nghỉ, François 1er hiến cho một lâu-đài ở Cloux tuy không lớn nhưng rất đẹp ở gần điện Amboise. Như vậy rất tiện cho nhà vua yêu nghệ-thuật thường lui tới thăm viếng họa-sĩ.

Một hôm, nhơn François 1er đến lâu đài Cloux, Léonard de Vinci mới đem *La Joconde* trình cho vua xem. Vua chóa mắt vì sắc đẹp của người mẫu và phục tài hội-họa của Léonard de Vinci. Vua ngỏ ý muốn mua bức tranh *La Joconde*.

Nếu với ai khác, hẳn là họa sĩ không bao giờ chịu nhường song đối với nhà vua đã trọng đãi chàng biết bao nhiêu. Ơn sâu, nghĩa nặng, hơn nữa, đời của họa sĩ đến đây cũng đã đến lúc xế chiều, chàng giữ *La Joconde* sao bằng nhà vua. Thế là Léonard de Vinci đành chịu nhượng cho François 1er với số vàng là 4 000 nén, tính theo quan Pháp có đến 9 triệu quan.

Giao bức tranh *La Joconde*, Léonard de Vinci còn được dịp ngắm-nghía người xưa mãi cho đến 3 năm sau vào ngày 2 tháng năm 1519, nhà họa-sĩ đáng bực sư vang danh thế-giới buông hơi thở cuối cùng trên đất Pháp.

SỞ-THƯỢNG-GIANG

SAO ĐÂY CHỈ CÓ MỘT ?

Hai vợ chồng một gia-đình nọ rủ nhau vào Chợ-lớn ăn, lúc người bồi bàn đem một dĩa xa-lách trộn dấm ra, người chồng nhìn dĩa xa-lách và hỏi :

— Này anh, dĩa rau nầy để cho hai người ăn hay một đấy ?

— Thưa ông, hai người ăn ạ.

Người chồng cầm đũa gắp ngay một con sâu ở trong dĩa ra và nói :

— Thế sao đây chỉ có một con sâu thôi vậy ?

Tuấn CHÀNG TRAI NƯỚC VIỆT

DẪN CHỨNG LỊCH SỬ XÃ HỘI HIỆN ĐẠI

1910-1960

★ Nguyễn-Vỹ

(Tiếp theo P.T. 99)

TUẤN đã viết thư về nói dối với cha mẹ là ở lại Qui-nhơn để học tư, nhưng sự thực là suốt ba tháng nghỉ hè Tuấn không hề mó đến một quyển sách hay một tập vở. Cả ngày Tuấn ưa lai vãng đến nhà mấy đứa bạn để đọc lén tờ *Thực-nghiệp Dân-báo*. Sau có thêm tờ *Khai-hóa nhật-báo*, tờ *Trung Bắc tân-văn*, cả ba đều từ Hà-nội gởi vào. Từ Sàigòn gởi ra có tờ *Sài-Thành nhật-báo*, *Đông-Pháp thời-báo*, một tờ báo Tây, *Echo Annamite* của một người Annam làm chủ bút, tên là Nguyễn-Phan-Long, và tờ *La Cloche Fêlée* cũng của một người An-nam tên là Nguyễn-an-Ninh. Tuấn không biết những tờ báo nầy do ai ở Saigon gởi ra, ai ở Hà-nội gởi vào, và ai ở Qui-nhơn gởi mua. Chỉ biết rằng cả Qui-nhơn chỉ vài ba người có mà thôi, và được chuyền nhau mượn coi lén lút trong một nhóm học-trò đệ-nhị và đệ-tam niên.

Giáo-sư An-nam không dám coi báo, trừ một ông giáo người Bắc dạy Quốc-Văn, mà học trò thường gọi là ông Đốc Bính và thầy trợ T. dạy lớp Năm, mà trong thành phố người ta gọi là « Thầy Cộng Sản » để ngạo cái chủ trương của thầy là « của đời muôn sự của chung ». Nhưng ông Đốc Bính thường dặn trò Tuấn đừng chơi thân với Thầy T, vì thầy nầy là một con « *mouton* »

(con cười), tiếng Pháp có nghĩa là kẻ làm mật thám. Do đó, học trò bảo nhau là thầy T làm mật thám cho Tây. Ở các sở nhà nước, hầu hết các Thầy Thông, Thầy Phán đều không dám coi báo công-khai trừ hai thầy ở Kho-bạc, và một thầy ở Tòa-Sứ. Thầy này hăng hái nhất, tuy còn trẻ, lối 23, 24 tuổi, quê quán ở Huế, và chưa có vợ, tên là thầy Đồng sĩ-Bình. Mặt thầy nhiều mụn, và lúc nào thầy cũng nói tiếng Tây để chửi Tây. Tuấn mê nghe Thầy giảng về « *Les Droits de l'Homme et du Citoyen* (Nhân quyền và Dân-quyền). Thầy nói tiếng Tây rất trôi chảy, giảng tiếng Tây rất hay, và lạ nhất là ít khi Tuấn nghe thầy nói tiếng An-nam. Có lẽ tiếng An-nam chửi Tây không hay bằng tiếng Tây, Tuấn nghĩ thế nhưng không dám hỏi. Cũng có lẽ nói tiếng Tây đã thành ra thói quen của những người học tiếng Tây đã giỏi, cho nên có một lần Tuấn được dự một cuộc hội họp bí-mật tại nhà ông Đốc Bính, suốt mấy tiếng đồng hồ ông và thầy Đồng-sĩ-Bình đều nói tiếng Tây, để hô hào tụi học trò theo phong trào « ái-quốc » và chống Tây, chửi Tây kịch liệt.

Lúc bấy giờ những danh từ « dả đảo », « thực dân », « đế-quốc » v.v... chưa ai dùng. Người ta chỉ có đầu môi một chữ thông thường nhất là : **«Cách mạng»**.

Đêm nhóm họp đầu tiên ấy do thầy Thông-Phán Đồng-sĩ-Bình tổ-chức và chính thầy bảo trò Tuấn chạy đi rủ thêm trò Quỳnh, trò Tố, và trò Thu đến nhà ông Đốc Bính. Lần đầu tiên Tuấn được nghe hai chữ **Cách-mạng** do thầy Bình lập đi lập lại không biết bao nhiêu lần. Ba tờ báo Hà-nội thuật chuyện cụ **Phan-Bội-Châu**. Báo quốc-ngữ Saigon thuật chuyện cụ **Phan-châu-Trinh**. Tờ báo Pháp-ngữ *La Cloche Fêlée* của ông **Nguyễn-an-Ninh** thì chửi Tây và hô-hào « Cách mạng » hăng hái nhất. Mỗi lần Thầy Bình trao cho trò Tuấn một tờ báo ấy, thầy đều căn-dặn xem xong phải chuyền cho mấy trò khác xem. Nhưng Tuấn không bao giờ dám đem báo vào lớp học. Mỗi lần xem xong trò đút nó trong lưng quần dưới lớp áo dài đen, và chạy đến nhà trò Quỳnh, đưa lén cho trò này.

Một buổi tối, Tuấn đến nhà thầy Bình, (thầy ở một mình một căn nhà mướn trong một ngõ hẽm gần bờ sông). Thầy chỉ cho Tuấn một bài Thơ bằng

chữ Nho ký tên là Phan-châu-Trinh, do tự tay Thầy chép ra bằng nét chữ đậm và thật đẹp, lồng khung kiến treo trên tường. Tuấn không biết bài Thơ này do Thầy chép ở đâu ra, nhưng Tuấn học thuộc lòng ngay. Bài Thơ như sau đây :

Thế sự hồi đầu dĩ nhứt không,
Giang-san hòa lụy khấp anh-hùng
Vạn dân nô lệ cường quyền hạ,
Bát cổ văn chương túy mộng trung.
Trường thử bách niên cam thoá mạ,
Bất tri hà nhựt xuất lao lung
Chư quân vị tất vô tâm huyết
Thỉnh bả tư-văn khán nhất thông

Tuấn đã được học chút ít chữ Hán, nhưng lần đầu tiên nghe những chữ mới lạ : *anh hùng, nô lệ, cường quyền, lao lung, tâm huyết*, Tuấn chưa hiểu rõ nghĩa cho lắm. Thầy Bình ngâm từng câu, giảng từng ý, rồi thầy ngâm đi, ngâm lại nhiều lần. Thầy giảng rộng ra nữa, và nói :

« Nước Annam đã mất, nhà An-nam đã tan, dân An-nam bị làm nô lệ !

« Đồng bào như người mê ngủ chưa tỉnh ngộ để cho Tây nó đè đầu, nó áp chế... Một trăm năm nữa cũng đành chịu hay sao ? » v.v...

Thầy nói bằng tiếng Tây, rất hăng hái, rất say mê. Thầy đập tay xuống bàn, thầy dẫm chân xuống đất, thầy hét lên : « Trời ơi ! Trời ơi ! Nước An-nam là con rồng cháu Tiên, mà dân An-nam ngày nay là tôi, là tớ, là mọi, là rợ, bị xiềng xích, gông cùm, áp-chế ! Thế có tủi nhục cho Hồn thiêng của Đất Nước hay không ? ». Bỗng thầy òa ra khóc, thầy gục đầu xuống bàn, khóc nức nở... Tuấn bị quá cảm xúc, cũng rưng rưng nước mắt, ngồi khóc ngây-ngô. Tuấn nhìn lên bài thơ đóng khung treo trên tường, càng nhìn càng khóc. Mỗi câu thơ như :

Vạn dân nô lệ cường quyền hạ,
Bát cổ văn chương túy mộng trung !

mà thầy Bình đọc đi, đọc lại, kêu gào lên, rồi khóc, làm cho trò Tuấn có cảm tưởng như đấy chính là tiếng nói đau khổ, tiếng rên-siết bi thương của một vong-hồn huyền-bí, hiện về kêu gọi con cháu bằng giọng ai-oán lâm-ly.

Không khí bi thảm ấy kéo dài một lúc lâu. Rồi thầy Đồng-sĩ-Bình ngước đầu dậy, mắt còn đẫm lệ, bảo trò Tuấn :

— Tuấn ơi ! chúng ta là con cháu của Hồng Bàng, của Lạc Long quân, ta phải làm thế nào

chứ ! Làm thế nào để phá tan cái xiềng-xích nô-lệ, để đòi lấy Độc-lập, để...

Tuấn chỉ biết ngồi cúi đầu nghe và khóc.

Thầy Đồng-sĩ-Bình đứng dậy, đôi mắt Thầy đỏ ngầu, tay thầy run lên thầy chỉ ngón tay lên bài Thơ chữ Tàu của cụ Phan-châu-Trinh, và nói bằng tiếng Pháp có vẻ căm giận, oán-thán, nhấn mạnh từng câu :

— *Notre grand Patriote Phan-chu-Trinh a dit : nous sommes des esclaves !... Nous sommes des esclaves !...*

(Nhà đại ái-quốc của chúng ta là cụ Phan-chu-Trinh đã nói đấy : chúng ta bị làm nô-lệ... chúng ta bị làm nô-lệ...)

Rồi thầy nói liên tiếp bằng tiếng Pháp, thầy nói thao-thao bất-tuyệt, thầy nói cho đến trào nước miếng hai bên mép, đổ mồ hôi trên trán, trên má, thầy hô hào « cách mạng » : phải làm cách-mạng ! Phải làm cách-mạng ! Il faut faire la Révolution ! Il faut faire la Révolution... ! pour que les Annamites ne soient plus des esclaves, pourque les Français ne soient plus des oppresseurs... des tyrans... (để cho người An-nam hết làm nô-lệ nữa, để cho người Pháp hết còn áp-chế tàn bạo nữa !)

Tuấn đã bị hoàn-toàn thôi miên bởi giọng diễn-thuyết hùng hồn ai oán của thầy Đồng-sĩ-Bình, Thông-Phán đầu tòa của Quan Công-Sứ Pháp, chủ tỉnh Qui-nhơn !...Đêm hôm sau, Tuấn đến nhà trọ của mấy cô học trò lớp Nhất. Năm nầy cô Thục lưng-quần-đỏ đã thi đỗ « primaire » về nhà lấy chồng làm chánh Tổng, cô Lài cũng đã thi đỗ, được mẹ cho ra Huế học trường Đồng-Khánh. Chỉ còn cô Trâm và cô Anh thi rớt phải học lớp Nhất trở lại một năm nữa. Tuấn đem bài thơ đã học thuộc lòng ở nhà thầy Bình, đọc cho Trâm và Anh nghe. Tuấn lập lại những lời hô hào cách mạng của thầy Đồng-sĩ-Bình, và Tuấn cũng đã được tiêm nhiễm những giọng say mê ai oán của Thầy, nói hùng hồn như Thầy, đến đỗi một lúc sau Tuấn cũng bị xúc động gục đầu xuống bàn khóc... Trâm và Anh cũng rưng-rức khóc theo... Đêm ấy Tuấn nói hết những gì Tuấn biết về việc hai cụ Phan-Bội-Châu và Phan-Chu-Trinh cho Trâm và Anh nghe say sưa, mãi đến gà gáy sáng.

Sau kỳ nghỉ hè năm ấy, một số đông học trò ở toàn xứ Việt nam khắp ba kỳ, đều hăng-hái như Tuấn, đều thuộc lòng bài thơ của cụ Phan-chu-Trinh, bài

thơ « cách mạng » đầu tiên đã vang dội trong đầu óc thanh-niên thế-hệ 1925. Trong những trường hợp đại khái như trường hợp của Tuấn, việc cụ Phan-Bội-Châu bị bắt giam ở nhà lao Hà-nội, việc cụ Phan-Chu-Trinh về Sai-gon và bài Thơ của Cụ « *Thế sự hồi đầu dĩ nhất không...* » được truyền bí mật đi khắp nước, đã làm đảo lộn tinh thần thanh niên từ Bắc chí Nam.

Học trò con gái phần đông là nghe theo học trò trai, cũng được tiêm nhiễm tinh thần cách mạng, và sau nầy cũng hăng hái, thân thiện, cùng với bạn trai tham gia tất cả các cuộc hoạt động bí mật và công khai, làm « phá rối cuộc trị an của nhà nước Bảo hộ. »

Tuấn viết bức thư đầu tiên cho Lài ở Huế, như sau đây. (Lài ở « Internat » ký túc xá, trường Đồng-Khánh. Thư phải đề gửi cho một cô bạn cùng lớp đệ nhất niên với Lài, nhưng ở trọ nhà bà cô ở Thành-nội, nhờ cô bạn trao lại cho Lài).

Le 6 Octobre 1925

Cô Lài ơi,

Cô ở Huế, mà việc cụ Phan-bội-Châu, một bậc anh hùng ái-quốc bị Tây bắt ở bên Thượng-Hải giải về giam trong nhà tù Hà-nội, ngoài Bắc-Kỳ, cô có nghe tin không ? Việc cụ Phan-châu-Trinh, bậc anh-hùng chí-sĩ ở Tây mới về Nam-kỳ, cô có biết không ?

Bài thơ của cụ Phan-chu-Trinh : « Thế sự hồi đầu dĩ nhất không, giang san hòa lụy khắp anh hùng, Vạn-dân nô-lệ cường quyền hạ, bát cổ văn-chương túy mộng trung, trường thử bách niên cam thóa mạ, bất-tri hà nhựt xuất lao lung, chư-quân vị tất vô tâm-huyết, Thỉnh bả tư-văn khán nhứt thông». Cô có thuộc không ?

Cô trả lời cho tôi mừng kẻo tôi nóng lòng lắm. Còn cô Thục thi đỗ rồi mà không ra Đồng khánh tiếp tục học như cô, lại ở nhà lấy chồng lão Chánh-Tổng nhà giàu góa vợ. Tụi tôi tức giận lắm đó. Tết nầy cô có về Qui-nhơn ăn Tết không ? Nếu cô về, thì tôi ở lại để chơi với cô trong mấy ngày Tết. Tụi mình đến nghe thầy Bình giảng Les droits de l'Homme et du Citoyen *(Nhân quyền và Dân quyền). Tôi có cái hình cụ Phan-Bội-Châu đẹp lắm; nếu cô không có thì tôi gởi ra cho cô.*

Tôi với Anh và Trâm nhắc đến cô hoài. Cô đau mắt hột, đã bớt chưa ? Tôi chúc cô học tiến bộ nhiều.

Thơ bất tận ngôn. Au revoir, mademoiselle. Votre ami dévoué : Tuấn

Hơn mười ngày sau, Tuấn được thư Lài trả lời như sau :

Huế, le 18 Octobre 1925

Anh Tuấn ơi,

Em bắt được thư anh sáng thứ Tư, chị Tuyền đưa vô cho em mà Tuyền đã xé coi trước. Em giận lắm. Ở Huế, mấy cô trợ giáo và học trò trường Đồng-khánh cũng bàn tán lao-xao việc cụ Phan-bội-Châu bị bắt bỏ tù ở Hà-nội. Mấy bữa ni đang làm đơn gởi Quan Toàn quyền để xin tha cho cụ. Tụi em theo mấy anh học trò trai trường Quốc-học và cũng hăng-hái vận-động đánh giây thép ra Bắc-kỳ để xin ân-xá cụ Phan-Bội-Châu. Còn trường Qui-nhơn của mình ? Không lẽ mấy anh làm thinh để cụ Phan bị tù sao ? Anh nghĩ sao, cho em biết, em mong tin anh lắm. Cụ Phan-Châu-Trinh diễn-thuyết ở Nam-kỳ, hô-hào lập « dân-chủ », bỏ « quân-chủ ». Em có một cuốn sách in bài diễn-thuyết đó. Anh có không ? Nếu không, thì em gởi vô cho anh. Hay hạng nhứt, anh Tuấn ơi, em đọc say mê. Làm sao em gởi lén vô cho anh ? Nhưng có một trò con trai bị linh Vua bắt, vì đang ngồi cầu Trường-Tiền đọc quyển đó. Bài Thơ anh chép cho em, em cũng có rồi. Ở Huế, ai cũng thuộc bài đó, anh ơi. Trong lớp em, trò nào cũng thuộc lòng. Tết, em phải về Qui nhơn thăm Mẹ em, em nhớ mẹ em lắm. Anh Tuấn ở lại ăn Tết với em hỉ ? Thiệt hỉ ? Em không có ảnh của cụ Phan-Bội-Châu, nhưng em thấy trong tờ báo Khai-hóa *ở Hà-nội gởi vô cho cô giáo, cô giáo có đưa cho tụi em coi. Cụ đẹp quá, oai quá, anh hỉ. Anh ơi, dân nước An-nam mình bị làm nô-lệ cho cường quyền, anh có buồn không ? Nghe tin cụ Phan-Bội-Châu bị tù, tụi em khóc hết. Tụi em nhứt định xin tha cho cụ. Em đã thuộc lòng bài thơ anh làm tiễn em đi Huế, và thuộc lòng cả bài thơ của cụ Phan-Châu-Trinh, với bài « Huyết-lệ-Thơ » của cụ Phan-Bội-Châu nữa. Tết em về, em đưa cho anh coi bài Huyết-lệ-Thơ, em không dám viết vô đây, bài đó ghê lắm, anh à.*

Em nhớ mẹ em, em khóc hoài.

Em cũng nhớ anh, em gởi lời thăm chị Trâm, chị Anh, và chúc hai chị sang năm thi đỗ để ra Huế học với em.

Tết, anh ở lại đừng về Quảng-Ngãi, anh hỉ. Ông docteur chữa bịnh trachome cho em đã gần bớt.

Votre affectueuse amie qui pense à vous.

LÀI

Tái bút.— Nếu chưa lo việc làm đơn xin tha cụ Phan-bội-Châu thì anh nên làm thiệt gấp. Ngoài Huế nầy, mấy chị lớp trên nói : nếu Nhà nước kết tội chém cụ Phan-bội-Châu, thì cả trường Đồng-Khánh sẽ làm lễ đề tang cho cụ. Em viết tới đây, em khóc vì em sợ họ không tha cho cụ đâu. Anh Tuấn ơi, nếu cụ Phan bị chết chém thì anh cũng đề tang, nghe không anh ? Anh cổ động mấy anh học trò ở trường mình cho đông, thì sợ gì. Anh làm đơn gởi đi thiệt gấp. Nghe nói quan Toàn-quyền mới, tên là Alexandre Varenne, gần sang An-nam rồi, để xử cụ Phan-bội-Châu. Chúng ta làm đơn xin ân xá cho kịp ngày, nếu để trễ thì nguy cho tính mạng bậc chí-sĩ anh hùng của nước ta. Tụi em ngoài nầy mấy tuần nay chỉ lo có một việc đó thôi. Em chờ thơ anh — au revoir, anh. Votre amie fidèle. Lài.

●

Đọc thư cô Nữ-sinh Đồng-Khánh, bị xúc-động về vụ Cụ Phan-Bội-Châu có thể sẽ bị chết chém, Tuấn vụt chạy ra sau nhà bếp ngồi khóc một mình. Cũng như những đám học-trò con trai con gái khác đã bị ảnh-hưởng về vụ Phan-Bội-Châu, — ảnh-hưởng tự-nhiên, ngấm-ngầm nhưng vô-cùng mãnh-liệt, — Tuấn sùng-bái Cụ Phan-Bội-Châu không xiết kể, và cứ hồi-hộp lo-sợ Cụ bị chết chém. Tuấn chạy đến nhà thầy Đồng-sĩ-Bình, và rưng-rưng nước mắt, nói thầm với thầy : « Thầy ơi, tôi nói dại-dột, nếu lỡ mà Cụ Phan-Bội-Châu bị chết chém thì làm sao ? » Thầy Bình đang ngồi ăn cơm tối, vụt ném chén cơm và đôi đũa xuống đất, tiếng kêu choảng-choảng... Thầy đập bàn tay thật mạnh trên bàn và la lên giận-dữ, bằng tiếng Tây : « Jamais ! Jamais ! Jamais les Annamites laisserout mourir ainsi le Grand Patriote Phan-Sào-Nam ! » (Không đời nào ! Không đời nào người An-Nam để cho nhà Đại-chí-sĩ Phan-Sào-Nam chết như thế !).

Nhưng rồi như điên như cuồng, thầy gục đầu xuống bàn khóc, vừa lầm-bầm như cầu-nguyện : « Cụ Phan không chết !... Cụ Phan không chết !... *(còn nữa)*

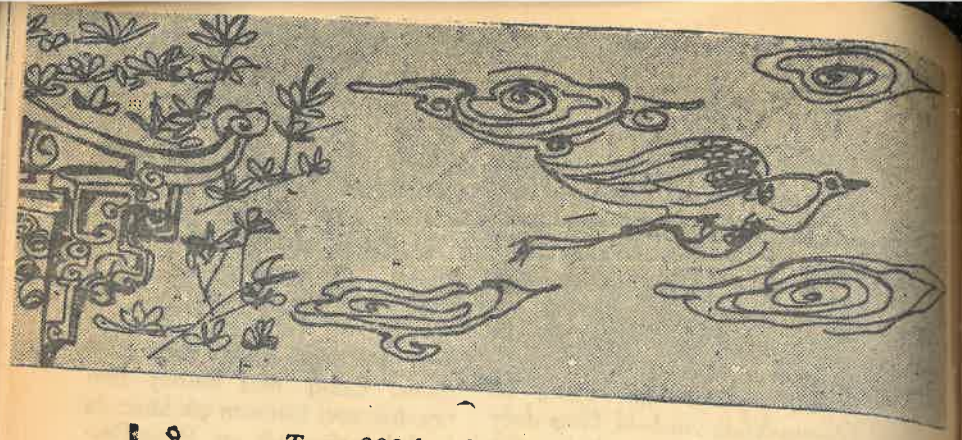

★ Thôi-Hạo

Trong 300 bài thi Đường được lựa chọn, thi gia Trung-quốc đã đem bài thơ Hoàng hạc lầu lên bực nhứt. Người ta nói: Lý-Bạch khi qua chơi ở lầu nầy, cũng tính đề một bài thơ, nhưng chợt thấy bài thơ ấy, liền gát bút và nói :

Bao nhiêu cảnh tình ở đây, Thôi Hạo đã miêu tả ra hết cả, ta còn đề mà làm gì? Thế rồi, Lý bỏ qua Phụng hoàng đài và đề ở đó một bài. Vì thế mà từ thần thơ đến cách kiến trúc bài thơ, cả hai bài như rập nhau ở cùng một khuông vậy.

Đã dịch bài Hoàng hạc lầu, dịch giả nghĩ nên dịch luôn bài «Phụng hoàng đài» để cống hiến bạn đọc.

Nói riêng về thơ dịch bài Hoàng hạc lầu được các thi gia của ta phiên dịch có cả hàng trăm hàng ngàn bài, nhưng tựu trung, theo ý kiến nhiều người, chỉ có bài của Tản-Đà là xuất sắc hơn cả. Tiếc một điều là Tản-Đà lại dịch nó bằng thể lục bát, thành ra dù hay cũng không sao theo đúng được cái thi-hương của nguyên-tác.

Bài của bạn Hồng-Tiêu dưới đây dịch theo Đường-luật, không những trên lời văn mà đến cả ý văn, cũng ráp theo đúng tinh thần của nhà thơ Trung-quốc. Thật là một bài dịch xuất sắc.

Tích nhơn dĩ thừa Hoàng hạc khứ
Thử địa không dư Hoàng hạc Lầu
Hoàng hạc nhứt khứ bất phục phản,
Bạch vân thiên tải không du du.
Tình xuyên lịch lịch Hán dương thọ,
Phương thảo thê thê Anh võ châu.
Nhựt mô hương quang hà xứ thị ?
Yên ba giang thượng sử nhơn sầu !

lầu hoàng hạc

★ Hồng-Tiêu dịch

Cõi hạc người xưa tếch mất rồi
Đất nầy lầu hạc đứng trơ thôi,
Một đi chim hạc không quay lại,
Muôn thuở vừng mây cứ mãi trôi.
San sát Hán dương cây lớp bến,
Um tùm Anh võ cỏ đầy doi.
Quê hương bóng xế nơi nào tá ?
Khói sóng trên sông não dạ người.

mơ bóng cố hương

★ TÔN-NỮ HỶ-KHƯƠNG

Kỷ-niệm ngày Đại-Tường của Phụ-Thân (19 tháng 2 xuân Quý-Mão, 1963) Saigon

Xa cách một năm rồi,
Lòng thương nhớ không nguôi!
Có ai về chốn cũ,
Cho nhắn gởi đôi lời.
Nhắn cùng non nước Bình Hương ấy,
Có nhớ hôm nào đưa tiễn tôi?

Cũng vào độ tháng hai,
Giữa mùa xuân năm trước.
Nhưng liễu không xanh mướt,
Hoa không thắm ngàn mai.
Nắng không sưởi ấm lòng nhi-nữ,
Vẫn nặng sầu vương mối cảm hoài...

Nay cách trở đôi đường,
Nương cánh gió ngàn phương:
Thả mộng hồn say đắm
Mơ hình bóng cố hương:
Sông Hương lờ-lững trăng in nước,
Núi Ngự mơ-màng nắng điểm sương.

Hoàng-hôn về hoang vắng,
Mồ ai ngát khói hương.
Tiếng chuông chùa văng vẳng,
Xa đưa trong đêm trường.
Câu hò mái-đẩy tình chan-chứa...
Khúc nhạc Nam-bình điệu cảm thương...

★ Minh-Đức
(Paris)

NGÀY tôi về với người chủ mới là một ngày cuối đông, cuối đông hay giữa đông gì cũng thế, trời lạnh, tuyết phủ đầy cả đường, vẽ những nét trắng nổi lên khắp các cành cây trụi lá.

Người chủ mới của tôi là một cô gái bé nhỏ, người hơi gầy, có mớ tóc dài và tính nết rất hay đùa nghịch.

Từ giã người chủ cũ để về với cô gái nhỏ, lòng tôi không hề luyến tiếc. Đời tôi đã biết mấy lần đổi chủ, với người chủ nào thì tôi cũng chỉ là một cây đàn bằng gỗ tức là một vật vô tri vô giác như trăm ngàn đồ vật vô tri vô giác khác mà thôi. Nếu họ có nâng niu gượng nhẹ tôi, chẳng qua vì họ sợ phải bỏ tiền ra mua một cây đàn khác, họ thương cho cái túi tiền của họ chứ đâu phải họ thương gì tôi. Có người cưới vợ vì yêu vợ, có người cưới vợ vì cần một chị đàn bà, cái khác nhau của con người nghệ-sĩ và tên thợ đàn, thợ vẽ là ở chỗ ấy...

Từ lâu lắm rồi, chủ tôi muốn bán tôi bởi tôi già, tôi

xấu, tôi vô dụng nhưng vì tìm chưa ra khách.

Còn đâu cái thuở xa xưa, tôi cũng đã có một thời trẻ trung xinh đẹp nằm rất khêu gợi trong tủ kính của một hiệu đàn danh tiếng tại Valencia ở Espagne.

Bao nhiêu bàn tay sành sỏi ngày ngày đến ôm tôi vào lòng, nắn lên những tiếng trầm tiếng bổng, bao nhiêu cái nhìn thèm khát lượn qua lượn lại trước gian hàng, bao nhiêu cái trán, cái mũi dán sát vào tủ kính để ngắm nghía nhan sắc tôi. Đẹp là gì nếu không là da thịt rắn chắc, nước sơn bóng nhoáng và âm thanh rền vang.

Nhưng thôi không nhắc lại chỉ càng thêm khổ, ai chẳng có một thời xuân trẻ. Đi từ Espagne sang đến Paris, thời gian đã làm cằn cỗi cả xác thịt lẫn tâm hồn, mỗi một lần đổi chủ là một lần hạ giá, từ 300 pesetas mà xuống còn có mười mấy nghìn quan (giá lừa đảo). Thật là nhục nhã, chưa kể đến những sự mặc cả, những sự va chạm trong lúc xê dịch. Còn gì là tôi...

Cô chủ mới của tôi rất nghèo, lại còn nghèo hơn tất cả những người chủ trước. Nàng ở trong một căn gác trọ tồi tăm, cả gian phòng không bằng một góc bếp của những người chủ trước, nếu ban ngày không mở đèn thì chẳng khác gì ban đêm. Nhưng nghèo mà có chút tâm hồn vẫn hơn cái phường túi cơm giá áo, đưa cầm tình đi bán chợ đen, xem cây đàn không bằng giá trị một thanh củi tạ. Với họ, thanh củi tạ còn nấu chín được nồi cơm.

Muốn mua được tôi, cô gái ấy phải bán một ít sách, nhịn ăn mất mấy ngày hoa quả, thịt, rồi còn phải xin giả góp trong hai tháng.

Chủ cũ của tôi rất muốn tống tôi đi, mà cũng phải tống cho có lãi, gặp được một cô bé khờ khạo, còn gì sướng hơn, lấy cớ rằng tôi là một của quý mang từ Espagne sang, con giòng của giống chứ không phải phường tục tử như những cây đàn làm ở Pháp. Chỉ những khi đưa ra bán cho ai tôi mới được nghe những lời ngợi khen như thề, nhưng « có ai biết ta bằng ta.. »

Thế là chiều hôm ấy tôi

theo cô bé về nhà mới, với chủ trước tôi chỉ là một cây đàn cũ kỹ, bệnh hoạn, sự có mặt của tôi chỉ làm chật nhà, suốt ngày chẳng ai thèm ngó ngàng đến. Ở đây tôi là một bảo vật, là người yêu số một của nàng.

Tuy rằng trong nhà đã có một cây hạ uy cầm, chúng tôi gặp nhau không ghen tương, giận dỗi, lạnh lùng, như phần đông những người yêu tầm thường khác. Hạ uy cầm ngoan ngoãn và rất biết thân phận mình, hắn không hề dám đòi hỏi gì cả. Lâu lắm chủ tôi mới ôm đến hắn một lần, tất cả bao nhiêu tình thương chủ tôi chỉ dồn cho riêng tôi. Đêm đêm tôi ngủ cạnh nàng, mỗi lần nàng ho lên một tiếng nhỏ là tất cả phím tơ tôi rung vang theo.

Tôi cùng nàng đi hát khắp nơi.

Có những đêm đi về khuya, nàng run sợ cố lấy giáng mạnh bạo để tránh cái nhìn tò mò của những người say, người điên và những người quên đạo đức. Có những đêm đường phố vắng tanh chỉ mình hai chúng tôi còn thức, tôi là bạn thân, là thần hộ vệ, mà cũng là yếu tố sinh sống của nàng.

Có những đêm nàng được hoan hô nhiệt liệt nàng nhìn tôi mỉm cười, nụ cười bao hàm tất cả mọi tình cảm. Trái lại có những đêm nàng gặp cái thứ khán giả gỗ đá, nhất định không hiểu, người ta đến không phải để nghe trình bày ca nhạc mà để tán tỉnh nhau. Nàng buồn rầu lên ngồi một mình trên « lô » dành riêng cho nghệ sĩ, nàng đã khóc trong lòng tôi, nước mắt của nàng rỏ xuống da thịt tôi vẽ thành từng chấm hoen ố. Nước mắt của những kẻ giàu sang hạnh phúc có mặn và ấm như thế chăng ?

Có những phút nhớ quê hương, nhớ mẹ, nàng đã cùng tôi ca vang lên. Ôm chặt tôi vào lòng bàn tay bé nhỏ vỗ lên phím tơ đánh nhịp, ngón tay lập lánh chiếc nhẫn kim cương kỷ niệm của người mẹ già chết không được gặp. Nàng ca không thành bài, có phải đấy chỉ là những lời nói thốt tự trong tâm tư ? một vài hòa âm nhịp nhàng theo.

Ai thấy chúng tôi thương

yêu quấn quýt lấy nhau mà không tin rằng sẽ cứ như thế mãi... Nhưng còn thời gian, mỗi một phút qua có bao nhiêu người yêu nhau, bao nhiêu người xa nhau thì cũng có bao nhiêu người bâng khuâng nhìn bóng mình trước gương nhổ một sợi tóc bạc, vuốt một nếp nhăn bên mép... Tôi cũng thế, từ hơn một năm nay, có nhiều hôm tôi cảm thấy rêm mình thân thể như muốn rã rời từng mảnh, đường viền chung quanh thân tôi đã gần long và hồ dán như muốn nhả ra.

Trên sân khấu tôi đã từng phen toan phản bội nàng, vì phím tôi chùng dần, không giữ được đúng thanh âm. Có ai làm chủ được thời gian.

Thời gian, thật đáng ghê sợ...

Thế rồi một hôm, tôi còn nhớ rõ như mới hôm nay. Theo lệ thường mỗi sáng, nàng đang cùng tôi tập dượt thì có tiếng điện thoại reo. Người ta mời nàng đi hát ở một buổi đại nhạc hội. Trời mùa hè năm ấy sao mà nóng bức, từ Paris đến vùng ngoại ô của hội lại xa, phải đi bằng xe hỏa.

Cả hai chúng tôi đều không muốn đi nhưng vì cuộc sống, nàng không thể từ chối, đành phải nhận lời.

Đến nhà ga còn phải đi thêm một đoạn đường bằng xe hơi. Chúng tôi cảm thấy mệt mỏi. Xe chật, ca nhạc sĩ lại đông, ban tổ chức không thạo việc nên có rất nhiều khuyết điểm.

Người ta xếp tôi lên mui xe cùng với các nhạc khí khác. Thường lệ nàng không bao giờ chịu rời tôi, hôm nay có lẽ vì định mệnh đã xếp đặt nên mới xui ra thế. Xe chạy nhanh, đến một khúc quanh tôi bị rơi xuống đường.

Tại sao lại là tôi ? tại sao lại không là một cái trống ? một cái xập xoẻng khác... Đến nay tôi vẫn còn cảm thấy đau đớn từ xác thịt đến tâm hồn, thế là hết...

Thế là hết, tôi trở nên một cây đàn vỡ, một kẻ tàn tật, một phế nhân vô dụng. Nàng ôm tôi vào lòng rơm rớm khóc, cô thử gảy lên vài riêng, nhưng có còn gì đâu nữa ngoài cái tiếng bần bật như tiếng giây phơi quần áo ở ngoài dậu.

Mọi người đều xôn xao đến hỏi thăm, họ chỉ cho nàng cách sửa chữa, họ mách nàng địa chỉ của một nhà chuyên bán đàn lục huyền lậu thuế. Có người đòi cho mượn đàn để nàng lên sân khấu nhưng nàng từ chối.

Lần cuối cùng tôi với nàng hòa chung đấy là nhã ý của nàng muốn cho tôi lên chào khán giả một lần chót. Biết rằng âm thanh của tôi không còn, nàng phải đến nói khẽ với người nhạc sĩ hãy theo giọng nàng bằng nhịp cương cầm thay tôi, cảm ơn sự tế nhị của nàng, nhưng càng nghĩ lại càng tủi thân...

Thế rồi trong tiếng vỗ tay hoan hô hôm ấy, có ai nghe chăng, hòa lẫn với tiếng nức nở của tôi.

Hết rồi... hết tất cả... Trên đường về âm u, âm u như mầu tương lai của một cây đàn vỡ.

Mấy tuần lễ trôi qua, mỗi lần nàng đến ôm tôi chỉ để mà thở dài, không bao giờ nàng ca trọn một bản nhạc cùng tôi, nàng luôn luôn ngồi trước bàn viết tính toán, những con số, những dấu

cọng dầu trừ chi chít... Để làm gì ?

Một sáng nàng đi đâu về với một cây đàn khác, mới nguyên, láng bóng trinh bạch. Đàn mầu trắng sữa, tiếng kêu ầm ngọt. Tôi nhìn nàng đau đớn chiếc nhẫn kim cương kỷ niệm đã biến đâu mất, không còn lấp lánh trên ngón tay bé nhỏ, nàng đã cầm hay bán nó rồi chăng.

Giá nàng hiểu được lòng tôi, trời, tôi biết rằng tôi vô lý, nàng phải sống, cây đàn là một yếu tố sống của nàng, tại sao tôi lại ghen. Dầu sao nàng cũng chỉ là một con người, sống lẫn trong đám nhân loại nàng phải cúi đầu tuân theo những định luật chung của nhân loại.

Biết như thế nhưng không buồn sao được, chỗ tôi nằm ngày thường bây giờ là chỗ của cây đàn mới, nàng đã say mê hắn như đã có lần say mê tôi.

Phải công nhận rằng hắn đẹp, hắn trẻ và tiếng hắn ầm lạ lùng, hắn còn đẹp hơn cả tôi ngày xưa. Tuy không phủ nhận sự thật, tôi cũng không thể chịu an phận như cây đàn Hạ-uy. Tôi đã từng được yêu rất say mê nên cái cảnh bị bỏ rơi lại càng đau đớn.

Nàng gác tôi lên tủ cho đỡ chật nhà, đây là chỗ nằm cuối cùng của tôi rồi đó chăng ? Mỗi ngày một lớp bụi trần phủ thêm lên thân mình. Thỉnh thoảng nàng cũng đưa mắt lên nhìn tôi, nói vài lời an ủi, nhưng để làm gì. Tôi muốn được hơn thế nữa, tôi muốn ngân vang, tôi muốn run rẩy trong cánh tay, tôi muốn hòa nhịp với giọng ca của nàng.

Những sự ước muốn ấy ngày nay chỉ là những ý nghĩ điên rồ không bao giờ còn có thể thực hiện.

Cây đàn thứ ba đã đến chiếm trọn tình yêu trong lòng nàng, còn tôi chỉ là một cây đàn vỡ, một đống gỗ mục.

✱

Chiều nay trời lạnh, cũng cái lạnh giống hệt độ nào chúng tôi mới quen nhau. Tôi nằm trên gác tủ lắng nghe nàng nói chuyện với một người bạn bên cạnh bếp lửa.

— Chắc tôi sẽ đốt cây đàn nầy, đợi một đêm nào rét buốt nhất, tôi sẽ mời vài người bạn, hay chỉ một người bạn thôi cũng đủ đến chứng kiến cái cảnh thiêu đàn của tôi.

— Tại sao lại phải đốt đi ? người bạn hỏi lại.

— Tôi sợ hắn khổ mỗi khi nhìn tôi ôm cây đàn mới vào lòng như ngày nào tôi đã ôm hắn.

— Cô nầy có lắm ý nghĩ kỳ lạ nhỉ, cứ để đấy treo lên thì đã sao. Ngày sau, cô lấy chồng rồi lúc cô già, cô ốm, chồng nó cũng đòi đốt có đi cô có chịu không ?

— Anh không hiểu tôi nhưng chắc hắn sẽ hiểu tôi, thà một phút huy hoàng rồi chợt tối...

Tôi thở dài, từ nãy đến giờ tâm tư căn thẳng, nghĩ đến lúc từng thớ gỗ được bùng cháy, tôi sẽ cố gắng để ngân lên một tiếng vang cuối cùng vĩnh-biệt. Đốt tôi đi, vâng xin hãy đốt tôi đi, thà chịu đau đớn đến cực độ trong một phút rồi được chết còn hơn là mỗi ngày phải nhìn người tình địch đang âm vang trong tay ai. Chúng tôi nào phải là một cái bàn, cái ghế cho loài người nằm ngồi lên, để rồi đến khi long gãy là vứt đi một xó không thèm hay biết đến. Chúng tôi là những cây đàn có linh hồn, có thanh âm, cung bực... Nhất là tôi, đã từng yêu, và đã từng được yêu...

Đốt tôi đi cho tôi được hết một kiếp... Biết đâu kiếp sau chúng ta sẽ lại gặp nhau...

● *MINH-ĐỨC*
(Paris 60)

✱ **DANH NGÔN**

● *Giàu sang không thể đổi được tâm mình, nghèo hèn không thể đổi được tiết khí mình, uy-quyền không thể chinh phục được lòng mình.*

MẠNH-TỬ

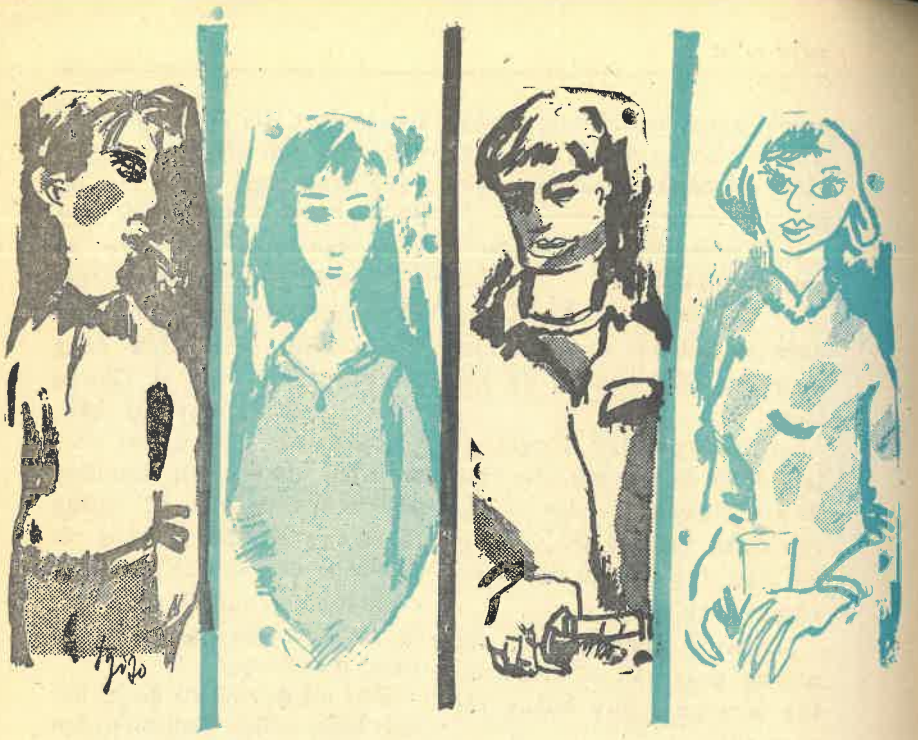

Phượng Hoàng

★ Viên-Linh

CÁC VAI

QUANG : *Hai mươi lăm tuổi, cựu vô địch Quyền Anh, thi sĩ, người sẽ tự tử.*

BÍCH : *Thu ngân viên bar Phượng Hoàng.*

LAM : *Người con gái Quang thường nhắc đến.*

ĐỘ SẦU : *Quản lý bar Phượng Hoàng.*

THỜI GIAN

Mười hai giờ rưỡi một đêm mưa.

KHÔNG GIAN.

Một quán rượu hỗn-tạp cạnh bến tàu vùng ngoại-ô thành phố. Đoạn đối thoại bắt đầu khi quán dần vắng, nhạc dĩa quay đi quay lại một điệu hát quen thuộc. Bích, thu ngân viên bar Phượng-Hoàng đang ngồi sau két đếm lại tiền. Quang ngồi lầm-lì trước cái máy hát cũ, một tay cầm cái ly không, đầu đội cái mũ dạ lấy của một anh phu xe quen.

BÍCH : Ngồi mãi sao anh ? Cái đĩa hát đó cũ quá rồi. Em đã bảo phải quên đi mà.

ĐỘ SẦU : Đĩa cũ mà hay, nhớ hoài.

BÍCH : May ra được một tuần nữa. Đàn ông như mấy con chim tránh rét mỗi mùa đông. Lạnh rồi phải đi hết.

ĐỘ SẦU : Mấy tay tổ bao giờ cũng ở lại canh chừng.

BÍCH : Canh chừng cái gì. đi bằng hết. Mấy tay tổ đi đầu nước nữa.

ĐỘ SẦU : (*pha trò*) canh chừng thời gian, cảnh cũ, tình xưa.

BÍCH : Ba ngàn tám trăm mười lăm đồng, không kể hơn một trăm tiền pour-boire.

ĐỘ SẦU : Em lấy năm chục đi. Hôm nay mưa, để em đi xe.

BÍCH : Merci. Mưa rầu ghê.

ĐỘ SẦU : Lâu lắm mới nghe em kêu rầu. Sắp có kẻ chết đến nơi rồi đây.

BÍCH : (*cười*) Còn lâu ạ.

ĐỘ SẦU : Thôi muốn nghe nữa thì ráng thay cái đĩa mới ông Quang.

BÍCH : Ông nội hôm nay chán đời quá. (*bước ra khỏi quầy, đi thong thả lại phía người đàn ông*) Thôi khuây khoả đi anh, Quên bà ấy đi. Hơi đâu nhớ.

QUANG : (*vẫn ngó cái đĩa hát như lúc đầu*) Mấy giờ rồi ?

BÍCH : Mười hai giờ bốn mươi ba phút. Còn nửa tiếng nữa thì đóng cửa.

ĐỘ SẦU : Hôm nay mưa, đóng sớm.

BÍCH : Mà anh hỏi giờ làm chi vậy ? Anh mà để ý đến thì giờ chi cho mệt. Em là đàn bà em biết, (*vuốt lại cái cổ áo cho người đàn ông*), bà ấy dẫu xa anh vẫn nhớ anh lắm.

QUANG : (*cười, soi mặt vào đáy ly*) Lại nói láo.

BÍCH : Em hỏi thật nhé : bà ấy bây giờ ở đâu ?

QUANG : Lam ấy à ?

BÍCH : Bộ anh tưởng em hỏi ai ?

QUANG : Xa lắm, ở xa lắm.

BÍCH : Bà ấy kém anh bao nhiêu tuổi nhỉ ?

QUANG : Quan hệ gì đâu ?

BÍCH : Sao không ? Tuổi tác là đời sống của tụi em.

QUANG : Em bao nhiêu tuổi ?

BÍCH : *(mở sắc lấy thuốc lá châm lửa)* Hỏi chi vậy ?

QUANG : *(nhắc lại, cười)* Em đến hai mươi lăm chưa ?

BÍCH : Ông dở quá. Hai mươi lăm để chết sớm à ?

QUANG : Lại nói láo *(châm thuốc theo)*. Nhưng đàn bà nói láo về tuổi tác thì cũng vẫn được đi. Hăm bốn ?

BÍCH : *(đứng dậy)* Thôi ngồi đấy mà đoán. Em về *(gọi to)* Độ Sầu đâu rồi, về đây.

QUANG : Mưa to lắm. Saigon mà mưa mùa này nhỉ ?

BÍCH : Mưa rầu thấy mồ.

QUANG : Bích, em bao nhiêu tuổi ?

BÍCH : Ủa anh hỏi chi kỹ vậy ?

QUANG : *(cười, đặt cái ly lên thành máy hát)* Tự dưng mê em quá.

BÍCH : *(reo)* Má ơi !

QUANG : *(đột ngột)* Lam năm nay hai mươi tuổi. Nếu đủ tuổi tụi anh đã mang nhau ra Tòa Đô Chính làm giá thú rồi.

BÍCH : *(lại ngồi xuống cạnh người đàn ông. cười)* Anh, em đủ tuổi rồi đó ?

QUANG : *(lắc đầu)* Thư thả, thư thả đi em ! Em tên thật là gì nào ?

BÍCH : Anh kỳ. Anh biết rồi mà ?

QUANG : Vẫn nói láo. Ngọc Bích hả ? Tên bịa.

BÍCH : *(buồn bắt chợt)* Cóc cần ai tin tụi em cả.

QUANG : *(vội)* Không phải. Anh đùa đó. *(thân mật)* Bích này, em tin rằng người đàn bà đó sẽ nhớ anh chăng ? *(cười)* Anh đùa đấy. Chuyện đó chỉ anh biết, *(nói to)* Độ sầu đâu rồi ?

(Im lặng hoàn toàn. Một tiếng cách, đĩa nhạc mới chuyển dần. Người đàn ông khật khưởng đứng dậy, cái mũ lệch vẫn chụp một nửa mái đầu phía sau. Tiếng giày gõ rời rạc trên nền đá hoa bóng, khô. Trong khi Quang đi ra phía cửa thì Bích lặng lẽ ngồi ngắm theo. Nàng xoa nhẹ tay lên mặt mình. Quang đi vòng theo mép tường, ngó vô định quang cảnh quán rượu lúc bấy giờ. Khi chàng đi hết vòng, quay trở lại chỗ cái máy hát Bích vẫn xoa tay lên mặt).

QUANG : *(kêu)* Bích, *(bình thản lại)* Bích, khóc đó à ?

BÍCH : *(cười nhẹ nhàng)* Em mà khóc được sao ? Em khóc để làm gì ? Em khỏi lo cái gì hết. Sống sao hay vậy anh à.

QUANG : *(ngồi xuống, đi mẩu thuốc lên tay ghế.)* Em biết tại sao anh buồn không ? Lam ấy à ? Không phải. Anh buồn vì chuyện khác.

BÍCH : *(dò hỏi)* Tán em hả ? Không vì bà Lam thì còn cái gì khác đâu ? Sống độc thân này, có tiền này, sướng quá rồi còn gì ?

QUANG : Anh chán. Không biết sáng mai anh sẽ dậy hay ngủ. Sáng mai, sáng mai. Thức dậy ngó khoảng trống bên cạnh mình, tâm hồn trơ ra như một viên gạch nơi sàn nhà.

BÍCH : Anh đã từng sống với bà Lam ngày nào chưa ?

QUANG : Em con nít nhỉ ? Tụi anh từng ở với nhau non một năm.

BÍCH : Thế thì bà ấy đi là may cho anh rồi.

QUANG : *(cười)* Mới đầu thì thú lắm. Đang sống với vợ mà được đi một mình, ăn một mình, nhất.

BÍCH : Em hỏi thật anh : bà ấy đi đâu ? Bỏ anh à ? Hay đi xa vì... công chuyện ?

QUANG : Ở xa, xa lắm, *(bối rối)* Lam đi đã lâu rồi.

BÍCH : *(trầm ngâm thở khói thuốc)* Anh có tin tưởng gì ở bà ấy không ?

QUANG : *(châm một điếu thuốc mới, chậm rãi ngừng máy hát và thay một đĩa mới. chàng phác một cử chỉ dẫn do sau cùng bằng cách vuốt tóc. Mái tóc ngắn mà bồng).* Tin tưởng ở Lam ? Tin tưởng cái gì ? Em hỏi câu đó hơi khó. Em có biết rằng Lam đã... *(ngập ngừng)* Lam đã chết.

BÍCH : *(ngạc nhiên)*. Vậy mà nghe anh nói em cứ nghĩ Lam hãy còn sống. Anh Quang,

(giọng bình thản, thoáng vui) Lam chết rồi, thế là Lam chung tình với anh nhất. Chung tình đến cuộc thay đổi cuối cùng. Em như anh thì em vui mới phải.

QUANG : *(cười buồn)*. Như thế nếu còn sống chúng ta không thể yêu nhau mãi.

BÍCH : *(lưỡng lự, thổi khói thuốc để suy tính thiệt hơn)* Em tưởng. Em tưởng... cũng đúng. Đúng thế.

QUANG : *(lắc đầu cười)* Nghe em nói càng thêm chán đời. Chết ? Chết là cách giải quyết êm đẹp nhất ? Anh không bao giờ nghĩ được như vậy. Chết là thua. Người chết không thua nhưng người còn sống thua. Lam không thua, anh mới thua.

BÍCH : Anh buồn vì thế đó à ?

QUANG : Không. *(lắc đầu)* Không biết. Nhưng anh bải hoải vì chán cái chết. Bây giờ anh đang ngồi đây với em. Anh cầm cái ly này, ngồi trên cái ghế này, nghe cái đĩa hát này, hút bao thuốc này. Mai cái ghế này vẫn còn đây, mai cái ly này được rửa sạch sẽ gói thuốc còn dăm điếu. Anh đã chết, chết từ lúc

nào không biết. Đến nỗi như anh không có thật. Chỉ là một cái bóng, thoáng qua, đi mất.

BÍCH : Nghe anh nói kể cũng chán. Nhưng làm sao anh chết được ?

QUANG : Vậy mà đêm nay, lát nữa, anh sẽ chết.

BÍCH : Thôi đừng !

QUANG : Em sẽ thấy. *(Vứt nửa điếu thuốc đang hút dở, để nó bốc khói trên mặt sàn. Vuốt tóc nữa. Một lát chàng kẹp hai ngón tay vào mấy cái răng cưa và rung)* Em nhớ đọc báo ngày kia, ngày kìa gì đó.

BÍCH : *(nhìn người đàn ông đăm đăm, gọi)* Anh.

QUANG : *(không đáp, đứng dậy. Chàng bước lơ đãng ra phía cửa, mắt nhìn bất động qua tấm kính. Ngoài trời mưa rì rào như sắp ngớt cơn. Cô gái không còn đùa cợt, lặng lẽ đến sau lưng người đàn ông. Nàng vuốt ve cái cổ áo sơ-mi lấm tấm gầu của chàng, mắt cũng ngó ra ngoài mưa. Đêm đã khuya, tiếng xe cộ thưa thớt vọng lại. Tiếng máy tầu từ ngoài bến âm âm một nhịp đều đặn buồn bã)*

BÍCH : Lam chết khi nào, anh ?

QUANG : *(nhìn chăm chú người con gái)* Lâu rồi, hai ba tháng nay.

BÍCH : Vì sao lại chết ?

QUANG : Tự dưng. Tự dưng sống thì tự dưng chết. Cái sống có sẵn và cái chết cũng đã ở đấy. *(cười)* Anh cũng vậy. Em biết khi trước anh là võ sĩ, mỗi lần lên đài anh đều thấy mình sống bần quá. Cuối cùng anh là vô địch, năm ấy là năm Lam còn sống. Vô địch tức là cái cỡ bần nhất mà anh đã sống tới. Anh nghĩ có lẽ chân tay anh bần quá. Còn cái gì khác nữa...

(Chàng thi sĩ ngừng nói. Ngoài trời mưa nhẹ dần. Bích ôm ngang lưng chàng, dìu chàng về ghế ngồi. Đèn bỗng tắt phụt).

BÍCH : Độ Sầu đấy à ? Bật đèn lên đi. Bậy nào.

Im lặng. Mưa rơi rì rào. Hai cái bóng đứng gần nhau, thân mật, lặng lẽ. Người đàn ông cúi xuống. Cái bóng hai người thu gọn vào cửa kính, lung linh trên một độ sáng mờ nhạt của nước mưa và đèn đường hắt vào.

QUANG : *(thì thầm, gục đầu lên vai người con gái)* Mai em sẽ không còn gặp anh nữa.

BÍCH : Anh đi xa Saigòn à ?

QUANG : Đêm nay anh chết. Anh cho em cái này nhé.

(Trong bóng tối người đàn ông móc túi và mở ví. Chàng cầm một vật gì đó đặt vào tay người đàn bà).

BÍCH : Gì vậy anh ? Anh định tự tử thật đấy à ?

QUANG : *(đột ngột đổi giọng)* Em tưởng anh nói đùa với em từ ban nẫy đến giờ đấy à ?

BÍCH : Không. Em không tin.

QUANG : *(dìu người con gái ra phía cửa theo một vũ điệu tưởng tượng)*

Cũng không sao ? Có gì quan trọng đâu mà phải tin hay không. Miễn em nhớ, khi nào đó, một tháng sau hay một năm sau, là anh đã có sống ở đời, đã để lại một vài dấu vết trong cuộc sống của em. Anh chỉ hy vọng ở em có thế.

BÍCH : Nếu chỉ có thế thì anh không lo. Em sẽ nhớ anh.

QUANG : Cảm ơn em trước. Thôi anh đi. Anh chúc em ở lại được sung sướng, gặp được người yêu, sống cuộc sống an ninh. Thế là hạnh phúc rồi. *(Rời người con gái, bước đi).*

BÍCH : Anh Quang. Anh... khóc đó à ?

QUANG : *(cười buồn, đấu mặt trong bóng tối)* Không. Có gì đáng tiếc đâu ?

BÍCH : *(xao xuyến)* Mà anh... anh định... thật đó à ? Anh vừa đưa cho em xấp giấy gì vậy ?

QUANG : *(ngừng lại ngoài hiên, mưa nhỏ giọt nơi mái tôn.)* Khi anh đi rồi em hãy đọc mảnh giấy đó. Địa chỉ của anh cùng một bài thơ tặng em và ít lời dặn các cơ quan hữu trách. *(Bỗng khóc, hai dòng nước mắt nhỏ, rơi trên khuôn mặt khô héo).* Bích, vĩnh biệt em. *(Bước vội ra)*

BÍCH : *(bối rối chạy theo)* Anh Quang.

QUANG : Thôi em vào đi. Gì đó em ?

BÍCH : *(ngập ngừng)* Hay là.. em về với anh đêm nay nhé.

QUANG : Cảm ơn em, không được đâu.

BÍCH : *(nổi giận)* Anh kỳ vừa vừa chứ. Anh tưởng ai em cũng đòi thế sao ? Người ta nằn nì em còn sỉ vả nữa là khác. Em không thể để anh chết thế được. Đi, em đi với anh suốt đêm nay.

QUANG : *(lắc đầu)* Anh đã bảo không.

BÍCH : Anh không thể chết vô cớ thế được. Phải có lý do thì mới đáng chết chứ ?

QUANG : *(khô khan)* Lam là lý do của anh.

BÍCH : Chỉ nghe anh nói đến Lam, Lam, Lam. Mà chắc gì Lam có thật, hay anh lại bịa ?

QUANG : Tùy em. Không việc gì đến em hết. Thôi anh về. *(bước vội)*

BÍCH : *(nổi sùng)* Thây kệ anh. Anh sống hay anh chết can gì đến ai chứ ?

QUANG : *(chớp mắt)* Đúng. Em nói đúng. Không liên quan đến ai hết.

Chàng bước hẳn ra phố. Mưa còn rơi. Người nữ thu ngân viên đứng tần ngần nhìn theo trong bóng tối cho đến khi người võ sĩ vô địch kiêm thi sĩ khuất vào một góc phố. Lúc bấy giờ tiếng máy nổ âm âm từ bờ sông vọng lại...

*

Trích một nhật báo phát hành 3 hôm sau

... Theo cuộc điều tra của chúng tôi thì tất cả bạn hữu và họ hàng thân thuộc của võ sĩ Quang đều cho biết rằng người con gái tên là Lam chỉ là một danh từ. Ông Quang không yêu một ai tên là Lam như cô Bích nữ thâu ngân viên và anh Độ Sầu quản lý bar Phượng Hoàng đã kể lại. Cô Bích lại cực lực thanh minh lá thư tuyệt mệnh của ông Quang — theo lá thư đó thì vì cô Bích đã cự tuyệt mối tình tha thiết của ông nên ông tự tử. Anh Độ Sầu cũng quả quyết cô Bích không phải là lý do cái chết của ông Quang. Vậy không lẽ ông Quang chết vô cớ ? Phải vì một lý do gì đó... Trong khi chưa tìm ra ánh sáng của vụ tự tử này, ông Độ Sầu và cô Bích đã bị tạm giữ lại để điều tra...

VIÊN-L NH

* Võ-quang-Yến
(Paris)

HÔM thứ hai 10-12-1962, đúng ngày giỗ của nhà hóa học Alfred NOBEL, lễ phát giải thưởng mang tên ông đã được long trọng diễn ra tại nhà Hòa nhạc ở Stockholm, kinh đô nước Thụy-điển, do Hoàng gia chủ tọa. Lần đầu tiên, người ta chú ý sự có mặt của các nhà đại diện hội BALZAN, sáng lập bên hai nước Ý và Thụy-sĩ, mang cùng tinh-thần và nhắm cùng mục đích với các giải NOBEL. Ông chủ tịch hội NOBEL đã hết lời hoan nghênh hội BALZAN từ nay sẽ cùng hội NOBEL nâng cao các công tác khoa học, văn chương và hòa bình trong mỗi năm. Giáo sư A. TESILIUS tuyên bố số tiền giải NOBEL hòa bình năm 1961 thưởng cho ông Cựu Tổng thư ký Liên hiệp quốc Dag HAMMARSKJOELD sau khi ông này đã bị nạn từ trần, cũng được người thừa thụ là em của ông đem hiến để lập thành hội Sten và Dag HAMMARSKJOELD. Hội này sẽ kiếm phương tiện cho nghị viện Na-uy, có nhiệm vụ cấp phát các giải NOBEL hòa bình, để thưởng tất cả các hành động có tính cách nâng cao sự hiểu biết giữa các dân tộc trong tinh thần của ông Cựu Tổng thư ký Liên hiệp quốc.

Trong số bảy người được giải NOBEL năm 1962, chỉ có sáu người có mặt ở Stockholm :

Giải sinh lý-y học : hai nhà di tính học F.H.C. CRICK (Anh), J.D. WATSON (Mỹ) và nhà vật lý học M.H.F. WILKINS (Anh) ;

Giải hóa học : hai bác sĩ J.C. KENDREW (Anh) và M.F. PERUTZ (Anh) ;

Giải văn chương : văn sĩ J. STEINBECK (Mỹ).

Còn giáo sư L. LANDAU (Nga) được giải vật lý học, vì bị nạn xe hơi, không thể qua Stockholm lĩnh giải được. Tuy nhiên, sau khi công trạng đã được nêu ra, tất cả phòng đều đứng dậy vỗ tay hoan nghênh ông. Đồng thời, ở trong một bệnh viện bên Matscova, ông Đại sứ Thụy-điển ở Liên-bang Sô-viết trao lại cho nhà vật lý học những chứng thư của giải thưởng.

Người ta để ý đặc biệt năm 1962, nước Anh chiếm bảng danh dự với bốn người được giải, mà trong số bốn người ấy đã có ba nhà khoa học thuộc viện đại học Cambridge. Theo các báo hôm phát giải, được hoan nghênh nhất không phải là phái đoàn Anh quốc mà là văn sĩ STEINBECK.

Văn sĩ là những kỳ thủ sán lạng của hy vọng và cạnh tranh.

Con người vạm vỡ, mặt đỏ, da đồm, môi trễ lòng thòng, STEINBECK trông có vẻ một tên cao bồi trong phim ảnh hơn là một nhà văn. (Về thân thế và sự nghiệp của văn sĩ, xin đọc Phổ Thông số 96). Ông ta thường ghét lễ nghi và diễn văn. Hôm rời New-York lên đường qua Thụy-điển, ông đã tỏ ý sợ bài diễn văn cổ truyền phải đọc ở tòa đốc lý. Bạn ông, nhà văn A. MILLER, đã làm ông yên tâm : « Cứ tọa đâu có biết anh sẽ nói gì. Chỉ có một mình anh biết mà thôi. Chính anh đã nắm phần thắng lợi ». Và STEINBECK đồng ý : « Thắng lợi ấy đã giúp tôi nhiều ! »

Ai cũng đã nghe nói STEINBECK hằng tuyên bố không xứng với giải thưởng NOBEL văn chương. Tiếp các nhà báo hỏi tại sao, ông trả lời : « Các ông có biết có bao nhà văn đặc sắc ở Mỹ không ? Bao nhiêu người cùng tuổi tôi, già hơn hoặc trẻ hơn, đang tiến lên ? Chúng tôi có vô số. Tôi đã từng kể một danh sách : Arthur MILLER, Karl SANDBURG. Robert

Văn-sĩ JOHN STEINBECK ← nhận giải Nobel

Giáo sư M. WILKINS trong phòng thí nghiệm

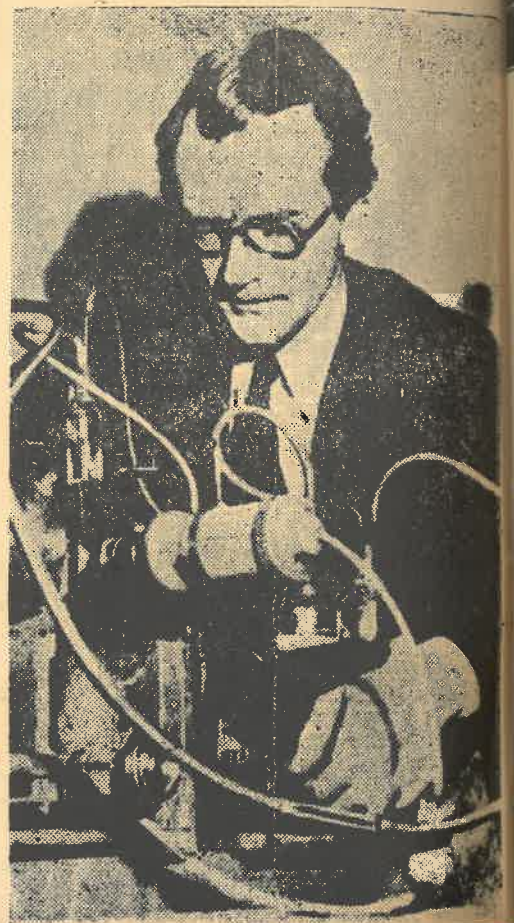

Những giải NOBEL năm 1962. Từ trái qua mặt : giáo sư Maurice WILKINS, bác sĩ Max PERUTZ, nhà di tính học Francis CRICK, văn sĩ John STEINBECK, giáo sư James WATSON, bác sĩ John KENDREW. Vắng mặt : giáo sư Lev LANDAU.

FROST, John DOS PASOS, CALDWEL, Tennessee WILLIAMS, Jack KEROUAC,...» Trả lời câu hỏi giải NOBEL có thay đổi đời sống của ông không, và ông sẽ dùng số tiền thưởng 50.000 đô-la để làm gì, ông nói : « Khi tôi đang nghèo, thật đang cần tiền, tôi đã xin một trợ cấp để có thể viết một cuốn truyện. Người ta đã từ chối và còn từ chối hai lần khác nữa. Tôi liền cùng nhiều người bạn lập ra Nhóm các người bị từ chối. Muốn vào Nhóm phải bị từ chối ít nhất là ba lần. Người ta không bao giờ nhận được cái gì mình đáng được cũng như người ta không bao giờ xứng với những gì mình đã nhận được. Tôi đã nhận giải thưởng trong một trạng thái xung đột. Đằng khác, từ chối là một cử chỉ lố lăng. Còn về số tiền thưởng thì là một chuyện tư nhưng có vẻ được nhiều người để ý đến. Tôi có thể cho biết là trong 15 ngày, người ta đã xin tôi một số tiền tương đương với 870.000 đô-la. Muốn thả số tiền thưởng ra thật chẳng khó gì !»

Tối hôm 10-12, hội NOBEL đã mở cuộc tiếp tân long trọng tại tòa đốc lý Stockholm với sự hiện diện của vua GUSTAV VI ADOLF. Trong buổi ăn, lần lượt các nhà được giải lên tiếng cảm ơn. Nhưng theo cổ truyền, người được giải văn chương phải đọc một bài diễn văn. STEINBECK đã chịu theo tục lệ : « Văn chương cũng cổ như lời nói. Vì nhu cầu của nhân loại, văn chương đã sinh ra nhưng không hề thay đổi và còn trở nên cần thiết hơn

nữa. Văn chương không phải là hiệu quả của những giáo đồ thiếu sanh hoạt, những người phê bình kém nhuệ khí, hát lên những kinh cầu của chúng trong những nhà thờ trống rỗng. Văn chương cũng không phải là một trò chơi cho một phần tử tinh anh nhốt mình trong nhà kín. Ủy nhiệm gia tiên của văn sĩ cũng không thay đổi. Nhà văn phải trình bày những tội lỗi, những thất bại vô số và trầm trọng của chúng ta, phát họa những giấc mơ u ám và nguy hiểm để đem lại tận thiện tận mỹ. Hơn nữa, nhà văn có nhiệm vụ phô diễn và ca tụng tâm địa và tinh thần nhân loại, sự can đảm của con người trong lúc nghịch vận, đủ tư cách để có lòng trắc ẩn và tình thương yêu. Trong quá trình tranh đấu bất diệt chống sự nhu nhược và tình tuyệt vọng, các văn sĩ là những kỳ thủ sáng lạng của hy vọng và cạnh tranh. Một nhà văn không tin tưởng đắm đuối ở tính cải lương của con người là không ở trong ngành văn chương ».

Truy niệm đời sống và sự nghiệp nhà khoa học Alfred NOBEL, STEINBECK tuyên bố: « Không đầy 50 năm sau ngày NOBEL mất đi, cửa thiên nhiên đã mở rộng và đặt chúng ta trước một sự chọn lựa cực kỳ khó khăn. Chúng ta đã chiếm đoạt biết bao quyền lực trước đây quy cữu vào Đức Chúa. Trong sự kinh sợ và thiếu kinh nghiệm, chúng ta đã đảm lĩnh quyền hành trên sự sống và sự chết của toàn thế giới. Chính ở ngay trong chúng ta mà chúng ta phải tìm ý thức của trách nhiệm và của khôn ngoan mà xưa kia chúng ta đòi hỏi ở một vị thần linh nào. Con người đã trở thành mối nguy hiểm lớn nhất và niềm hy vọng độc nhất của chúng ta. Và bây giờ chúng ta có thể dịch giải lời giảng của Thánh Jean : Sau cùng là lời nói và lời nói làm thành người và lời nói luôn ở với người ».

sinh vật nhân tạo hết còn là câu chuyện viễn vong.

Nếu những lời của STEINBECK đã nhắc cho các nhà văn

sứ mệnh thiêng liêng của những người cầm bút, giáo sư LANDAU trên giường bệnh cũng đã nhắn cho các nhà khoa học một lối nhìn sâu xa của các cuộc khảo cứu. Sau một cuộc phỏng vấn của các nhà báo, ông kết luận : « Tôi là một người nhiều hình trạng. Tôi là một trong những số hiếm có các nhà vật lý học đã quan sát toàn diện các lý thuyết vật lý học. Năm 1926, khi tôi khởi đầu cơ nghiệp khoa học, những nhà lý thuyết phải lo về toàn thể, ngày nay môn vật lý lý thuyết không còn bao lăm nữa ». Thật vậy, đậu tấn sĩ từ năm 19 tuổi với một luận án vật lý học về các quãnta, giáo sư LANDAU đã lần lượt khảo cứu về từ tính, về các bức xạ vũ trụ, về các lực liên kết nguyên-tử thành phân tử, về khí hêlium ở khoảng gần số không tuyệt đối, và gần đây giáo sư học hỏi về cách biến đổi vật chất, cách ngưng đặc và khám phá ra những « chuẩn bộ phận nhỏ » là những bộ phận hoàn toàn lý thuyết nhưng rất cần để giảng giải những hiện tượng ở nhiệt độ thấp. Nhân viên viện Hàn lâm khoa-học, giáo sư còn có soạn một bộ sách cổ điển có tiếng về môn Vật lý lý thuyết. Giáo sư LANDAU là một trong những nhà khoa học còn lại của thời đại đã qua may mắn chưa hằng biết tính cách bắt buột của một sự chuyển hóa.

Trái lại với giáo sư LANDA'J được thưởng chung cho tất cả các công tác của mình, các nhà khoa học khác đã được nêu danh bảng vàng nhờ những khám phá mới lạ thuộc về các phân tử cốt yếu nhất cho đời sống : các prôtêin (KENDREW, PERUTZ) và các axit nuclêic (CRICK, WATSON, WILKINS). Ở vào một thời buổi mà sự chuyển hóa đã bắt đầu rõ ràng, mỗi người chỉ có thể khảo cứu sâu xa trong một ngành, người ta phải nhận ngay sự cần thiết về liên quan giữa các môn khảo tầm. Ở đây, ta thấy một sản phẩm hoàn toàn lý học là quang tuyến X được các hóa sư dùng để khảo sát về máu cũng như được các bác sĩ vận dụng để học hỏi về tính chất di truyền. Đằng khác ta lại để ý hai bác sĩ y khoa (KENDREW, PERUTZ) đoạt giải hóa học và một vật lý sư (WILKINS) được đặt tên cùng hai nhà sinh vật học (không phải

bác sĩ y khoa) (CRICK, WATSON) trong một giải sinh lý y khoa.

Không phải là tình cờ mà các nhà bác học đua nhau khảo cứu về những phân tử còn con cốt yếu của sinh vật : đây là lúc cần phải dấn sâu vào những cấu tạo phân tử của vật sống để tìm hiểu rộng thêm vào đời sống của con người KENDREW và PERUTZ cho vào các prôtêin hình cầu những nguyên tử nặng như vàng và thủy ngân, dùng quang tuyến X vẽ ra những hình nhiễu xạ có thể quan sát được rồi từ đấy suy luận ra cách sắp đặt trong phân tử. Ta thấy tất cả tính cách quan trọng của cuộc khảo cứu khi ta biết prôtêin hình cầu là những giếu tố có một công tác hóa học đồ sộ trong các tế bào sống. Hai bác sĩ KENDREW và PERUTZ là những người đầu tiên đã phân giải ở cấp nguyên tử, đầu tiên dấn bước vào một thế giới tí hon vô cùng mới lạ.

Bên phần CRICK, WATSON và WILKINS, công tác học hỏi về các axit nuclêic cũng không kém phần hào hứng. Giữa các nhà sinh vật học, ai mà không biết « đường xoắn ốc » CRICK và WATSON. « Đấy là biểu tượng của phân tử AĐN (Axit Đêsôxyribô-Nuclêic), nơi chứa đựng những bộ hạt di truyền mà hai ông đã xác định cấu tạo cách đây mười năm. Sau nầy WILKINS đã dùng quang tuyến X chứng thực cấu tạo ấy. Phân tử AĐN giống như một cái thang vẹo mình mà hai thành dựa là hoặc chất đường (đêsôxyribôt) hoặc axit phôtphoric, còn các nấc thang là các loại badơ amin. Có tất cả 4 loại (timin, cytôdin, adênin và guanin), tùy cách sắp đặt, họp nhau lại thành bộ ám hiệu chỉ định cách chuyển đi thừa kế từ tế bào mẹ qua tế bào con. CRICK và WATSON cũng kiếm được cách đọc được bộ ám hiệu nầy. Tiến triển khoa học thật lớn lao trong những năm qua. Chỉ lấy một chi tiết là thấy ngay những nỗi khó khăn của cuộc khảo cứu : làm sao măn mo, học hỏi được những phần tử nhỏ cỡ một phần ngàn ly ? Vậy mà máy móc tối tân đã đưa đường chỉ lối được cho các nhà bác học. Giờ đây, họ đang còn hằng mong vận dụng ở những bộ phận nhỏ hơn, cỡ phần ngàn triệu ly,

suy nghĩ phương cách kỹ thuật để mó đụng vào những nấc thang của phân tử AĐN. Nay mai, các prôtêin nhân tạo sẽ ra đời, những cực trùng sẽ mọc lên khi người ta muốn, sinh vật nhân tạo một ngày gần đây cũng chẳng còn là một câu chuyện viễn vông.

Với những tiến triển vĩ đại trong các ngành khoa học, với những ý thức về trách nhiệm mà STEINBECK đã nêu lên, chúng ta có thể rùng mình sợ hãi nhưng cũng nên bình tâm tự hào đã may mắn được sống một thời đại luôn luôn đổi mới, đồng thời là một thời đại làm trung gian giữa những cuộc sống hoàn toàn khác nhau, vì rồi đây tương lai nhân loại sẽ chứng kiến vô số biến thiên.

● *VÕ-QUANG-YẾN*

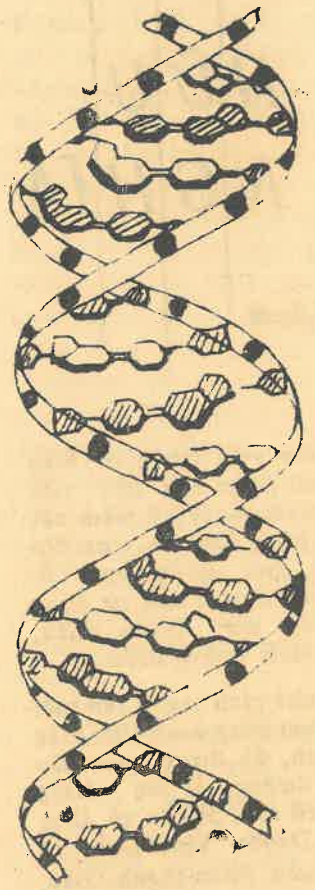

PHÂN TỬ AĐN
giống như một cái thang vẹo mình
Thành dựa :
đêsôxyribôt
axit phôtphoric
Nấc thang : (badơ amin)
timin
cytôdin
adênin
guanin

CỤ THỦ-KHOA
• BÙI HỮU NGHĨA

Ngô-thành-Long ★ Nguyễn-tấn-Lộc •

CUỘC cách mạng thành công, điều đó chứng tỏ rằng dân tộc Việt-Nam đã oanh liệt tranh đấu giành quyền độc-lập, thoát khỏi xích xiềng của thực-dân phong-kiến, mở một kỷ nguyên mới cho nước nhà. Giờ đây chúng ta hoàn toàn hãnh diện nhìn thấy tổ-quốc khỏi hiểm-họa xâm-lăng. Các quyền tự-do dân-tộc được lưu-ý đặc-biệt. Và mấy năm vừa qua nước nhà có phát-động một phong-trào « Giác ngộ dân-tộc», chiêm ngưỡng công đức của các nhà cách-mạng tiền bối, cũng như việc trùng tu, kiên thiết mộ phần. Rồi đến việc viếng thăm, ngày kỷ niệm các vị anh hùng dân-tộc, trọn đời hy-sinh cho giang-sơn Tổ-quốc, mọi người đều tự động đến lăng mộ, thánh miếu, thành kính tưởng niệm.

Các nhà cách mạng tên tuổi miền Nam sống oanh-liệt, thác lưu danh, đã được quốc dân tuyên dương, ái mộ, bằng chứng rõ rệt: Sàigòn có lăng Lê-văn-Duyệt, Vĩnh-Long có thánh miếu Phan-thanh-Giản, Nguyễn-trung-Trực ở Kiên-

Giang, Thủ-khoa-Huân ở Gò-Công...

Ngoài việc được quốc-dân sùng kính, tri ân, các cụ còn được ghi tên nơi quốc sử. Lòng ưu ái của toàn dân với những nhà cách mạng lão-thành như thế thật không còn gì quý hóa cho bằng. Tuy nhiên, chúng tôi không khỏi đau lòng khi thấy cụ Bùi-hữu-Nghĩa, nhà cách mạng miền Nam suốt đời hy sinh vì đất nước, nêu một tấm gương trung-liệt, thế mà khi đã chết, không được ai nhắc nhở, cả đến quốc sử cũng không ghi chép công đức của cụ.

Đứng về phương diện khách quan, chúng tôi xin trình bày ở đây tất cả sự thật để chứng minh cụ Thủ-khoa-Nghĩa không được lịch sử ghi danh, mà chỉ có nhân dân địa phương thấu triệt tinh thần tranh-đấu và lòng liêm khiết mới ngưỡng mộ cụ mà thôi.

Tinh thần bất khuất của thủ khoa Bùi-hữu-Nghĩa

Ai xuôi ngược miền Hậu Giang trên con đường Cần-thơ — Bình-Thủy khoảng bốn cây số về phía tay phải, đi từ bờ lộ vào độ 200 thước thì thấy một ngôi mộ bề ngang khoảng ba thước, bề dài bốn thước, cạnh phần mộ có vài cây hoa sứ. Xung quanh đầy cỏ năm, ba mái nhà tranh, nếu ta hỏi thăm thì về cụ Thủ khoa, thì họ trả lời rằng: « Lâu lắm rồi chẳng ai đến viếng thăm và săn sóc ngôi mộ. Cách đây bốn, năm năm chỉ có một lần học sinh Trung học Phan-thanh-Giản tổ chức viếng mộ, đọc điếu văn và làm cỏ ». Hiện nay có hai vợ chồng nông-dân tên Tô-văn-Thương cất nhà gần ngôi mộ, ra công săn-sóc nên quang cảnh đã bớt vẻ sầm uất âm-u.

Để tỏ lòng ái mộ nhà cách mạng đồng hương, chúng tôi xin trình bày sơ-lược về thân thế và tinh-thần bất khuất của cụ Thủ khoa Bùi-hữu-Nghĩa, hầu xác nhận địa vị quan-trọng của cụ trong lịch sử nước nhà.

Bùi-hữu-Nghĩa sinh năm 1807, còn có tên là Quang-Nghĩa, hiệu là Nghi-Chi, người xã Long tuyền, tổng Định-Thới, huyện Vĩnh-Định,

phủ Định-Viễn, trấn Vĩnh Thanh (đời Minh Mạng là An-giang, nay là Cần-thơ). Xuất thân từ giai cấp bình-dân nghèo khổ. Quanh năm xuôi ngược, vất vả với nghề chài lưới, sống cuộc đời khổ cực. Nhưng trước cảnh thiếu thốn ấy không làm cho cụ nao núng, trái lại đó là một cơ hội để thử thách lòng nhẫn nại, chí cương quyết học tập để sau nầy trở nên một người lỗi lạc.

Đến Biên-Hòa cụ biết được Ông Đồ Hoành, một nhà Nho đa văn quản kiến vì không chịu khuất phục bọn tham ô quan lại nên về quê mở trường dạy học.

Bùi-hữu-Nghĩa bơ vơ nơi đất lạ quê người rồi cụ ngỏ lời xin vào ở trọ nhà cô Nguyễn-thị-Tồn (sau nầy là vợ của cụ) để tiện bề thọ giáo với thầy đồ. Bắt đầu từ đây, cụ cố gắng học hành, không lúc nào xao lãng. Đêm đêm người ta nghe tiếng cụ ngâm thơ, hoặc ngồi trầm ngâm bên áng sách. Ông đồ Hoành nhận thấy trong đám học trò của mình không ai học hành giỏi giắn và thông minh như Bùi hữu Nghĩa. Một hôm, Ông đến nhà trọ của Bùi hữu Nghĩa, khoe môn đệ xuất sắc nhất của mình với thân phụ Nguyễn thị Tồn :

— « Lỗi lạc nhứt vùng đây. Văn chương đã hay mà tính tình lại khẳng-khái. Họa suy vong gần kề, tài đức đó mới đáng anh hùng chứ. Còn đợi gì nữa mà không nhận trầu cau đi, hỡi ông bạn già ?»

Quả như lời Ông đồ Hoành bảo, lúc 26 tuổi, nhằm năm 1835 (Minh Mệnh thứ 16), Bùi hữu Nghĩa thi hương đậu giải nguyên trường Gia-định, vì thế nên được gọi là Thủ-khoa Nghĩa. Năm sau lại một phen lều chõng ra kinh thi hội, nhưng hỏng. Từ đây cuộc đời của một bạch diện thư sinh chuyển sang cuộc đời làm quan với chức Tri phủ Phúc Long (Biên Hòa). Vốn là con người cương-trực, cụ rất ghét bọn quan liêu thối nát, cậy thế lực hà-hiếp dân đen. Thế nên nhiều cuộc xung đột xảy ra giữa cụ và quan trên, cho ta thấy lòng cương quyết chí bất khuất,

luôn luôn ngự trị trong tâm hồn của Thủ-khoa Nghĩa.

Các mầm xung đột ấy vẫn tiếp diễn, càng lúc càng trở nên căng thẳng, có lần bị giáng chức từ Tri phủ xuống Tri-huyện nhưng cụ không hề nao núng. Một hôm, cụ ra lệnh bắt em quan Tổng-đốc cần nọc đánh đòn vì dám láo xược với cụ. Tổng đốc mất mặt với nhân dân, tức giận chờ cơ hội để rửa thù. Cơ hội đã đến, khi ông còn giữ chức Tri huyện ở Trà Vinh (nay là Vĩnh Bình) có một cuộc lưu huyết thảm khóc xảy ra. Quan Tổng đốc chạy sớ về Kinh tố cáo và đổ tội cho cụ. Vì xa xôi, vua Tự-Đức làm sao hiểu rõ sự oan ức ấy. Cụ bị triều đình tước chức và bắt giải luôn về Gia-định để chờ ngày trị tội. Với tai họa thập tử nhất sanh, Thủ-khoa Nghĩa không hy-vọng gì minh oan cho mình. Trong cơn thất vọng ấy, Cụ quên rằng, vợ cụ người liệt phụ đất Đồng-Nai lặn lội về kinh vào Tam pháp Ty, nơi nhà vua thường ra vào để xét xử việc nước. Bà tự viết sớ minh oan cho chồng. Nhờ vậy, thủ-khoa Nghĩa được tha nhưng bị giáng xuống làm « tiền quan hiệu lực » rồi đổi ra làm phó quản cơ coi đồn Vĩnh-Thông (An-Giang). Gặp lúc quân Miên nổi loạn, Cụ bị bắt, nhưng được tha về.

Trải mấy mươi năm làm quan, bao nhiêu cái tủi nhục, bất công làm cho cụ chán nản. Lại nghĩ đến lúc nước nhà gặp hiểm họa xâm lăng, nhiệm vụ của Nho-sĩ rất nặng nề, chẳng lẽ cúi đầu để rước lấy tủi nhục. Cụ cương quyết rũ áo từ quan, mở trường dạy học ở Bình-Thủy (Cần-thơ), uống rượu, ngắm cảnh, kết bạn với Cử-nhân Phan văn-Trị. Năm 1868 cuộc cách-mạng miền Nam nổi lên chống Pháp với những phong-trào bạo-động. Thủ khoa Nghĩa là một trong những nhà cách-mệnh miền Nam nổi lên chống Pháp, nêu cao tinh thần tranh đấu cho dân tộc, bên cạnh Trương-Công-Định, Nguyễn-trung-Trực, Thủ-khoa-Huân... Trước làn sóng ồ ạt của võ-khí Tây-Phương, các cuộc khởi nghĩa hoàn toàn bị thất bại. Một số nhà cách-mạng

bị bắt giải về Gia-định, trong số đó có Thủ-khoa Nghĩa, nhưng sau nhờ có người xin nên Cụ được tha.

Buồn vì đất nước tang thương, chán ngán trước thế thái nhân tình, Thủ khoa Nghĩa uống rượu làm thơ tiêu sầu. Ông mất năm 1872 thọ 66 tuổi.

Ngoài công nghiệp cách mạng, Thủ khoa Bùi hữu Nghĩa còn để lại một sự nghiệp văn chương gồm những tác phẩm cả Hán lẫn Nôm và một vở tuồng « Kim-Thạch kỳ duyên » được truyền tụng đến ngày nay.

Dù rằng vong linh Thủ khoa Nghĩa không đòi hỏi ở quốc dân sự tri-ân, tưởng niệm. Nhưng bổn phận của kẻ hậu sanh phải biết nghĩ đến công ơn của ông cha ngày trước. Hay hơn nữa, nếu lịch sử gắt gao và cho rằng công nghiệp của Thủ khoa Nghĩa không hiển hách hoặc gian lao bằng các cụ Phan đình Phùng, Phan bội Châu Đề-Thám v. v... mà không ghi tên cụ vào quốc sử thì tội nghiệp. Vì dù sao, cụ Thủ-Khoa Nghĩa cũng đồng thời với các đại thần như Phan thanh Giản, ngang hàng với các nhà cách mạng miền Nam, cùng một tôn chỉ giải phóng xứ sở, có công trong nền văn hóa nước nhà.

Với tất cả lòng thành kính, chúng tôi thiết tha mong mỏi nhà viết sử hãy đặc biệt lưu tâm đến các nhà cách mạng vô danh, coi công đức của Thủ khoa Nghĩa cũng như công đức của các bậc anh hùng tiền bối vậy.

Trước hương trầm nghi ngút ở các lăng tẩm, thánh miếu, ngày kỷ niệm của các cụ, người ta rộn rịp, chiêm-ngưỡng các vị anh hùng có công với Tổ-quốc. Người ta còn quên rằng ở ngoại ô Tây đô, mộ phần cũng như linh hồn bất khuất của cụ Thủ-Khoa Nghĩa ít ai nhớ tới...

• *NGÔ-THÀNH-LONG và NGUYỄN-TẤN-LỘC*
(Tây-đô)

VIÊN NGỌC QUÝ

the pearl

* *John Steinbeck*

• **LÊ-HUY-OANH dịch**

CUỐN *Viên ngọc Quý* kể lại thảm kịch của một gia đình ngư phủ gốc người Ấn sống trên đất Mỹ vào cái thời nước đó chưa văn minh hùng cường như ngày nay. Kino, người chồng; Juana, người vợ, và đứa con nhỏ Coyotito. Kino làm nghề mò ngọc trai. Hằng ngày bác buộc ngang thắt lưng một hòn đá lớn, chèo thuyền ra khơi nhào xuống đáy biển để mò ngọc. Cái nghề nguy hiểm và vất-vả đó không mang lại cho gia đình họ sự sung túc đầy đủ. Chỉ những viên ngọc lớn mới bán được nhiều tiền nhưng chưa bao giờ bác Kino mò được một viên ngọc khả dĩ đáng giá. Nhưng bác vẫn không thất vọng, vẫn ngày ngày kiên nhẫn lao mình xuống đáy biển mò ngọc trai...

Một sáng kia, đứa con nhỏ của Kino là Coyotito bị một con bò cạp cắn. Hai vợ chồng lo sợ bề con ra tình nhờ bác sĩ chữa hộ. Nhưng vì thấy họ nghèo khổ, viên bác-sĩ từ chối không chữa, cho đầy tớ ra nói với họ là bác-sĩ đi vắng.

Họ đau khổ ôm con về. May mà đứa con độc nhất đó qua khỏi tai nạn hiểm nghèo nhờ sự săn sóc tận tâm của người mẹ.

Vì họ nghèo nên xã-hội khinh rẻ họ, không ai muốn kết giao với họ. Họ buồn tủi sống lặng lẽ heo hút trong một túp lều lụp xụp gần bãi biển. Tuy nhiên, họ vẫn đạt được hạnh phúc nhờ ở sự thương yêu nhau. Chồng thương mến vợ, vợ kính yêu chồng và cả hai cưng đứa con nhỏ như trứng mỏng.

Thế rồi một ngày kia Kino mò được một viên ngọc trai rất quý, lớn nhất trong tất cả những viên ngọc mà người ta mò được từ trước tới nay. Với viên ngọc này, vợ chồng Kino sẽ trở nên giầu sang, sung sướng. Tin Kino mò được viên ngọc quý lan truyền khắp nơi trong vùng. Bây giờ thiên hạ mới ùn ùn kéo tới túp lều của Kino để nịnh bợ. Cả cái tên bác sĩ ích kỷ cũng thân đến nhà Kino để chăm sóc cho Coyotito.

Nhưng từ khi có viên ngọc quý, vợ chồng Kino đã phải hết sức vất vả khổ cực để bảo vệ nó. Bọn buôn ngọc lưu manh tìm đủ cách chiếm nó. Trộm cướp rình mò chung quanh lều của họ hòng đoạt lấy viên ngọc. Và cũng vì bảo vệ viên ngọc cũng như bảo vệ sinh mạng của gia đình nên Kino đã vô tình giết người. Kino biến thành một kẻ sát nhân bất đắc dĩ. Vì luật pháp không dung tha những kẻ sát nhân nên Kino phải đưa vợ con và mang viên ngọc quý trốn vào rừng. Bọn Sheriff đuổi theo họ. Một đêm kia, người của nhà chức trách còn đã vô tình bắn chết đứa nhỏ Coyotito. Đối với vợ chồng Kino, không có một viên ngọc nào quý báu bằng Coyotito. Thế mà bây giờ đứa con yêu quí đó chết, vì viên ngọc trai mà chết. Viên ngọc ấy không mang hạnh phúc cho họ nhưng đã mang đến cho họ những tai họa ghê gớm. Viên ngọc đã khiến cho họ uống cái chén đắng cay nhất trong đời. Điên cuồng vì đau khổ, hai vợ chồng Kino dắt tay

nhau trở về tỉnh để tự nạp mình cho nhà chức trách. Trước khi nạp mình, họ đã ném viên ngọc quý xuống biển bằng một dáng điệu khinh bỉ trước sự chứng kiến của kẻ đồng loại.

Với một cốt chuyện kỳ lạ như vậy, cuốn *Viên Ngọc Quý* đã hấp dẫn người đọc từ đầu đến cuối. Nhưng cái giá trị nổi nhất của cuốn truyện là đã nói lên cái thân phận đau đớn của con người, tượng trưng bằng gia đình Kino. Thiếu cơm ăn, thiếu áo mặc, họ sống bằng tình thương, bằng sự can đảm và niềm hy-vọng. Rồi một ngày, niềm hy-vọng đó trở thành sự thực, thể hiện bằng một viên ngọc quý. Nhưng than ôi, Hạnh-Phúc vừa thành hình đã tan vỡ như một bong bóng xà-phòng. Sự tan vỡ đó còn đưa đến những hậu quả đớn đau. Con người thường đuổi theo ảo ảnh của sự phú quý giàu sang. Nhưng ít người có đủ sáng suốt nghĩ trước rằng sự giàu sang phú quý chưa chắc gì đã tạo ra hạnh phúc. Trường hợp gia-đình Kino đã chứng minh hùng hồn điều đó.

Trong cuốn *Viên Ngọc Quý*, John Steinbeck còn đã bày tỏ sự hằn học, khinh bỉ của ông đối với những cái hèn hạ, thấp kém của loài người. Viên bác sĩ trong truyện biểu dương cho sự đê tiện của con người. Bọn trộm cướp, gian thương đã biến xã hội này thành một địa ngục. John Steinbeck đã gặp Jean Paul Sartre trong cái quan-niệm : Địa-ngục chính là những kẻ khác sống chung quanh chúng ta (L'enfer, c'est les autres) Đọc cuốn *Viên Ngọc Quý* của Steinbeck, tâm hồn độc giả sẽ nặng chĩu một sự bi quan về cái tính chất phi lý của cuộc đời Sự bi quan đó sẽ đưa tới một sự phẫn nộ cùng với một cái triết-lý bi đát. Đọc xong cuốn *Viên Ngọc Quý*, người ta cũng sẽ không khỏi không nghĩ tới Albert Camus và Clément Rosset. Người ta cũng đâm ra nghi ngờ cái chủ trương « Ở hiền gặp lành » trong những giòng tư-tưởng Đông-Phương. Chính cái sự nghi ngờ đó đã khiến người ta phải nghĩ ngợi rất nhiều đến cái thân phận con người do Steinbeck nêu ra trong *Viên Ngọc Quý*.

Kino và Juana đi qua thành phố đường như thành phố không có ở đấy. Mắt họ không nhìn phải, nhìn trái, không nhìn lên nhìn xuống, mà nhìn thẳng về phía trước mặt. Chân họ chuyển một cách hơi cứng nhắc giống như chân những con búp bê tinh xảo bằng gỗ, và họ dẫn theo những trụ kinh hoảng chung quanh họ. Khi họ bước qua thành phố bằng đá trát vữa, những tên buôn ngọc lấp ló sau những khung cửa sổ nhìn họ, bọn đầy tớ ngó qua khe cổng, và những bà mẹ quay mặt, những đứa con nhỏ nhất của họ úp vào váy họ. Sánh vai nhau, Kino và Juana rảo bước qua thành phố bằng đá trát vữa, đi xuống phía những ngôi nhà trong đám lau sậy. Những người hàng xóm đứng dạt ra nhường lối cho họ qua. Bác Juan Tomás giơ tay lên chào nhưng không thốt ra lời chào hỏi và cứ để bàn tay bất định một lúc trên không.

Trong tai Kino, Khúc Hát Gia Đình nổi lên dữ dội như tiếng gào thét (1). Kino bất khả xâm phạm và đáng sợ, nên khúc hát của chàng trở thành một tiếng hò chiến đấu. Hai vợ chồng bước nặng nề qua cái khu khô héo, nơi dựng căn nhà của họ, nhưng họ cũng chẳng nhìn vào trong nhà. Họ rẽ đám lau sậy mọc bên bờ biển, đi xuống bãi cát tới rìa nước. Họ cũng chẳng nhìn tới con thuyền bể vỡ của họ nằm đó.

Khi tới rìa nước họ dừng lại, đưa mắt nhìn khắp vịnh. Rồi Kino đặt cây súng xuống, mò mẫm trong đám quần áo lấy ra viên ngọc lớn giữ trong bàn tay. Chàng nhìn vào mặt viên ngọc thấy nó xám lại và loang lổ. Những bộ mặt ma quỷ từ viên ngọc ấy nhìn soi mói vào mắt chàng, và chàng nhìn thấy ánh lửa cháy. (2) Trên mặt viên ngọc, chàng thấy đôi mắt điên dại của người nằm trong vũng ao (3). Trên mặt viên ngọc chàng thấy Coyotito nằm trong chiếc hầm nhỏ, đỉnh đầu bị đạn bắn thủng. Và viên ngọc xấu xí quá, nó xám ngắt như tội ác mọc lên. Và Kino nghe thấy điệu nhạc của viên ngọc, điệu nhạc méo mó nhơ nhớp (1) Bàn tay Kino lắc nhè nhẹ. Chàng thong thả quay sang Juana, xòe tay cho nàng thấy viên ngọc. Nàng đứng bên cạnh chàng, vẫn còn đeo trên vai cái bọc đựng xác đứa con. Nàng nhìn viên ngọc trong bàn tay chàng một lát rồi nhìn vào mắt Kino thốt lên se sẽ: «Không, anh».

Kino co tay về phía sau, dùng hết sức liệng viên ngọc ra xa. Kino và Juana nhìn viên ngọc vọt đi lấp lánh, thấp thoáng dưới ánh mặt trời đứng bóng. Họ nhìn thấy nước hơi tóe lên ở một quãng xa xa, và họ đứng bên nhau nhìn nơi đó một hồi lâu.

Viên ngọc đã rơi tõm vào làn nước biếc đáng yêu và chìm xuống đáy biển. Những nhánh rong rập rờn gọi nó và gật gật vẫy nó. Những ánh sáng trên mặt nó trở nên xanh biếc và đáng yêu. Nó chìm xuống đáy cát giữa đám hải thảo giống như những cây đuôi chồn. Một con cua từ đáy biển nhao ra làm vẩn lên một đám cát nhỏ. Khi đám cát lắng xuống thì viên ngọc mất dạng.

Và điệu nhạc của viên ngọc ngân như một tiếng thở dài rồi im hẳn.

● *LÊ-HUY-OANH dịch*

(1) Tiếng hát và điệu nhạc đó là những tiếng trong tâm tưởng Kino. (2) Sau khi Kino được viên ngọc nhà chàng bị cháy. (3) Đôi mắt của tên gian phi bị Kino giết chết.

(Chú thích của dịch-giả)

phiên ca

★ DƯƠNG-MINH-LOAN

Sao nhiều lá rụng thế này
Sao buồn phiền cứ giăng tay đan lời
Sao yêu thương cứ tan rời
Sao loài mây cứ muôn đời phiêu du
Sao ở đây vắng mùa thu
Sao cung ca lại trầm như thể nguyền
Bước chân nào rạn vỡ thêm
Mà thời gian cứ êm đềm trôi xuôi
Nỗi niềm xưa vẫn chưa nguôi...
Đầy hồn tôi những môi cười xót xa.

sầu hoang

★ BÁ-TÙNG
(Bình-Định)

Dấu chân in vết giang hồ
Sóng xe cát trắng cơ đồ tiêu tan
Hồn đi gió cuốn mây ngàn
Chiều rơi u tịch mang mang dạ sầu
Thoáng mơ một giấc đêm nào
Lắng nghe từng tiếng nghẹn ngào điêu linh.
Thời gian xóa buổi đăng trình
Viễn phương riêng một bóng mình bơ vơ.

Những bí mật trong

THẾ-CHIẾN THỨ HAI

★ Thiếu-Sơn

TRẬN thế chiến thứ nhất kéo dài từ năm 1914 đến năm 1918 được người ta gọi là Đại chiến (La grande guerre) vì nó đã lôi kéo nhiều nước tham chiến, vì nó ác-liệt, tàn-phá và tàn-sát nhiều người hơn hết thảy những cuộc chiến tranh của nhơn loại cổ kim.

Nhưng 20 năm sau lại có một trận giặc rộng lớn hơn, ác-liệt hơn, tàn-phá và khủng-khiếp hơn là trận giặc kéo dài từ năm 1939 tới năm 1945 mà người ta gọi là Thế chiến thứ Hai.

So sánh với trận giặc nầy thì trận giặc thứ nhứt chỉ là một tiểu chiến chứ không đáng gọi là Đại-chiến nữa.

Trận Thế-chiến thứ hai nầy đã tiêu diệt 22 triệu người trong đó Nga chết nhiều nhứt : 7 triệu. Kế tới là Đức : 3 triệu. Pháp : 200.000. Mỹ : 280.000, v.v...

Nhưng Thế-chiến thứ hai cũng chưa thật là Đại nếu có một Thế-chiến thứ III xuất-hiện với loại khí-giới hạch-tâm và những hỏa-tiễn Liên-lục-địa.

Sau cuộc khủng-hoảng Cuba tháng 10 - 1962, chính Tổng-Thống Kennedy đã tuyên-bố nếu Nga không nhân - nhượng thì chiến-tranh nguyên-tử đã bùng nổ và chỉ trong một ngày đầu ở Nga, ở Mỹ, ở Âu-châu có lối 150.000.000 người bị hy-sinh. Ông còn nói thêm : chiến-tranh nguyên-tử nay mới ở giai-đoạn tấn-công chứ chưa tìm ra cách phòng - ngự, ví - dụ như người ta bắn ra một phát súng lục thì mình cũng phải dùng súng lục để hủy-diệt viên đạn của đối phương. Mà cả ngàn viên đạn như thế làm sao mà hủy-diệt cho nổi ? Chỉ còn có cách là thi đua trả đũa nhau để cùng chết với nhau và đưa luôn nhân loại vào chỗ chết. Tổng-Thống Mỹ kết-luận : Đó là chung cuộc của Thế-giới, của tất cả (La fin de tout le monde).

★

Mặc dầu nhân loại đã tránh được ngày cùng vì vấn đề Cu-ba nhưng còn biết bao nhiêu vấn đề khác đều có thể sanh giặc được và thế giới đương bị bao trùm trong một không khí đầy nghi kỵ, kỳ thị và xung đột. Bầu không khí ngày nay có phần nặng nề hơn bầu không khí những năm trước ngày Thế-chiến thứ II bùng nổ.

Người ta nói Hitler đã gây nền cuộc Thế chiến thứ hai. Thật sự thì Hitler chỉ là người châm ngòi cho một cái pháo đương chờ nổ vì sau cuộc Thế chiến thứ nhứt những nước thắng trận khi ký Hòa ước Versailles đã phạm phải lỗi-lầm nghiêm trọng để gieo mầm cho cuộc Thế chiến thứ Hai.

Sau cuộc Thế chiến thứ hai những nước thắng trận lại tái phạm những lỗi lầm nghiêm trọng hơn nữa để gieo mầm cho một cuộc Thế chiến thứ Ba có thể sẽ bùng nổ ngoài ý muốn của những người lãnh đạo thế giới ngày nay.

Lịch sử chứa đựng những bài học vô giá.

Cuộc Thế-chiến thứ Hai là một kho tàng phong-phú cho ta khai-thác để học-tập đặng biết thêm về đời, về người, về sự tham-lam, về lòng giả-dối, về cái vô - nhân đạo của hạng người tự-xưng là văn-minh và hay nói tới nhân-đạo.

Hai ký - giả Jean Galtier-Boissière và Charles Alexandre đã lục-lọi tìm kiếm trong rừng tài-liệu về cuộc Thế-chiến thứ Hai để đưa ra ánh sáng những bí-mật về đủ các phương-diện : chánh-trị, ngoại-giao, quân-sự, kinh-tế và tâm-lý.

Tạp-chí *Crapouillot* đã đăng trọn trong 5 số đặc-biệt tác-phẩm của hai ông dưới nhan-đề *Histoire de la Guerre 1939-1945* (Lịch sử trận giặc 1939-1945).

Căn-cứ theo đó và những sách khác nữa tôi rút ra những đoạn chánh-yếu để giúp bạn đọc hiểu sơ-lược về những nguyên-nhân xa, gần của cuộc Thế-chiến nói trên và những ảnh-hưởng tai-hại của nó đối với bàn cờ thế-giới ngày nay. Cũng nhơn dịp nầy ta biết thêm về giá-trị thật-sự của một số danh-nhân thế-giới, những danh-tướng thiếu dũng-lược, những trượng-phu thiếu nghĩa-khí và những con người khi đắc thời thì hiêu hiêu tự đắc, khi thất-thế thì đê-tiện xấu xa.

Lịch-sử Thế-chiến thứ hai vừa giáo-dục thời-cuộc vừa giáo-dục con người.

Dân tộc Đức đòi một không gian để sống

Vai trò của cá-nhân không phải là hoàn-toàn không đáng kể nhưng phần nhiều họ liên-quan chặt-chẽ với những điều - kiện lịch-sử nó thúc đẩy họ hành-động và quyết-định trong những thành-công hay thất bại. Có những chánh - khách, những ngoại-giao lỗi-lạc rất hiếu-hòa mà không ngăn cản được chiến tranh cũng như một vị danh-y có thể kéo dài sự sống mà không ngăn cản được cái chết. Những hiệp-ước, những hội-nghị cũng chỉ làm cho chiến-tranh chậm nổ nhưng rồi nó vẫn cứ nổ. Những phong-trào hòa-bình cũng thế, chẳng qua chỉ là những viên thuốc an-thần chứ chẳng tài nào ngăn chặn được chiến tranh khi nó đã tới giờ phải nổ.

Chủ - nghĩa quân-phiệt cũng chỉ là một thượng-tầng kiến-thiết nó nằm trên cái hạ tầng cơ sở là kinh-tế. Ngoài ra còn một yếu-tố quan-trọng nữa là vấn-đề nhân-khẩu. Mannel Delvadès đã nói một câu chí-lý :

« Những xung - đột kinh - tế giữa các dân-tộc biểu-lộ sự xung-đột của những nhu cầu vì lẽ sống của họ Nhưng đằng sau sự-kiện kinh-tế còn có sự-kiện sanh-lý là sự sanh sản thêm miệng ăn và sự cần thiết kiếm miếng ăn cho họ ».

Hitler trong sách « Mein Kampf » đã nói trắng ra rằng nạn nhân-mãn là một trong những nguyên nhơn chánh của chiến tranh.

Ông nói :

« Dân số Đức mỗi năm tăng thêm gần 900.000 người. Kiếm nuôi đạo binh của những người công-dân mới đó là một sự khó khăn mỗi năm mỗi thêm khó cho tới ngày có một biến-cố bùng nổ nếu không tìm được những biện-pháp thích-đáng để chặn đứng nạn đói ».

Đã vậy mà ông không chịu hạn-chế sanh-dục. Ông nói :

« Nhà nước quốc-xã không có ý-định hạn-chế dân-số của mình. Chúng tôi quyết-định cho phát-triển cái sanh-lực tự-nhiên của giống nòi ».

Hồi đó nước Đức đã có 80 triệu dân mà còn cho phát triển sanh lực theo nhịp điệu nói trên thì chỉ trong vòng 100 năm sẽ có 250 triệu nhân khẩu phải nuôi trong một lãnh thổ bị thâu hẹp lại bởi Hòa ước Versailles sau Thế chiến thứ nhứt mà nước Đức đã thua trận.

Hitler không nghĩ tới việc chiếm thuộc địa ở xa mà nghĩ tới việc phải mở rộng biên giới để có thêm đất cho số nhân khẩu thặng dư. Ông đòi có không gian sinh tồn (espace vital) cho dân tộc của ông.

Ở Âu-châu có 3 dân tộc sinh sản mau hơn hết là dân tộc Đức Ý và Ba-Lan.

Chính một tờ báo Ý đã chê người Pháp không biết làm cho vợ mình có bầu để phát triển giống nòi và đề cao những « tử cung huyền diệu » của người đàn bà Ý đã ấp ủ sự cường tráng của dân tộc Ý. Ở đó sản xuất những thanh niên đầy nhiệt huyết làm cho những nước « dân-chủ bá láp » phải lung lay khiếp vía. Họ muốn ám chỉ nước Pháp và nước Anh.

Những nước này quá tham-lam đã chủ-trương chia-xẻ nước Đức bằng Hòa - ước Versailles nhưng không đủ sức kiềm chế cái sanh-lực của nó nên nó mới vẫy vùng quật khởi và làm cho họ phải điêu-đứng nhục nhã nhiều phen trước khi họ bị bắt-buộc phải chịu đựng một cuộc chiến-tranh miễn-cưỡng.

Tuy-nhiên, vấn-đề nhân-khẩu chỉ là một nguyên nhân. Còn nhiều nguyên-nhân khác nữa sẽ nói ở những bài sau.

● *THIẾU-SƠN*

★ LÂM GIANG
Huỳnh Thúc Cung

CHUỐI BỒ ĐỀ

Chúng tôi có nhận được truyện ngắn rất đẹp sau đây mà tác-giả là một bạn cạn-phạm, từ Trung-Tâm Cải-Huấn Chí-Hòa gởi ra, có dấu kiểm-duyệt của Thiếu-tá Quản-đốc Trung-tâm. Chúng tôi cũng có nhận được một bản kịch bằng Thơ rất hay, cùng một tác-giả, mà chúng tôi sẽ đăng vào số sau.

Chúng tôi hoan-hỉ đăng bài của các bạn trong khám Chí-Hòa, và xin gởi lời thân ái chào các bạn.

N. V.

TÔI đến xóm ấy tìm nó. Bạn tôi ở căn nhà cỏ, vôi mốc-khính, cuộc sống đơn-độc trong xóm bần và bụi. Nó sống cần cỗi ở đây. Nhiều khi tôi có ý nghĩ nếu nó chết đi thì mọi tương giao của nó với xã-hội này chấm dứt. Dĩ nhiên, còn lại chúng tôi — lũ bạn nó. Nhưng có cũng như không; vì khi nó chết rồi, hay nó sống, chúng tôi ít khi nghĩ đến thân phận của nhau ; mặc dầu hiểu nhau, thân yêu như gắng bó lấy nhau đấy. Mỗi thằng một số kiếp — một cuộc đời. — Tôi lẩm-bẩm.

. . . Nhà nó đóng cửa. Tôi gọi tướng lên :

— Tịnh ơi ! Tịnh có ở nhà không ?

— Hử ? Đang ngủ đây.

Tôi đẩy cửa bước vào. Nó đang cởi trần nằm ngủ ở sàn nhà, đầu tóc rối bù. Sách vở nó vứt bừa bãi. Tôi ngồi bệt xuống tựa lưng vào vách. Tịnh nhìn tôi uể oải rồi lại nhắm mắt.

— Dậy mầy. Đi uống cà-phê với tao.

— Ừ . . . Trời nóng mệt quá — Nó ngáp dài — Buồn ngủ quá.

Bạn tôi lồm cồm bò dậy, với cái quần ca-ki vàng trên ghế mặc rất nhanh, khoác cái áo sơ-mi vừa xám vừa chua của thằng Hải cho. Tịnh cào qua loa cái đầu. Tôi quăng cho nó đôi dép nhặt bên cạnh tôi.

Chúng tôi ra đi. Trời nắng gắt. Nó huýt sáo một điệu nhạc buồn, bản nhạc rất quen thuộc với những người đã sống ở vùng « hậu phương » hồi năm 45 - 48. « Đêm tôi... Mây xám đem thảm thương... nhìn trời bao sầu thương... trông thấy bao thảm thương... Trông thấy bao thảm thương... » Tôi nhìn sang nó nét mặt buồn, và lỳ như gọt vào đá. Nhiều khi trông nó rất hiền như bây giờ. Nhiều khi nó dữ như tên sát nhân.

— Uống ở Bạch Mai nhé ! Tôi hỏi nó.

— Tao ghét thằng cha chủ quán lắm.

— Ghét nó, nhưng cà-phê của nó mày có ghét không ?

Nó cười. Chúng tôi vào quán, ngồi ở bàn sát tường. Lão chủ quán ra, mặt Tịnh hầm-hầm : « hai phin ». Tôi hơi bứt rứt tự hỏi ; không biết tại sao Tịnh lại ghét, lại thù lão chủ quán này. Người lão nhỏ thó, mặt quắt như hai ngón tay bắt tréo, cặp mắt vừa ti-hí, vừa lé. Tôi nhìn kỹ lão và không thấy gì đáng để bận tâm thù ghét. Hắn không xứng làm đối thủ của Tịnh. Tôi hỏi bạn :

— Thằng ấy mà mày thù à ?

— Thù gì. Tao ghét và muốn đạp vào mặt nó.

Tôi ngạc nhiên. Cà phê đắng, thuốc lá bay nhè nhẹ vào câu chuyện bị bỏ rơi. Mỗi đứa chúng tôi theo đuổi một ý nghĩ. Âm thanh rè-rè phát ra từ cái máy hát cũ. Tôi khó chịu :

— Tức mày nhỉ — Tịnh nói.

— Tức cái gì cơ ?

— Cái gì — Cái đời chớ cái gì. Cái kiếp bỉ ổi của tao bị bỏ rơi chớ gì. Tôi nhìn bạn mỉm cười :

— Thiên tài nhiều nỗi buồn lạ lắm.

— Con khỉ

— Mày thì đã có gì bỏ rơi với chẳng bỏ rơi.

— Có thì chẳng có gì. Nhưng lúc nào cũng có mặc cảm bị cướp bóc hết. Đã thế, tao có mặc cảm như mình vay nợ, món nợ không muốn vay mà phải vay với số lãi quá đắt

Tôi lặng thinh. Bạn tôi hơi căm giận và có những mặc cảm không đâu .. Uống cà phê xong, chúng tôi lửng thửng ra ngồi công viên. Cả buổi chiều hôm ấy chúng tôi ngồi ở đấy. Bờ sông giờ này hơi nước bốc lên, khó chịu. Chúng tôi giữ lặng im. Mấy đứa trẻ chạy nhảy hò hét trông vui vui. Cuộc sống của chúng hồn nhiên như những con bướm. Tịnh nhặt hòn sỏi ném một đứa nhỏ rồi mỉm cười, đứa nhỏ quay lại méo mồm sang một bên rồi nghênh ngang đi. Tịnh quay sang tôi :

— Thuở nhỏ tao sống khổ như một con trâu.

Tụi nhỏ chơi đùa dễ thương lạ. Tao có bệnh đau khổ.

— Mày tưởng ! Hoàn cảnh sống làm cho mình khổ sở,

dằn vặt. Tạo ra khổ làm quái gì ? Nó kể cho tôi nghe thuở bé của nó. Lần đầu tôi biết về quá khứ của bạn tôi, mặc dầu chơi với nhau từ khi còn ở Nice. Điều đó rất dễ hiểu vì chúng tôi chơi với nhau nhưng trọng đời tư của bạn, không muốn dò hỏi nếu bạn không tự ngỏ ý.

Ông bà già trong nhà Tịnh không phải là bố mẹ nó như lâu nay tôi vẫn tưởng. Thì ra bố mẹ nuôi. Bạn tôi không mồ-côi. Nó không biết đến bố mẹ đẻ của nó, mà những người sinh ra nó cũng không muốn sinh nó. Nó sinh ra như một sự không may và bị vứt vào đời. Mẹ nó sau khi sinh nó, đem cho ông bà Ngọc rồi đi tỉnh khác lấy chồng. Nó sống với ông bà Ngọc cho đến bây giờ.

Bố nó vẫn ở đây và có vợ, con — theo lời ông Ngọc — nhà bố nó khá giàu. Cả bố mẹ nó còn đấy, nhưng hình như họ quên sự có mặt của nó ở đời. Còn nó, bạn tôi nó tự coi như một kẻ sinh ra mà không mang ơn sinh thành của bố mẹ.

— Tao có ở đời do một sự ngẫu nhiên. Những người sinh ra tao không phải là bố mẹ tao.

Tôi định khuyên nó vài câu, nhưng cảm thấy nhạt nhẽo, vô ích. Nó rất thông minh và hay suy nghĩ, có thể những điều tôi muốn nói nó đã nghĩ đến nhiều lần.

Chiều nay thứ bảy. Càng về chiều, công viên càng đông người. Nắng nhạt dần trên đám cỏ vàng úa. Tịnh nhặt mấy viên sỏi ném một cách lơ đãng.

— Tao định tối nay lễ chùa. Nhưng lại thôi. Để dành Phật đản vậy.

— Mày không lễ chùa bao lâu rồi ?

— Ba bốn năm rồi.

— Mày nghĩ gì về tôn giáo của mày ?

— Nghĩ gì à ? Một tập quán ! Được bố mẹ nuôi đưa đến chùa từ hồi còn bé, rồi người ta đi lễ thì mình cũng đi. Nó thành thói quen mày ạ.

— Thế mày còn định đi Chùa làm gì ?

— Tao định đi lễ vì bà mẹ nuôi tao buồn phiền hoài vì tao không ngoan đạo. Tao hứa sẽ đi lễ đọc kinh cho bà ta vui lòng. Tao sẽ đi lễ để giữ lời hứa với mẹ nuôi tao. Thế thôi !

Tôi giữ im lặng, nghĩ về bạn tôi. Nó nhiều tình cảm, vừa rất hiền, vừa rất dữ — Phải nói là dữ chứ không phải cục — nhiều khi nó có những hành động như tàn nhẫn. Bây giờ thì tôi hiểu tại sao nó thế : vì cái kiếp sống dằn vặt đọa đày của nó. Nếu nó ngu dốt nó sẽ đỡ khổ hơn.

— Này Tịnh, mày có tin Trời Phật không ?

— Mập mờ thôi. Không có thì vô lý, nhưng có cũng vô lý ! Có Trời Phật, tại sao lại có những đứa như tao. Còn mày ?

— Tao tin có Trời Phật nhưng không yêu thương chút nào. Tao cho là vẫn có Trời Phật với đầy đủ sự mầu nhiệm nhưng tao cảm thấy xa lạ và lãnh đạm. Người ta sống gần nhau mà không yêu thương nhau... yêu ông Trời sao nổi.

Tịnh mỉm cười. Tôi hỏi nó :

— Có bao giờ mày tìm đến nhìn mặt người cha đẻ của mày không ?

Nó cười :

— Vô ích. Tao thấy như thế là thừa. Có thấy mặt ông ấy thì tao vẫn là tao, một đứa con không cha không mẹ.

Tôi nhặt mấy hòn sỏi tung lên trời. Tịnh nhìn tôi dò xét :

— Mày cho tao là một thằng tàn nhẫn ?

— Không. Tôi ngắt lời. — Tao đang nghĩ về mày. Nói mày đừng giận, tao đang so sánh mày với một cái cây bị nhổ rễ, rồi đem trồng vào một chỗ đất không thích hợp. Mày sống có lẽ như phải cố bấu víu lấy đời.

— Đùa ! Mày mà còn nghĩ về tao như thế ? Mày tưởng tao không còn ai để yêu thương sao ? Ông bà Ngọc là cha mẹ tao ; lũ chúng mày, bạn tao, và cái xóm này nữa. Cuộc đời tao gắn liền với những liên hệ tình cảm ấy.

Tôi hối hận và hơi buồn. Tịnh vẫn dáng điệu buồn và lỳ. Trên đường về cả hai đứa cùng im lặng. Khi qua quán Bạch Mai, Tịnh kể cho tôi nghe tại sao nó ghét cay ghét đắng lão chủ quán. Thì ra

khi nó đậu Tú-tài phần hai, lão này bảo : «Cái thằng đi ở tớ mà cũng đậu Tú-tài » Lần ấy nó vác cây ra tìm lão. Người lối xóm túm lại can, họ ôm chặt lấy Tịnh, Tịnh quát vào mặt chủ quán : « Tao là con nuôi ông bà Ngọc, chứ không phải đi ở tớ. Đồ khốn nạn ».

Khi về gần đến nhà, nó ngâm khe khẽ mấy câu thơ của nó :

«... *Anh trở về trên ngã ba đường,*
Như người con gái điếm
Vạn nài một chút yêu đương... »

Tôi cười khẽ, nó cũng cười khẽ. Chúng tôi chia tay.

*

Bà Ngọc chết già với tuổi 64. Sau đám tang bà, tại ít lại gặp Tịnh. Rồi bẵng đi một thời gian lâu chúng tôi không tìm đến nhau nữa, vì những buổi gặp nhau thiếu ý nghĩa của tình bạn. Tịnh giữ im lặng và thỉnh thoảng trả lời tôi một cách hờ hững. Tôi ghét lối trả lời ấy...

Thời gian trôi, mỗi thằng theo đuổi một cuộc sống. Hôm nay tôi thấy nhớ Tịnh và đến xóm cũ tìm bạn. Bước vào sân, tôi đứng dừng lại : qua khung cửa kính, hai ngọn đèn bạch lạp hắt hiu, tôi thấy Tịnh đang chắp tay lần chuỗi, miệng lâm râm cầu kinh. Tôi đẩy cửa bước vào, Tịnh ngẩn lên, thấy tôi, nỗi mừng của nó bật lên ánh mắt :

— Giang !

Tôi nắm chặt lấy tay bạn :

— Mày tụng kinh ?

Tịnh cười thoải mái, nhưng nét buồn còn vương trên môi nó :

— Mày không ngờ nhỉ !... Mẹ tao, bà Ngọc, trước khi chết trối lại với tao : « Con có thương Mẹ thì sau khi mẹ chết, mỗi ngày con lần một chuỗi và đọc một tràng kinh để cầu nguyện cho mẹ... » Tao làm theo lời người đàn bà đau khổ ấy và, bây giờ thì đặt cả đức tin vào Đức Phật... Cái chuỗi bồ đề của bà mẹ nuôi tao đã có một sức nhiệm-mầu đem tao về với Phật...

Tôi mừng cho Tịnh — bạn tôi — đã có một lý-tưởng cho cuộc sống.

● *LÂM-GIANG*

thầm lặng

★ **THANH-HUYỀN-CHI**
(Saigon)

Thiết tha
Lời nghẹn
« Nụ cười trọn vẹn »
Trả lại tâm tư
Niềm riêng đã mấy năm dư
Ẩn trong những vần thơ không lời
Viết hoài vẫn thấy tim côi
Ngâm hoài vẫn thấy buồn ôi là buồn !
Trách mình sao mãi vấn vương
Hờn người lại thấy càng vương vấn nhiều
Ngập ngừng viết một chữ « yêu »
Vào trang « nhật ký » từ chiều hôm qua
Rằng lần nầy nữa là ba
Mà câu « thầm-lặng thiết-tha » vẫn còn
Cô đơn lạnh chảy vào hồn
Tháng năm đọng lại mối buồn vô biên
Đường trần có nợ không duyên
Khách đa tình lụy đảo điên lắm lần
Thoáng chào đã nguyện sẽ thân
Thoáng cười đã gọi cố nhân lâu rồi !
Nhưng than ôi !
Lệ đẫng đọng từ khóe mắt
Lăn lóc xuống vành mi
Thiết tha từ dạo ấy
Song vẫn cứ nghẹn lời
Viết hoài vẫn thấy tim côi,
Ngâm hoài vẫn thấy buồn ôi là buồn !!!

18.— sáu bà vợ của

ANH - HOÀNG

HENRI VIII

HENRY VIII *(1491-1547) là một trong số những ông vua lớn nhất trong lịch-sử nước Anh. LỚN về thể-xác : hồi còn là một Hoàng-tử thanh-niên, ông đã to-béo, mặt vuông, râu quai nón, đầu to, trán rộng, chân tay vặm võ, thân hình lực-lưỡng, kết-xù. LỚN về chính-trị : 38 năm ngồi trên ngai vàng ông đã gây ra cho nước Anh nhiều biến cố quan-trọng, ảnh-hưởng lớn lao cho vận mệnh Anh-quốc, và một phần nào cho cả vận-mệnh Âu-châu.*

Vì một người đẹp mà ông nhất định tôn làm Hoàng-hậu, ông đã dám tuyệt giao với Đức Giáo-Hoàng ở La-Mã, để tự ông làm bá-chủ riêng biệt Nhà thờ Anh-quốc, hoàn-toàn tách hẳn ra khỏi ảnh-hưởng của Tòa Thánh Vaticạn. Chế-độ tôn-giáo ly-khai của Anh-quốc, khởi xướng do Henri VIII hãy còn kéo dài cho đến ngày nay.

Nhưng đây không phải chỗ để nói về đời chính-trị hay tôn-giáo của Henri VIII.

Tôi muốn nói đặc-biệt về đời sống tình-cảm phi-thường của Đại-vương Henri VIII với SÁU bà vợ kế-tiếp của ông !

Vâng, ông có 6 bà vợ, mà ông lần lượt say mê rồi giết chết, cưng yêu chán rồi truyền lịnh đem đi chặt đầu ! Lịch-sử của 6 bà Hoàng-hậu nầy đã lừng vang cả trong lịch sử Âu-Châu, làm đề tài xôn xao kinh khủng cho các nhà sử-học thế-giới.

★

● Người vợ thứ nhất

CATHERINE D'ARAGON...

... chính là chị dâu của Vua

ĐÁNG lẽ người anh cả của Henri VIII là **Arthur**, được lên ngôi sau khi Phụ-Hoàng Henri đệ Thất băng hà. Hoàng tử Henri lúc bấy giờ cũng đã là một chàng thanh niên tuấn tú, trông bộ mặt của chàng so với Từ Hải trong truyện Kiều không khác mấy.

cũng :

Râu hầm, hàm én, mày ngài,
Vai năm tấc rộng, thân mười thước cao.

và cũng :

Đường đường một đấng anh hào
Côn quyền hơn sức, lược thao gồm tài.

Hoàng-tử Henri không những bắn ná rất giỏi, đánh gươm thật tài, mà lại còn chơi được đủ các thứ đàn rất tinh tế, thổi sáo cũng mê ly, tính tình vui vẻ.

★ TAN-PHONG

Luôn luôn chàng mặc áo quần bằng sa tanh trắng, trông cốt cách và bộ điệu rõ là một vị hoàng-tử hào hoa phong nhã. Tất cả thanh niên kinh thành London đều mê chàng gọi chàng là *Gay Harry* (Harry Vui). Chàng lại có học thức rộng, nói được tiếng Pháp, tiếng Đức, tiếng Ý, tiếng Espagnol, tiếng Grec, Latin và giao thiệp với Đại sứ nước nào thì nói tiếng nước ấy.

Anh cả của chàng là Thái-tử Arthur bị bệnh ho lao, cưới cô vợ đẹp là **Catherine d'Aragon** Công chúa xứ Espagne, chưa được hưởng tuần trăng mật đã đề công chúa thành nàng quả phụ.

Henri lên ngôi, thay thế cho anh, và lấy niên hiệu là **Henri VIII**.

Lúc bấy giờ là năm **1509**, vị Vua Anh-quốc trai trẻ mới được **18** tuổi.

Vừa lên làm vua, Henri lấy luôn người chị dâu góa bụa, **24** tuổi. Trong một lễ cưới cực-kỳ long trọng đầu tháng 6 năm 1509, **Catherine d'Aragon** được Henri VIII tôn lên làm Hoàng-hậu, mặc dầu vị giám-mục Canturbory phản-đối, cho là một vụ loạn-luân.

Đám cưới nhà vua tưng-bừng lộng-lẫy, chưa từng có bao giờ trong Lịch-sử Hoàng-gia-Anh. Những cô gái trẻ đẹp, cải-trang làm Tiên-nữ, bưng đi tặng các vị quan-khách dự tiệc mỗi người một cái bát rất đẹp trong đó đựng đầy những đồng tiền vàng của Vua làm quà cưới ban cho mỗi người.

Nhưng, con người ta muốn yêu thì cứ yêu, muốn say mê thì cứ say mê, ai muốn cầu chúc cho « bách niên giai lão », « loan phượng hòa minh », « sắc cầm hảo-hiệp », hay chi chi đi nữa, thì cứ việc cầu-nguyện hạnh phúc cho nhau, mà định-mệnh của ông Trời vẫn là định mệnh.

Vua Henri VIII và Hoàng-hậu Catherine d'Aragon yêu say-mê như thế đấy, nhưng rồi hạnh-phúc mà đôi tình nhân vương giả ấy có thực hiện được như ý muốn của họ không ?

Có ai ngờ rằng không !

Suốt 18 năm Catherine có chửa 16 lần, mà không sanh ra được một đứa con nào cả. Mấy lần bị hư thai, mấy lần đẻ thiếu

tháng không nuôi được, mấy lần đẻ con ra chết yểu... Có một nhà viết Sử đã phải phê bình : « Hoàng hậu là một bãi tha ma đầy mồ con nít ! »

Nhà Vua đau khổ ân-hận, cứ nghĩ lần quần rằng có lẽ bị Chúa phạt vì đã phạm tội loạn luân, lấy người chị dâu. Henri VIII cầu nguyện đêm ngày, xin Chúa tha tội, và cầu xin Chúa ban phước lành cho Hoàng-hậu sinh một thái tử để nối nghiệp vua. Cuối cùng lúc 41 tuổi Catherine sinh được một đứa con gái. Một nàng Công Chúa ốm yếu, xanh xao, được vua đặt tên là Marie Tudor...

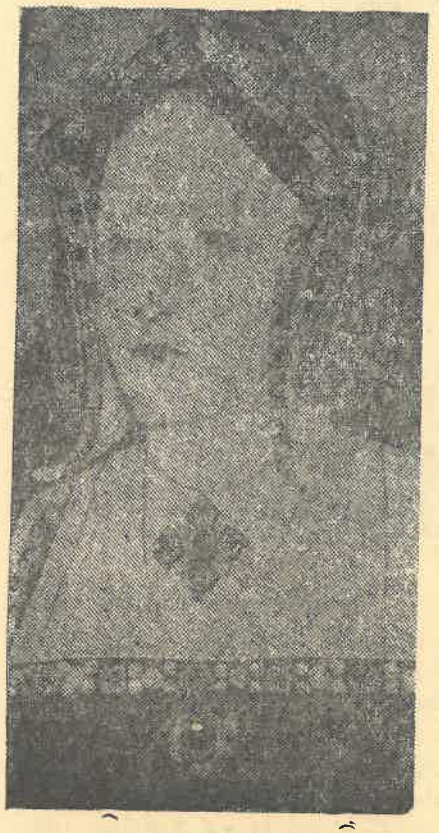

Catherine d'Aragon

Vua Henri VIII thất vọng, ông chán nản, bỏ bê việc Hoàng-gia, và trở lại cuộc đời ăn chơi bê bối. Ông khiêu vũ cả đêm, uống rượu cả ngày và tính nết trở nên tàn bạo, độc đoán nghiêm-khắc, không còn vui vẻ như những ngày chưa lấy vợ.

Lúc lấy Catherine, ông thành thật muốn đóng vai trò một người yêu trung thành, một người chồng tận-tụy, hoàn toàn hưởng hạnh phúc gia-đình, vợ con êm-ấm. Nhưng bây giờ, thì ông hết còn tin tưởng vào hạnh-phúc nữa rồi, ông đâm ra chơi bời lêu lổng. Ông tìm những cuộc tình duyên phiêu lưu, yêu thoáng qua một năm, một tháng, một ngày rồi bỏ... để đi tìm tình yêu khác, mà không cần yêu lâu. Muốn yêu thật nhiều để rồi yêu thật ít. Muốn yêu tất cả, để đừng yêu ai cả.

Thế rồi, định mệnh xui khiến ông gặp cô **Anne Boleyn**.

● Người vợ thứ hai
ANNE BOLEYN
cô bé đẹp 15 tuổi

HENRI VIII lúc nầy đã 37 tuổi. Gặp Anne Boleyn, nhà Vua tưởng mình mới có 17 tuổi. Hoàng-hậu Catherine đã 43 tuổi, căn-cỗi, khô-khan.

Cô bé Anne Boleyn là ai, ở đâu đến đây? Trong trường hợp nào nhà Vua gặp cô? Anne cũng là con nhà quyền quý, trâm anh, con gái của ông Đô-trưởng Thủ đô London. Hồi nhỏ, cha cô đã cho cô sang học bên Pháp, và cô đã nhiễm theo đời sống hào hoa của các gia-đình quý-tộc ở Paris. Năm cô 15 tuổi, được gọi về London nhân dịp một dạ hội khiêu vũ trong Cung điện. Cô được đi dự hội, được nhà Vua trông thấy và để ý, mê say.

Nhà Vua tỏ ngay tình yêu, nhưng Anne lễ phép duyên dáng chối từ:

— Tâu Bệ Hạ, em không thể làm tình nhân của Bệ Hạ được, mặc dầu đó là một vinh dự lớn lao cho đời em.

— Em muốn làm Hoàng hậu không?

Anne Boleyn mỉm cười e lệ:

— Bệ Hạ cho phép em suy nghĩ kỹ một thời gian đã.

Đêm ấy, Vua Henri VIII quyết định ly dị Hoàng hậu Catherine d'Aragon, để cưới Anne Boleyn. Nhưng đây là cả một vấn đề rắc rối khó khăn, đụng chạm đến luật pháp của Thiên Chúa Giáo, và sẽ có ảnh hưởng phiền-phức đến chính trị trong nước, đến cả chính trị âu-châu.

Và sự phiền phức về tôn giáo quả thật đã gây ra một biến cố vô cùng quan trọng: sự ly khai giữa nước Anh và Tòa thánh La-Mã.

Trong lúc nhà Vua thách-đố đức Giáo-Hoàng vì ông nầy không cho phép Vua ly-dị Hoàng-hậu theo luật pháp của Đạo Thiên-Chúa, trong lúc Henri VIII cương quyết từ bỏ cả Giáo-Hoàng, và tự lập riêng quyền bá-chủ của Đạo ở Anh-quốc, để được tự-do ly-dị Catherine và

cưới Anne Boleyn, thì cô con gái 15 tuổi của ông Đô-trưởng lại chơi cái trò cút-bắt với nhà Vua!... Khi biến, khi hiện, khi chịu, khi không, khi giận hờn, khi nhỏng nhẻo, nàng làm cho trái tim Vua như bị phong ba bão tố, đầu-óc Vua như điên-đảo, tang thương, gây ra tiếng vang dội ly-kỳ, hồi-hộp, náo động, khắp cả các kinh-đô Âu-châu.

Lúc bấy giờ là năm **1527**. Từ Paris đến Moscou, từ Stockolm đến Barcelone đến Madrid, đến Rome, đâu đâu cũng bàn tán xì-xầm mấy câu hỏi:

— Đức Giáo-hoàng Clément VII sẽ nhượng-bộ Anh-hoàng Henry VIII không?

— Anh-hoàng sẽ dám chống lại tòa thánh Vatican và ly-khai với vị Giáo-chủ tối cao của Thiên Chúa Giáo không?

— Henri VIII sẽ ly dị với Hoàng-hậu Catherine được không?

— Anne Boleyn sẽ ưng thuận lấy vua và lên chiếm ngôi Hoàng hậu Anh-quốc không?

Toàn thể Âu-châu hồi hộp đợi chờ và cuộc diện tôn giáo chính trị của Âu-châu sắp sửa có gì thay đổi quan-trọng vì một cô gái đẹp 15 tuổi!...

(kỳ sau tiếp)

● *TÂN-PHONG*

✶ TÔI LÀ... CHỒNG

Một người đến hỏi thầy-kiện về luật pháp:

— Thưa trạng-sư, có phải một người đàn-bà hay gây chuyện cãi-cọ với chồng, làm ồn-ào cả hàng xóm thì người ta có thể mời ra khỏi nhà phải không ạ?

— Người ta sẽ mời về bót ngay lập lức. Vậy ông là người hàng xóm của một gia-đình nào đó hay sao?

— Thưa trạng-sư không ạ, tôi là... chồng người đàn-bà ấy!

cố hương

★ TÂM-TÌNH
(Sàigòn)

Đã mấy năm rồi xa cố hương,
Dòng sông ngăn cách, xẻ đôi đường.
Bao năm khói lửa bao xương máu
Cốt nhục tương tàn, luống xót thương !

Vọng về đất Bắc, chốn xa xôi,
Chỉ thấy ngang trời mây lặng trôi...
Cánh nhạn chập chờn, hiu-hắt gió,
Bay xa xa... mãi tận trùng khơi ..

Nhạn hỡi nhạn, bay về nơi đâu ?
Cho ta nhắn nhủ một đôi câu
Bắc Nam tuy cách xa ngàn dặm,
Chung thủy một niềm vẫn nhớ nhau !

Ta ước mong sao có một ngày,
Một ngày nào đó rất gần đây...
Bắc Nam nối lại tình sông núi
Nối kẻ chân trời với cuối mây...

tiếng nói của Gái và Trai thế hệ

Chúng tôi mở diễn-đàn « Tiếng nói của Gái và Trai thế-hệ » để bạn trẻ ghi chép những cảm-nghĩ riêng của mình về các vấn đề thời-đại.

Chúng tôi sẽ chọn đăng những bài không dài quá 5 trang ; cô-đọng lại những suy-tư, diễn tả những thắc-mắc, phô bày những nhận xét thành-thực, thổ-lộ tâm-sự, những hân hoan, oán hận, đau buồn, hy-vọng...

Chỉ xin đừng đề cập đến chính-trị hiện-tại ở trong nước.

Yêu cầu bạn viết thật rõ-ràng, trên một mặt giấy và cho biết nghề-nghiệp, hoặc thất-nghiệp, hoặc sinh-viên, học-sinh với trình-độ học-thức.

Chúng tôi sẽ chọn lọc và lần-lượt đăng mỗi kỳ những bài nào đặc-sắc hơn cả, của các bạn gái và trai từ 18 đến 28 tuổi.

Bạn có thể gởi ảnh để đăng kèm với bài.

N. V.

HỌ

☆ Chi-Lann

GIÓ êm êm vi vu, ru họ vào giấc mộng, giấc mộng trường cữu của đời họ.

Đời họ đẹp đẽ như ánh nắng ban mai, sáng sủa như muôn ngàn ánh điện, trong sạch như pha-lê. Họ đang bước trên con đường mới mẻ, hướng lên của tâm hồn son trẻ, họ định đảo ngược tinh thần của hai câu thơ mà nhiều khi họ ấp ủ :

« Đời chỉ đẹp khi tình còn dang dở
Đời hết vui khi đã vẹn câu thề ».

Bây giờ đời họ đang tươi đẹp, hương tình đang lên. Tiếng va chạm mạnh của kim khí, sự ồn ào náo nhiệt của đô hội, cũng không sao làm lu mờ được bản nhạc với nốt nhạc trầm trầm êm êm mà họ đang ca ; phải công nhận rằng họ đang ngồi sát nhau, đang ca những nhạc bản đầm ấm, yêu đương chứ không phải họ đang ngồi nói truyện bâng quơ, để ca tụng tình yêu thắp hèn ; nốt nhạc thánh thót, du dương hòa với tiếng gió đưa lên cao vút rồi tỏa ra khắp nơi... Ánh nắng xuyên qua lá cây, rung rinh chiếu vào hồn họ, để sưởi lòng họ ấm lại, để sưởi cho hồng thắm thêm lên, cho bù lại những chuỗi ngày họ đã sống và sắp phải sống trong lạnh lùng xa cách.

★

Họ đang sống trong xa cách, xa phải chăng chỉ là kích thích tố mãnh liệt cho môi trường yêu đương gắn bó, gió to sóng lớn phải chăng chỉ là để đo lường tài chống đỡ của thủy đoàn. Nhưng gió ơi ! Thời gian ơi, mi là kẻ thù vĩnh cữu, gió dồn dập thành phong ba, bão táp, thời gian ơi ! đừng muôn trùng và vĩnh viễn, họ đang

cầu nguyện và đang mơ, đang ước, xen lẫn oán hờn.

Nhưng rồi phong ba bão táp cũng tới, đã làm mất một nhịp cầu, trong khoảng thời gian vô định, họ bị chia lìa, phải, hai người đang đứng cách xa nhau một nhịp cầu, cần xây đắp bằng máu, bằng xương, bằng thịt họ và những người đồng chủng. Họ bắt đầu góp công xây dựng lại nhịp cầu, nó sẽ trường cữu, nó sẽ đứng trơ trơ với phong ba mà họ tận tâm xây đắp, nó đòi hỏi ở họ nhiều cố gắng, nhiều thiện chí, nhiệm vụ của họ vô cùng trọng đại, vô cùng nhiều khê. Nhưng họ sẽ thành công ; và chắc chắn họ sẽ thoát được cảnh chia lìa, họ sẽ đoàn tụ bên nhau và vĩnh viễn cùng nhau ca những nốt nhạc thánh thót du-dương.

Hôm nay, giữa bầu trời tự do, giữa lòng Saigon hoa lệ, họ đang dìu nhau qua lòng đại lộ, ánh đèn muôn màu không còn hấp dẫn, không còn cầm chân họ, điệu nhạc dập dìu năm xưa, không còn giá trị bằng khúc nhạc quân hành. Những bước chân dạo phố chen lần, cọ sát, không còn làm họ say mê bằng những bước chân vững chắc và dè dặt, qua các mặt khu bất khả xâm phạm. Làn da trắng trẻo, khuôn mặt khả ái đã nhường lại cho làn da ngăm đen, khuôn mặt gân guốc.

Họ bước tới cửa phòng trà, cả hai đều nhìn vào, và tự nhiên họ dìu nhau, những bước chân vô cùng bỡ ngỡ, xa lạ, mặc dầu bầu không khí rất quen thuộc với họ ; rồi một chiếc bàn mà năm xưa họ thường tỳ tay lên, hai mái đầu chưa dầm dãi nắng mưa chụm lại, tâm tình, họ thề non hẹn biển, họ kéo dài thời gian này, họ muốn chiếc bàn đó là của riêng họ không khí hạnh phúc ấy, họ muốn giữ lấy mãi mãi. Nhưng hôm nay, không gian này giọng ca kia chỉ là thứ tiêu khiển, không còn là chỗ thường trực sau những giờ mài quần trên ghế.

Họ ung dung bước chân trong Sài-gòn, hôm nay với họ là ngày nghỉ chân, ngày mai trách nhiệm trọng đại của người trai thế hệ này để lên vai họ. Họ sắp sửa chia tay nhau để góp máu, góp xương, góp công, góp sức vào công cuộc xây dựng lại nhịp cầu an-lạc.

CHI-LANN
(Saigon)

Bức thư Paris

CÔ THIẾU-NỮ VIỆT-NAM

★ Nguyễn-văn-Cổn

Paris, ngày 5-3-1963

Bạn thân mến,

« BỨC Thư Paris » này không phải là một truyện ngắn do tưởng tượng mà tạo ra. « Bức Thư Paris » luôn luôn theo dõi hoạt động Văn-nghệ và đời sống của đồng bào tại Pháp. Vậy tôi yêu cầu bạn tưởng chừng như đang sống ở xóm La-tinh để dễ thông cảm với những chi tiết của bài sau đây :

« Vào một buổi chiều hè, đầu tháng Août. Lâm và tôi ngồi ăn cơm ở hàng hiên (terrasse) một tiệm ở cạnh đền Panthéon, trước nhà thờ Saint Etienne Du Mont và bên thư viện Sainte Geneviève.

Tôi thiết tưởng không khi nào thú vị hơn một buổi chiều hè ở xóm La-tinh : Gần 8 giờ tối, trời còn chút ánh sáng dư với những màu sắc thanh nhạt, làn gió mát nhẹ thổi qua mặt, không khí nhẹ nhàng, dễ chịu.

Đền Panthéon, nhà thờ, thư viện, cổ kính và trang nghiêm càng làm cho tâm hồn thư thái ; lại thêm nơi này ít người qua lại, nên những phút nhàn hạ này rất quí báu đối với sự náo nhiệt ở Boul' Mich, cách đó không xa.

Bữa cơm đầy đủ (1 món rau, 1 đĩa thịt, 1 miếng phô-mai, 1 « ca » rượu đỏ) chỉ có 6 trăm quan cũ kể cả tiền nước (pourboire). Nhưng tôi có cảm giác là Lâm không chú trọng đến hoàng hôn tươi mát và bữa cơm khá ngon. Tôi biết anh ta không uống rượu nhiều,

chỉ một «ca» cũng đủ chênh-choáng ; thế mà hôm nay, sau khi hết «ca» của anh, anh làm hết «ca» của tôi (tôi không uống rượu. Đó là một khuyết điểm đáng tiếc, vì hình như rượu ở bên Pháp ngon lắm !). Anh gọi nửa chai «rosé», rồi còn muốn gọi thêm.

Tôi gạt đi.

— Thôi «cậu», thế đủ rồi, kẻo lát nữa, tôi lại phải thuê người khiêng lên từng lầu thứ năm !

— Không sao đâu, hôm nay tôi muốn uống cho thật say !

— Để làm gì ?

— Để biết thế nào là thật say !

— Như thế còn chưa đủ say à ?

— Anh Ba ơi ! anh gàn lắm, đối với anh chỉ nước lạnh hay chén trà là đủ, nhưng đối với những người muốn sống «cực điểm», thì phải nếm cho thật đủ chứ !

— Để rồi say lăn đùng ra như...

— như những lão «Clochard» (người lang thang, vô nghề nghiệp) hay như những con heo, anh thật kỳ cục !

— Vì tôi không muốn để Lâm quá say !

— Tôi đã say đâu anh, tôi còn tỉnh lắm ! »

Tôi nhìn Lâm, mặt anh ta đỏ ửng, hai mắt khi lờ-đờ, khi sáng quắc, đầu lắc lư gật gù, khi nói hai tay nắm lại, hay ấn mạnh xuống bàn.

— Anh để tôi uống một «ca» nữa thôi !. Rồi không đợi tôi trả lời, anh đã gọi người «garçon» đem cho anh một «ca» rượu «beaujolais» trắng.

Tuy cử chỉ Lâm khác thường, nhưng không làm tôi quá ngạc-nhiên, vì người ta ai lại không có những phút điên cuồng ! Tuy nói là tỉnh, nhưng tại sao 10 giờ đêm có khi tôi còn thức dậy, mặc quần áo, lội lên nhà thờ «Sacré Coeur» để ngắm ánh sáng đèn điện của thành phố Paris, dưới chân đồi. Vì vậy tôi cũng không cho phút «điên» của Lâm là quan trọng. Tuy để anh uống thêm một ly nữa, nhưng tôi cũng «dằn» trước :

— Một ly nữa thôi đấy nhé !

Ăn cơm xong, thấy trời còn sáng, chúng tôi lại ngồi xuống ghế ở

một tiệm cà-phê gần vườn Luxembourg. Những ngọn cây phe phẩy trước làn gió mát, mặt trăng đang lách mình giữa những cành chằng-chịt, sao hôm đang nhấp-nhánh trên tháp nhà thờ, tất cả cảnh hoàng hôn đem lại một cảm giác nhẹ nhàng, thư thái.

Tôi đang để con mắt mơ mộng nhìn trời đất, thì anh «garçon» đã đem ra một ly nước cam và một ly whisky-soda. Nước cam để cho tôi và «Whisky» tất nhiên là để cho Lâm.

Thì ra trong lúc tôi bị "nàng thơ bá vô" lôi kéo, Lâm đã «com-măng» trước.

Tay anh nâng ly rượu lên ngang mắt, ngắm nghía những đợt rượu óng ánh vàng một cách mê ly, rồi anh uống thong thả như không còn «xem trời đất ra gì cả.» Đặt ly xuống, anh ta lầm nhầm một mình rồi hễ nhớ được câu thơ nào, là khoái trí ngâm để mình anh nghe.

Tôi biết Lâm có chuyện gì bất thường, nhưng theo phép xã-giao, mình không được hỏi tâm sự người ta, nếu «chủ nhân» không muốn nói ra.

Nửa giờ sau, tôi đưa Lâm và đợi cho anh lên hết từng lầu thứ năm, mới đi bộ về nhà. Tuy không phải là «Bao Công», nhưng tôi cũng thừa hiểu là Lâm đang có chuyện buồn bực.

Tôi biết anh yêu một thiếu-nữ Anh-quốc. Lâm gặp Nelly ở một quán cơm học-sinh. Hai người ăn ở với nhau đã hơn hai năm và sửa-soạn hợp-pháp-hóa việc vợ chồng. Cách đây ba tháng Nelly trở về thăm gia-đình ở Brighton. Tôi còn nhớ dáng điệu cô gái Anh-Cát-Lợi : người dong-dỏng cao, tóc vàng, nét mặt đều đặn, xinh-đẹp, luôn luôn có vẻ e-lệ, thùy-mị.

Nhưng hôm nay, thấy cử-chỉ Lâm như thế, tôi đoán chắc có việc gì đã làm " *cho duyên đằm-thắm ra duyên bẽ-bàng* ».

Mười hai giờ khuya tôi định tắt đèn đi ngủ thì có tiếng gõ cửa. Lâm coi bộ rụt-rè hỏi tôi :

— Vào được chứ ?

Tôi cười và vội đáp : « Được ! »

Tôi hỏi Lâm : « Uống gì không ? Rượu thì không có, nhưng có nước cam, nước suối ».

— « Anh cho tôi một ly nước cam ! » Lâm trả lời.

Lâm uống một cách ngon lành, hình như khát lắm thì phải. Tôi để anh ngồi ở divan, và cũng rót một ly để « cầm » khách. Tôi chỉ hỏi Lâm đã bớt say chưa ?

Lâm bình-tĩnh, thong-thả đáp lại : « Say một tý cũng hay, vì khi tỉnh ra, tôi sực nhớ đã làm anh buồn và đã không kể sự thực cùng anh ; vì vậy tôi đến đây để xin lỗi ».

— Lỗi phải gì ! Cứ ngồi chơi ở đây, mai chủ-nhựt mà !

Câu khách sáo của tôi không làm cho Lâm « mất giây tư-tưởng ». Tựa hồ như anh không nghe và vẫn tiếp-tục : « Tôi đã nói dối anh ! ... Nelly đã bỏ tôi ! ».

Tôi vội hỏi : « Tại sao ? »

— Tôi cũng không rõ ! Lâm đáp lại.

— Anh có cãi nhau với Nelly trước khi « elle » về thăm nhà chăng ?

Lâm lắc đầu, rồi tiếp theo với dọng buồn buồn : « Tôi rất khổ tâm, nhưng trong mấy tháng trời vẫn cố giữ bình tĩnh, và giấu anh ! »

Tôi rất tội nghiệp Lâm nhưng cũng chẳng biết nói gì để an ủi.

Hai chúng tôi im lặng, nhìn vơ vẩn mấy bức tranh trong phòng.

Tôi lại trở lại vấn-đề : « Có lẽ trước khi yêu một thiếu-nữ Âu phương, Lâm đã biết sự bất trắc và nguy ngại (risques) rồi chứ ! Người đàn bà Âu thường thường tính « một khối », (d'un seul bloc). Khi yêu, thì họ 9 bỏ làm 10, mà khi không yêu, thì 10 cũng chỉ còn zéro. Họ có thể bỏ tất cả, để làm đúng với ý-nguyện cá nhân. Sự đó là cả một tập quán cổ truyền, không ai có thể thay đổi được ! »

Lâm thở dài trả lời : « Nhưng khi yêu, có ai nghĩ nông sâu bao giờ ! »

Tôi đáp : « Phải ! nhưng anh để tôi nói tiếp : trái lại, người đàn bà Việt-Nam lấy chồng là lấy trăm năm ! Chỉ có cái chết mới có thể chấm dứt tình nghĩa vợ chồng. Vì thế, và theo tập quán nhẫn nại, đức hi sinh, người đàn bà Việt-Nam, tuy đôi khi bị « thiệt thòi », nhưng lúc nào cũng nên ép tư tưởng cá nhân để cho toàn vẹn câu « *Sự phu thê nghĩ đồng sinh tử* ». Đó cũng là cả một tập quán cổ truyền, không ai có thể thay đổi được ! »

một tiệm cà-phê gần vườn Luxembourg. Những ngọn cây phe phẩy trước làn gió mát, mặt trăng đang lách mình giữa những cành chằng-chịt, sao hôm đang nhấp-nhánh trên tháp nhà thờ, tất cả cảnh hoàng hôn đem lại một cảm giác nhẹ nhàng, thư thái.

Tôi đang để con mắt mơ mộng nhìn trời đất, thì anh «garçon» đã đem ra một ly nước cam và một ly whisky-soda. Nước cam để cho tôi và «Whisky» tất nhiên là để cho Lâm.

Thì ra trong lúc tôi bị "nàng thơ bá vô" lôi kéo, Lâm đã «com-măng» trước.

Tay anh nâng ly rượu lên ngang mắt, ngắm nghía những đợt rượu óng ánh vàng một cách mê ly, rồi anh uống thong thả như không còn «xem trời đất ra gì cả.» Đặt ly xuống, anh ta lầm nhầm một mình rồi hễ nhớ được câu thơ nào, là khoái trí ngâm để mình anh nghe.

Tôi biết Lâm có chuyện gì bất thường, nhưng theo phép xã-giao, mình không được hỏi tâm sự người ta, nếu «chủ nhân» không muốn nói ra.

Nửa giờ sau, tôi đưa Lâm và đợi cho anh lên hết từng lầu thứ năm, mới đi bộ về nhà. Tuy không phải là «Bao Công», nhưng tôi cũng thừa hiểu là Lâm đang có chuyện buồn bực.

Tôi biết anh yêu một thiếu-nữ Anh-quốc. Lâm gặp Nelly ở một quán cơm học-sinh. Hai người ăn ở với nhau đã hơn hai năm và sửa-soạn hợp-pháp-hóa việc vợ chồng. Cách đây ba tháng Nelly trở về thăm gia-đình ở Brighton. Tôi còn nhớ dáng điệu cô gái Anh-Cát-Lợi : người dong-dỏng cao, tóc vàng, nét mặt đều đặn, xinh-đẹp, luôn luôn có vẻ e-lệ, thùy-mị.

Nhưng hôm nay, thấy cử-chỉ Lâm như thế, tôi đoán chắc có việc gì đã làm " *cho duyên đằm-thắm ra duyên bẽ-bàng* ».

Mười hai giờ khuya tôi định tắt đèn đi ngủ thì có tiếng gõ cửa. Lâm coi bộ rụt-rè hỏi tôi :

— Vào được chứ ?

Tôi cười và vội đáp : « Được ! »

Tôi hỏi Lâm : « Uống gì không ? Rượu thì không có, nhưng có nước cam, nước suối ».

— « Anh cho tôi một ly nước cam ! » Lâm trả lời.

Lâm uống một cách ngon lành, hình như khát lắm thì phải. Tôi để anh ngồi ở divan, và cũng rót một ly để « cầm » khách. Tôi chỉ hỏi Lâm đã bớt say chưa ?

Lâm bình-tĩnh, thong-thả đáp lại : « Say một tý cũng hay, vì khi tỉnh ra, tôi sực nhớ đã làm anh buồn và đã không kể sự thực cùng anh ; vì vậy tôi đến đây để xin lỗi ».

— Lỗi phải gì ! Cứ ngồi chơi ở đây, mai chủ-nhựt mà !

Câu khách sáo của tôi không làm cho Lâm « mất giây tư-tưởng ». Tựa hồ như anh không nghe và vẫn tiếp-tục : « Tôi đã nói dối anh ! ... Nelly đã bỏ tôi ! ».

Tôi vội hỏi : « Tại sao ? »

— Tôi cũng không rõ ! Lâm đáp lại.

— Anh có cãi nhau với Nelly trước khi « elle » về thăm nhà chăng ?

Lâm lắc đầu, rồi tiếp theo với dọng buồn buồn : « Tôi rất khổ tâm, nhưng trong mấy tháng trời vẫn cố giữ bình tĩnh, và giấu anh ! »

Tôi rất tội nghiệp Lâm nhưng cũng chẳng biết nói gì để an ủi.

Hai chúng tôi im lặng, nhìn vơ vẩn mấy bức tranh trong phòng.

Tôi lại trở lại vấn-đề : « Có lẽ trước khi yêu một thiếu-nữ Âu phương, Lâm đã biết sự bất trắc và nguy ngại (risques) rồi chứ ! Người đàn bà Âu thường thường tính « một khối », (d'un seul bloc). Khi yêu, thì họ 9 bỏ làm 10, mà khi không yêu, thì 10 cũng chỉ còn zéro. Họ có thể bỏ tất cả, để làm đúng với ý-nguyện cá nhân. Sự đó là cả một tập quán cổ truyền, không ai có thể thay đổi được ! »

Lâm thở dài trả lời : « Nhưng khi yêu, có ai nghĩ nông sâu bao giờ ! »

Tôi đáp : « Phải ! nhưng anh để tôi nói tiếp : trái lại, người đàn bà Việt-Nam lấy chồng là lấy trăm năm ! Chỉ có cái chết mới có thể chấm dứt tình nghĩa vợ chồng. Vì thế, và theo tập quán nhẫn nại, đức hi sinh, người đàn bà Việt-Nam, tuy đôi khi bị « thiệt thòi », nhưng lúc nào cũng nén ép tư tưởng cá nhân để cho toàn vẹn câu « *Sự phu thê nghĩa đồng sinh tử* ». Đó cũng là cả một tập quán cổ truyền, không ai có thể thay đổi được ! »

Lâm đặt ly xuống bàn, nói lớn : « Có phải dễ thế đâu ! ». Rồi anh đưa hai tay lên ôm mặt, như muốn dấu nỗi tức giận hay đôi mắt ứa lệ.

Ta chớ vội cười anh vì rằng : « *đoạn trường ai có qua cầu mới hay* ! ».

Tôi ngồi lại gần Lâm, tay đặt lên vai anh để cố an ủi một người bạn trẻ đang đau khổ vì tình.

Lâm năm nay 27 tuổi, tốt nghiệp kỹ sư điện, rất có tương-lai trong ngành « électronique » và hiện đang tập sự tại một hãng chuyên môn kỹ-nghệ điện. Lâm học giỏi, tính lại rất vui, nên tôi mến lắm.

Lâm bỏ hai tay ra và nói với dọng run run :

— Tý nữa tôi đã thành một kẻ sát nhân anh ạ !

Tôi giật mình !

Lâm nói tiếp : « Tôi gặp Nelly đi với một người đàn ông khác ! »

— Hôm nào ? (tôi vội hỏi)

— Cách đây ba tuần lễ, tại tiệm ăn Pergola.

— Lâm có thấy rõ thật Nelly không ?

— Lại còn không rõ, nó ngồi trước mặt tôi và đã xanh mặt chợt thấy tôi khi nó với thằng kia hôn nhau !

Tôi lại giật mình, vì tôi biết Lâm đang tuổi hăng hái.

Mặt Lâm xem tái ngắt, anh nói tiếp : « Tôi đã cầm con giao ăn, tính xông lại đâm cho nó một lát !

— Anh điên à !

— Tôi tính giết nó, rồi tự tử cho rảnh !

— Thế thì anh sẽ quá điên đi mất !

— Nhưng không biết, có sự gì làm tôi dằn lòng. Tôi im lặng, trả tiền đứng dậy đi ra !

— Chính là tính trầm tĩnh và cao quí của dân-tộc mình đã cản anh lại. Anh đã nghĩ đến cha mẹ anh, và dân tộc, vì cử chỉ sát-nhân sẽ làm hoen-ố danh dự chung ! Vả lại, Lâm nghe tôi đây : không có người đàn-bà nào trên thế-giới có thể làm cho mình trở nên một tên sát nhân. Anh thử nghĩ xem, cha mẹ cho anh ăn học đến bực ấy, rồi vì một kẻ bội tình mà anh quên cả bổn phận hay sao ? Anh nên cám

ơn Trời Phật và Ông Bà đã giữ tay anh lại, và con giao oan nghiệt kia không đẫm máu giết người !

Lâm đưa tay lau mồ-hôi trán như vừa thoát một cơn ác mộng ! Tôi vỗ vào vai Lâm, vừa tội nghiệp vừa vui sướng vẫn có bên cạnh một người bạn tốt, một đồng bào thân mến, không bị cửa ngục thất đóng trước con đường đời thành thơi vô tội !

— Lâm uống ly nữa nhé ?

— Vâng, xin anh.

Lâm nhìn tôi, như có ý xin lỗi, rồi với một nụ cười trẻ thơ anh nói : « Đêm nay tôi ngủ ở divan phòng khách của anh có được không ?

— Tôi chả để Lâm về đâu ! Khuya rồi ! (tôi đáp lại).

Sáng hôm sau ; tôi mở mắt vì nghe có tiếng động ở trong bếp. Tiếng Lâm vui vẻ gọi tôi « Chín giờ rưỡi rồi, mời dậy đi ! Cà-phê pha rồi ! »

Hai chúng tôi ngồi uống cà-phê nóng, ngon lành. Lâm hỏi tôi « Hôm nay anh định làm gì ? »

Tôi trả lời : « Ba giờ tôi sẽ đi dự buổi ca nhạc của nam nữ sinh viên Pháp Nam ».

— Tôi đi với anh có được không ?

— Tôi cũng định rủ Lâm đi !

— Cám ơn anh, tôi sẽ theo anh với cả tấm lòng thành thật.

Tôi nói : « Lâu nay Lâm hay đi chơi với thiếu nữ Âu phương. Hôm nay, Lâm sẽ gặp thiếu nữ Việt-Nam. Lâm sẽ nghe tiếng hát, sẽ hưởng điệu đàn, Lâm sẽ trở lại với cội rễ. Lâm sẽ thấy khuôn mặt hiền từ, dáng điệu dịu dàng và nụ cười kín đáo của thiếu nữ nước mình ».

Lâm im lặng nghe tôi và xem bộ suy nghĩ.

Tôi vẫn đuổi theo tư tưởng : « Lúc nào cây cũng mến rừng và nước cũng ra bể. Hồn người ta luôn luôn hướng về Tổ-quốc ! Lâm sẽ thấy đời của mình và kiến thức của mình sẽ thêm phần ý-nghĩa, nếu mình biết yêu dân và nước mình ! »

Rồi tôi cười nói với Lâm : « Hôm nay Lâm sẽ thấy thiếu nữ Việt Nam yêu kiều diễm lệ trong bộ quốc phục Lâm sẽ thấy các cô Minh, Liên, Hoài, Hồng... Có lẽ Lâm sẽ giật mình và hối hận là đã sống xa cội rễ. Và biết đâu một người thiếu nữ Việt-Nam không làm

cho Lâm thấy rõ tương lai và hạnh phúc của mình ? Lâm nên nhớ là những kẻ sống tách đoàn lúc nào cũng thiếu thốn và yếu đuối ! ». Lâm ngồi im, nhưng có vẻ xa xôi. Rồi anh tươi cười nói : « Anh để tôi xuống đi mua hai miếng thịt và mấy quả trứng, anh em mình làm cơm ăn, rồi đi dự buổi ca nhạc nghe ! »

— Lâm vì tôi mà đi, hay thật bụng muốn đi ?

Lâm trả lời : « Tôi đã nói với anh là tôi sẽ theo anh với tất cả tấm lòng thành thật ! »

— Nhưng Lâm có thích gặp đồng-bào không ?

— Sao lại không ! Anh thường ngâm câu : « *Ai về đường ấy hỏi ai* ? ». Hôm nay anh để tôi ngâm câu ấy !

Hai chúng tôi vui cười. Lâm tay xách « lưới », chạy xuống lầu một cách nhanh nhẹ.

Tôi ước mong dáng điệu và tâm hồn một thiếu-nữ Việt-nam sẽ làm cho Lâm hết đau khổ và sẽ để anh tìm thấy chân lý cuộc đời của một thanh-niên nước Việt trong lúc :

« Giang sơn nghiêng ngửa,
Thế sự thăng trầm ».

Tôi lại mong bao nhiêu thanh niên Việt-nam ở hải ngoại sẽ tìm thấy chân lý như Lâm, vì Lâm đã trở về với dân và nước Việt-nam.

Thân mến chào bạn và xin hẹn « Bức Thư Paris » sau.

NGUYỄN-VĂN-CỒN

✶ MỚI ĐẾN

Trong một tiệm ăn, khách bảo người bồi-bàn :

—Nầy anh, món thịt nầy nhà hàng mua đã lâu hay sao mà hôi hôi thế hở anh ?

Người bồi bàn đáp rất tự-nhiên :

— Thưa ông, thú thật tôi không được rõ chủ tôi mua hôm nào, vì tôi mới đến đây làm được ba hôm nay thôi.

mai sau

★ **TRẦN-TUẤN-KIỆT**
(Sa-giang)

Khi đó thời gian đã lạnh rung
Tôi ngồi nhớ lại buổi niên trung
Hai vai co rúc sầu đôi ngã
Tuổi chất chồng lên bóng hãi hùng.

Khi đó thời gian nhẹ phớt buồn
Sầu nào lấp được huyệt đau thương
Mòn con mắt vọng trời xa thẳm
Cây đón trăng xưa ngã chập chờn.

Lại ôm thân thể lại đau lòng
Ôi gió xuân về ngỡ gió đông
Hoa rớt đầu hiên màu héo úa
Ôi buồn chi xiết đóa phù dung

Nét mặt ai người son phấn tô
Ta buồn sửng sốt với hư vô
Than ôi rung chuyển ngàn da máu
Chiều rũ hoàng hôn lạnh xuống mồ.

vui

★ **TUỆ-MAI**
(Saigon)

Mưa vẫn rơi,
Hàng cây thích chí đứng cười.

No, mát
Trên đại-lộ sạch quang, chúng ca hát...
...Gọi tôi, lời vui xào-xạc.
Chúng bảo tôi rằng : Đi nữa đi,
Áo mưa ướt đẫm — ăn thua gì...
Lúc này là lúc nên đi chứ ;
Xe vắng người thưa, thế mới thú.

Lững-thà lững-thững tôi lại đi,
Một quãng đường, không một thứ xe.
Tốt đấy... xe cứ lăn ngả khác,
Đường tĩnh thênh-thang, để tôi bước.

Lòng nhẹ tênh tênh, mát như nước,
Chân nhẹ tênh tênh, dẻo như lướt.
Lướt đường lá hát, mưa bay
Vui vui, mình với lũ cây chuyện trò...

PHỔ-THÔNG VÒNG QUANH THẾ GIỚI

Xuân-Anh

★ **MỸ : Hỏa-thịnh-Đốn**

Những nhà bác-học phụ trách chương trình « Thám hiểm Kim-Tinh » với Mariner II đã tuyên bố rằng : Theo những tin tức dò xét của các máy móc đặt trên chiếc vệ-tinh này chuyền xuống thì không thể nào trên Kim Tinh có một đời sống tương tự như ở quả đất được vì nhiệt độ trên mặt của ngôi sao nầy lên đến 426 độ, không khí bao quanh ngôi sao dày đặc 10 lần hơn không khí bao quanh trái đất và mây dày và u ám đến nỗi ví thử có người đứng trên mặt của ngôi sao ấy thì chỉ thấy ánh sáng lờ mờ của mặt trời mà thôi.

Các nhà bác-học Hoa Kỳ kết luận rằng : Về sau này, nếu muốn đưa người lên thám hiểm Kim-Tinh thì không phải chuyện khó, có thể đến gần ngôi sao ấy như Vệ-tinh Mariner II đã đến cách Kim-Tinh 34.560 cây số nhưng không thể nào có thể nghĩ đến chuyện đáp xuống mặt ngôi sao được vì nhiệt độ trên ấy gần với nhiệt-độ... làm chảy chì.

Hoàn cầu sẽ chết ngạt

Trong dịp Hội-nghị thứ 31 của Viện Khoa học không gian ở Nữu-ước, ông Jérôme Press-

man đã trình bày về những tai hại do các hỏa tiễn gây nên cho nhân loại như sau :

Không khí ở trên cao độ 120 cây số loãng gần 1 tỷ lần không khí ở mặt bể. Vì vậy, 1 tấn hơi do hỏa tiễn phát ra trên cao độ ấy sẽ bằng 1 tỷ tấn hơi ở trên mặt đất. Nếu một hỏa tiễn khổng lồ như loại Nova được phóng lên, nó sẽ phát ra 2000 tấn hơi dầu hỏa trên thượng tầng không khí, nghĩa là bằng 2000 tỷ tấn ở dưới đất.

Ông Pressman cho hay rằng ở thượng tầng không khí chỉ cần 100 tấn hơi là có thể làm sinh ra một đám mây 160 cây số bề rộng, phải mất hàng tuần mới tan được. Như vậy nếu hỏa tiễn được phóng lên hoài thì hơi dầu của những hỏa tiễn ấy phụt ra sẽ làm thành một bình phong dày đặt toàn mây, chứa nhứt chất flu-o, a-zôt và al-ca-li có thể làm thay đổi không khí và thời tiết một cách rất nguy hại.

Nếu những cuộc thí nghiệm phóng hỏa tiễn bớt đi thì vũ trụ sẽ trở lại bình thường, còn nếu các quốc gia cứ thi đua với nhau mãi thì... hoàn cầu sẽ có ngày chết ngạc.

Chín lạng... mười cân

Tổ chức của bọn ăn cướp (gangster) bên Mỹ cũng chu đáo không kém gì tổ-chức của Công-an Cảnh-sát Quốc-gia.

Chúng vừa cho xuất bản rất bí mật một cuốn « niên-giám » (annuaire) về Công-an Cảnh sát Mỹ ; trong đó chúng hoàn toàn bắt chước phương-pháp khoa-học áp dụng trong việc lập các phiếu nhận dạng của cơ quan hình pháp và kiểm tục.

Niên giám ấy gồm có 6000 hình của nhân viên Công-an Cảnh-sát và mỗi nhân viên đều có những chi tiết đầy đủ về tình trạng gia-đình, tánh tình, đặc điểm, thói quen, trình độ thông minh và những yếu điểm v.v.. Nói tóm, mỗi người có một phiếu lý lịch y hệt những phiếu lý lịch của chúng do Nha Công-an Cảnh-sát quốc-gia giữ trong văn-khố vậy.

Ghê gớm thật. Ăn cướp mà cũng tổ-chức khoa-học như vậy thật đúng là « bên chín lạng, bên cũng mười cân », không ai chịu thua ai... chỉ chết người dân lành thôi !

✱ NEW HAMPSHIRE : Nên nhốt vào chuồng...

« Nếu một người đàn bà nào ăn mặc không được đoan trang tề chỉnh thì hãy đem họ mà *nhốt vào chuồng* với loài thú ». Đó là lời tuyên bố đanh thép của ông Pefer P. Charland, đại diện cho Tiểu bang New Hampshire.

Ông cụ nầy đã 75 tuổi, có con đàn cháu đống và đã cương quyết giữ vững lập trường của cụ trong một dự án luật trình lên Nghị-viện của Tiểu bang nầy « cấm triệt để đàn bà « phô trương » bắp đùi của mình quá 2 phân trên đầu gối » (nghĩa là phải mặc cái « váy » xuống gần đầu gối 2 phân) không được cao hơn.

Sở dĩ ông cương quyết như vậy là vì theo lời ông, ông đã nhiều phen lấy làm « đau lòng » nhìn thấy các bà (kể cả các bà có thai) đi ra đường mà chỉ bận quần « sọt ». Rồi ông kết luận một cách cũng... cương quyết : Dầu các bà có giận tôi chăng nữa, tôi cũng nhứt định giữ vững lập trường ».

● Quý vị độc giả chớ nên vội cho rằng ông Cụ nầy vì già mà trở chứng hay vì « ức » tuổi mình già mà trở nên khó tính như vậy. Không, ông xử sự phải thế lắm vì trong dự án luật của ông còn có một điều « vớt vát » như sau : « Đạo luật nầy không áp dụng cho những người « mặc đúng kiểu » để tắm bể hay để chơi các môn thể thao ».

✱ PHÁP : Một tai nạn hy hữu

Một người bịnh mắc chứng trĩ. Bác-sĩ giải phẫu phải cần dùng phương-pháp « đốt điện » để hàn lại một mạch máu bị vỡ trong hậu môn (électro-coagulation).

Bất ngờ khi đặt ống hàn điện vào hậu môn và chuyền điện vào để cho lửa xẹt thì lửa ấy lại bắt hơi từ đại trường bốc ra và phát tiếng nổ làm tét ruột già. Bệnh nhơn đã phải cấp tốc được giải phẫu ngay và bác-sĩ đã phải rất khó khăn mới vá lại đoạn ruột bị rách.

Thật là một tai nạn hi hữu xưa nay các giới y-học không bao giờ để ý đề phòng vì cho rằng hơi trong ruột người gồm nhiều thứ hỗn hợp không thành được một thứ « hơi dễ cháy » (gaz inflammable) hay là một thứ « hơi nổ » (gaz détonant).

— Vì vậy mà bịnh nhân ra Tòa, phải chịu thua kiện.

● Bản đồ xưa 4263 năm

Người ta mới tìm ra được rằng bản đồ đầu tiên đã có từ 2.300 năm trước Thiên chúa Giáng sinh, nghĩa là kể đến bây giờ là 4.263 năm.

Bản đồ ấy do người Babylonien vẽ ra, không phải là bản đồ dùng trong việc phổ biến ngành du-lịch (lúc ấy chưa ai biết) mà để dùng trong việc... thâu thuế, giúp cho các nhân viên thuế vụ xê dịch trong nước để làm phận sự.

Xem đó thì biết rằng từ cổ chí kim, thuế vẫn là mạch sống của một quốc gia vậy.

✱ BỈ : Nhứt Quỉ nhì ma

Không biết bên Anh có câu tục ngữ ấy không, chứ bên ta ai cũng biết rằng «nhứt quỉ, nhì ma, thứ ba là học trò». Vì học trò, tuổi trẻ hăng hái, thường ngỗ nghịch vô cùng.

Tại Bruxelles, kinh-đô nước Bỉ vừa xảy ra câu chuyện như sau : Dân chúng thủ-đô Bruxelles thường hãnh diện với cái tượng của một đứa trẻ con đứng trong một hồ nước của thành phố và tự-do .. tiểu tiện. Tượng ấy tên là «Manneken-Pis» và có cái tiểu sử ngộ nghĩnh như sau : một hôm đứa con trai của một vị Thị-trưởng rất già của đô-thị Bruxelles tự ý bỏ gia đình đi rong. Ông Cụ rất đau khổ, đi tìm con khắp nơi và sau cùng, gặp nó, trần truồng như nhộng, đang đứng tiểu tiện ở giữa đường Etuve. Ông Cụ liền cho làm một tượng của đứa con trai ngỗ nghịch ấy ngay tại nơi ông đã gặp để kỷ-niệm cuộc gặp gỡ mà ông cho là... kỳ thú ấy. Dân chúng Bỉ cũng cho là câu chuyện kỳ thú và cái tượng ấy đã trở nên danh tiếng với cái tên Manneken-Pis, (người nộm đái).

Thế mà, nhơn tiết trời lạnh quá mức vừa rồi, các cậu sinh viên ở Anvers đã gỡ trộm tượng ấy mang đi, báo hại cho sở Cảnh-sát Bỉ phải kiếm tìm bở hơi tai như độ nọ ông Cụ đã đi tìm con vậy. Rốt cuộc, tìm ra được và đã đem về gắn lại chỗ cũ.

Ý.— khoa học và... phù thủy

Bác-sĩ thú-y Schonauer, người gốc Hung-gia-Lợi, nhập tịch dân Ý, xưa nay có tiếng là nhà chuyên môn trị bịnh cho các thú dữ ở các gánh xiếc. Mỗi lần thấy ông, là những con sư tử, cọp, báo v.v... đều hiền khô và ngoan ngoãn để cho ông chữa bịnh.

Nhưng vừa rồi. Trong một gánh xiếc ở thành Naples, ông đã thất bại. Một con cá sấu và một con trăng bị bịnh nhứt định không chịu để ông chữa dầu ông đã dùng đến cách cho chúng nó uống thuốc ngủ, chúng nó cũng cứ lồng lên, không chịu nghe theo.

Cuối cùng ông Giám-đốc gánh xiếc phải nhờ ông « phù thủy Ấn độ » (Fa-kia) cũng làm trong gánh xiếc dùng tài thôi miên để làm cho chúng ngủ. Con cá sấu đầu tiên « gục » ngay trước luồng nhởn-quang của ông nhưng đến lược con trăng thì nó cứ vương lên, ngóc đầu rất cao và lắc lư cái đầu để tránh đôi mắt của ông Fa-kia nhưng vì ông nầy « cao tay ấn », luồng nhởn quang rất mạnh nên cuối cùng con trăng cũng phải gục để cho ông Bác sĩ... giải phẫu và xức thuốc nơi đau.

✱ Cảnh xưa... người mới

Cô đào trứ danh, đẹp nhất, tài nhứt, giàu nhứt mà cũng nhiều chồng nhứt thế giới là Elizabeth Taylor lại sắp sửa... lấy một ông chồng nữa. Đó là Richard Burton, anh kép vừa đóng chung với Elizabeth trong phim Cléopâtre.

Cô ta có ý định rằng sau khi cưới xong, cô sẽ cùng tân lang đi hưởng tuần trăng mật tại một biệt thự ở Acapulco... nơi mà trước đây cô ta có ở một thời gian với Mike Todd (người chồng tử nạn máy bay) và cũng là nơi mà cô đã tiếp Eddie Fisher là người chồng mà nay cô đã ly dị để lấy Richard Burton.

— Không biết trong cảnh xưa... «lắm chuyện» ấy, tân lang Richard Burton có suy nghĩ gì không ?

NGA : « mốt » ăng lê

Năm 1963 « mốt » ăn mặc của « con người quý phái » (gentleman) Nga là : mũ quả dưa (chapeau melon) quần ống chật lại thẳng, áo xuôi có « rơ-ve » (revers) nhỏ, giày đế mỏng mũi nhọn hay vuông. Đối với người tinh mắt, có thể nhận thấy ống quần phía dưới hơi lòe ra một tý để nhắc nhở lại chút hình ảnh của loại ống quần « chân voi » (patte d'éléphant) danh tiếng của « mốt xưa » dưới thời kỳ « Xít-la-lin ».

« Mốt 1963 » như vậy làm cho các « công tử Nga » giống các tay « áp-phe » của các khu vực doanh thương có tiếng ở Luân-Đôn.

Các « công-tử » phải bắt buộc thắt « cà-vạt » không còn cái « mốt trác táng » mặc sơ mi hở ngực như trước nữa.

✱ ẤN-ĐỘ : cuồng tín

Bacho Orano, một nông dân ở Bihrar là một tín đồ trung thành của một vị nữ thần mà anh ta sùng bái. Anh ta đã đem đứa con gái Rita mới lên 2 tuổi ra chặt đầu để tế-thần, tin tưởng rằng nữ thần sẽ giúp cho anh ta được mùa năm nay.

— Tin tưởng ở thần quyền đến thế chắc chắn thế gian chưa có mấy người.

tuyết

★ THANH-NHUNG
(Tokyo)

Nói gì đây? Chiều nay hồn nhẹ lắm
Bay theo từng giọt tuyết nhỏ lang thang.
Tôi ở nơi đâu? Thế-giới trần-gian
Hay xứ mộng vẫn nằm trong tâm tưởng?
Đây có phải phấn hoa từ vạn hướng
Nàng tiên nào trang-điểm đã làm rơi?
Hay nhạc và thơ không ngõ nên lời
Nhưng thấm-thía tận linh hồn băng giá?
Cây nở nghìn hoa một màu trang-nhã
Cỏ uốn tơ mềm bắt chước làm mây.
Từng giọt rơi, từng giọt nhạc rơi đầy
Từng giọt chở lời thơ về nao-nức.
Trong im lặng thoáng nghe niềm rạo-rực
Của một người tìm thấy dáng quê hương:
Màu trắng đơn sơ ấp ủ trong hồn
Trong mơ ước của thời hoa thiếu-nữ.
Nói gì đây? Hồn tôi là tơ lụa
Cùng tuyết chiều nay đồng hóa mất rồi.

lòng hẹn lòng

★ HỒNG - LIÊN
(Quảng-trị)

LỨA ĐÔI...

Không gian mờ hơi lạnh,
Hạt sao thưa tắt lịm bên trời.
Lòng đêm hiu quạnh.
Tình sầu chơi vơi.
Ánh mắt buồn trăng không tỏ lối,
Gió về xa lạc áng mây trôi.

Ta say
Cuộc sống tuyệt vời.
Viên ngọc trinh ngất mộng.
Tìm ảo huyền xa-xôi,
Thu buồn hiu hắt vàng rơi.
Ta mê lạc.
Hoa hồng trên môi.
Một trời hương sắc đang ngự trị.
Cả hồn, cả thể, của đời ta,
Ta mê bạc trắng môi cười,
Buâng khuâng hồn mộng
Ta gục đầu trên áng sách,
Đi tìm anh tận cuối trời.
Mơ màng ta chẳng nói,
Ngỡ ngàng anh không cười
Tay trong tay nhau mãi,
Lòng hẹn lòng lứa đôi.

Lệ nến ngân giòng tuôn lả chả.
Tiếc giấc mộng đang dệt nửa vời,
Sông thưa trăng lặn soi gối biến
Một ánh sao dời thương nhớ ai?

Mình Ơi!

Rượu LA-VE

CÓ BỔ THẬT KHÔNG ?

Diệu-Huyền

TẠI sao thế hả Mình? Em thấy thí dụ như ở Saigon nầy có 1 triệu người đàn ông thì có 999.999 người thích uống bia. Chỉ có một người mà không bao giờ em thấy uống nó, là mình. Tại sao mình ghét rượu bia dữ vậy?

— Em biết anh ghét hết tất cả các thứ rượu, không riêng gì rượu bia.

— Người ta bảo rượu bia bổ lắm cơ mà? Có thật rượu bia bổ không mình? Em không hiểu nó có chất bổ gì và nó ngon thế nào mà ai cũng thích uống nó?

— Kể ra nó là một thứ giải khát bổ hơn hết. Một lít rượu bia có thể đem vào cho cơ thể con người 400 ca-lô-ri, nghĩa là bằng số lượng ca-lô-ri của 400 gờ-ram bánh mì, hay là hai phần ba một lít sữa tươi. Chỉ khác một điều là trong 400 calories của một lít bia đã có trên 250 calories của rượu, mà rượu thì không phải là một món ăn như bánh mì và sữa. Bia chứa nhiều Vi-ta-min *B1* và rất nhiều *acide nicotique* (pyridine-carbonique) kích thích bộ máy tiêu hóa, giúp sự tiêu hóa dễ dàng.

Gọi là *rượu* bia, nhưng chất rượu có ít thôi, nếu uống bia có điều độ thì thiều lượng rượu đó không làm hại gì cho cơ thể, vào trong máu nó bị tiêu tan hết ngay.

— Anh Bảy của em là một cây La-Ve, một rừng La-Ve, Mình ơi! Cứ mỗi buổi trưa ảnh ngồi ngoài hè đọc báo, làm hết hai chai, một mình ảnh!

— Em nên cho anh ấy biết rằng uống bia nhiều như thế tất nhiên có hại. Nói ra như thế, các nhà sản xuất bia họ nghe được, họ sẽ oán mình chết vì họ quảng cáo hơi thái quá là rượu bia rất bổ dưỡng cho cơ thể. Sự thật là nếu lạm dụng nó như mỗi buổi trưa 2 chai chẳng hạn thì những chất bổ của nó bị rượu phá hết. Rượu bia bổ và giúp ta ăn ngon cơm một phần lớn là nhờ chất *houblon*.

— *Houblon* là gì hả Mình?

— *Houblon* là một loại cây leo như cây nho, lá gần giống như lá nho và có bông kết chùm. Người ta nấu bia, phải trộn hoa *houblon* vào cho nó thơm và có đôi chất bổ. Tóm lại, nói bia là rượu bổ thì hơi thái quá. Nói nó là một thứ giải khát rất hợp với vệ sinh thì đúng hơn.

— Thế sao Mình không thích uống bia ? Giá sử trước mỗi bữa ăn, Mình uống một chai bia nhỏ nhỏ, chắc mình sẽ ăn ngon cơm hơn.

— Một chai 33 ?

Bà Tú cười :

— Mình thì phải một chai **35** !

— Ừ, cũng được, nhưng tại vì không có bia 35 cho nên anh không thích uống bia !

— Em nói đùa để chọc Mình chơi cho vui, chứ em biết mình ghét rượu, bất cứ rượu gì. Em cũng thích như thế. Mình nè, uống rượu bia thì ăn ngon cơm là tại sao ?

— Là vì trong bia có những chất colloïdes, nó dính tay như keo, như nhựa, mà nó thấm nước, uống bia vào thì những chất nhựa ấy dính phớt trên lưỡi, gây ra một giác quan kích thích. Tiếng Đức có một chữ diễn tả đúng cái giác quan trong miệng ấy, là *Wollmundigkeit*, tiếng Pháp cũng theo đó mà dịch là *plénitude de bouche*, nghĩa là sự cảm nhận một khiếu giác đầy trong miệng.

— Còn tại sao em uống bia thấy có vị đắng-đắng ?

— Đắng là tại chất đắng trong vỏ lúa đại-mạch (*orge*) — vì Bia nấu bằng lúa orge, — và chất đắng trong *houblon*, pha trộn nhiều houblon chừng nào thì bia đắng chừng nấy.

— Mình ơi, trên thế-giới xứ nào cũng có nấu bia sao ? Người các xứ khác có thích uống bia như người Việt-nam mình không ?

— Rượu bia đã có từ thời thượng cổ lận, em ơi !

Mấy nghìn năm trước khi Chúa Christ ra đời người **Ai Cập** đã nấu rượu bia rồi. Cũng như người Tàu ở thời đại **Phục Hy Thần Nông** đã biết nấu rượu nếp. Rượu bia cũng như rượu nếp của á-đông, chỉ khác là ta nấu với lúa nếp, còn người Tây-phương nấu với lúa orge và houblon.

— Rượu nếp của Việt nam mình ngon hơn rượu bia nhiều chứ, phải không mình ?

— Ừ. Anh cũng khoái rượu nếp.

— Em cũng khoái rượu nếp. Hai đứa mình cái gì cũng khoái giống nhau, Mình há !

Ông Tú cười, cúi xuống hôn bà Tú một cái, nói tiếp :

— Đồng bào thiểu số của ta ở các miền núi cũng đã biết nấu

rượu nếp, rượu gạo và rượu bắp từ xưa từ xưa, từ **Indonésia, Malaya** truyền sang. Đó cũng là một loại như rượu bia. Sở dĩ mùi vị của rượu bia đặc biệt hơn là nhờ có houblon, có lúa orge thơm hơn, dẻo hơn và cũng nhờ họ nấu theo phương pháp khoa học tiến bộ hơn. Lúc ban đầu người **Ai cập** ở hai bên bờ sông **Nil** nấu rượu bia với lúa orge cũng như rượu nếp của ta.

Hồi đó, rượu bia người Ai-cập gọi là *Zythum*. Chắc chắn Nữ Hoàng **Cléopâtre** đã mời đại tướng **Antoine** ăn trái sung và uống rượu bia *Zythum* trong lúc trai tài gái sắc trao đổi ái-ân. Từ Ai-cập, các nhà buôn chở rượu Zythum sang bán bên Hy-Lạp, rồi từ Hy-Lạp phong-trào uống bia tràn lan sang La-Mã, sang xứ Gaule (tên của nước Pháp thời xưa), và qua **Germanie** (Đức, Hòa-Lan, Ba-lan, Autriche ..)

Người Gaulois (Pháp xưa) bỏ danh từ Ai-cập *Zythum*, đặt lại là **cere visia** rượu của **Cérès**, Nữ-thần Mùa-màng. Sau lại biến thành **cervoise**, cũng nấu bằng lúa orge. Nhưng ghiền rượu lúa orge nhất là người Đức và các giống dân cùng huyết-hệ là giống người **Germanique**. Người Đức đổi ra tên Đức là rượu **Bier** từ năm **1435** và thêm houblon vào cho thơm và có hương-vị đắng-đắng đặc biệt hơn rượu *cervoise* của Pháp. Vì rượu Bier của

Đức ngon hơn, thơm hơn, uống vào kích-thích các giác-quan hơn, nên người Pháp chán bỏ rượu cervoise, bắt chước nấu **Bier** và áp-dụng danh-từ **Bierre** Mãi cho đến năm **1835**, Hàn-lâm-viện Pháp mới sửa lại là **Bière**, cho giọng đọc gần đúng với tiếng Bier của Đức hơn. Người Anh cũng gọi theo tiếng Đức, là **Beer**. Sang Việt-nam thành **Bia**, sang Nhật bổn là **Biro**.

— Mình ơi, còn tiếng **La-De**, hay **La-Ve** đặc-biệt thông-dụng ở miền Nam, là do ở đâu mà ra ?

— Là do hãng nấu Bia của người Pháp ở Saigon và Hanôi hồi Tây mới mở cho đến lúc chiến-tranh, là hãng **Bière La-rue**. Anh em công nhân ở hãng gọi trại chữ *Larue* thành *La-De*, mà viết thì *La-Ve*. Chữ La De cũng có thể do chữ La Bière nói trại ra. Vào khoảng năm 1925 cho đến 1935, 36, ở trước chợ Bến-Thành gần ga xe điện (tramway) Cuniac, cứ chiều tối thường xuyên có một chiếc xe của hãng Larue đậu ở đấy để bán «La-Ve» cho dân chúng đi chơi mát. Có bảy tám cái ghế đầu kê hai bên xe. Thanh niên tụ lại ngồi ăn các món đồ chua, như củ kiệu, củ tỏi, hoặc mực khô nướng, nem nướng, và uống một «bock» la-ve, trả 3 xu. Coi bộ anh nào anh nấy cởi-mở lắm, mặt đỏ bừng, miệng cười thỏa-mãn.

Dân Sơn-Cước uống rượu Bắp, hoặc rượu gạo

— Mình có ngồi ăn uống lần nào ở chỗ đó không ?

— Không có. Anh chỉ đứng xem. Đặc biệt ở Saigon có những xe La-Ve ấy từ **1925**. Còn ở Hanôi thì mãi đến năm 1936, mới có một chiếc xe kiểu như xe Saigon, đậu ở Bờ-Hồ, gần ga tàu điện Cầu - Gỗ, nhưng khách ăn không có chen lấn đông đảo như ở Saigon. Vì người Bắc không ưa ăn uống ngoài đường phố. Vả lại dân Hànội không thích uống Bia. Nghiện rượu nhất như nhà văn **Trương Tửu** hay nhà Thơ **Tản Đà** cũng chỉ là

những « cây » rượu trắng (trong Nam gọi là **rượu đế**) hoặc là rượu lậu, hay « rượu ty », « rượu công xi » của Công ty Rượu **Fontaine**, hoặc hôm nào có tiền thì uống rượu chát đỏ hay chát trắng của Tây, chứ không mấy khi uống Bia.

Dân Trung-Kỳ thời bấy giờ cũng không thích La-ve cho nên rất ít nơi bán. Đa số thị thành lớn như Vinh, Huế, Đà-Nẵng, Quảng-ngãi, Qui-nhơn cũng không thấy nhiều nơi bán rượu bia. Hoặc có thì rất ít người uống.

— Mình ơi, nấu lúa orge và houblon cách sao mà thành ra rượu bia được, hả Mình ?

— Có khó gì đâu. Nấu rượu nếp thế nào thì nấu bia cũng thế. Nghĩa là theo nguyên tắc, ngâm lúa orge cho lên mộng, trộn thêm houblon, bỏ men vào, và nước lạnh, rồi ủ tất cả lại một thời gian thành rượu *Bier*. Rượu Bia nào ngon nhất là nhờ dùng loại lúa orge tốt nhất, trong lúa orge thường có những chất *hydrates de* carbone : từ 62 đến 74%, trong đó có bột (amidon) từ 44 đến 58%, đường : 1— 1,5%, chất đạm : 7 đến 13% và một vài chất khác nữa.

Hiện nay mỗi năm toàn thể thế giới sản xuất vào khoảng 25.000 triệu litres rượu Bia. Đứng đầu trong số sản xuất là Huê-Kỳ (6300 triệu) rồi đến Đức (6000 triệu) Pháp, Bỉ, Nga (600 triệu) Australia, Suède, Canada, Nhật v.v...

Tính số lượng mỗi người uống thì ở Đức uống nhiều hơn nhưng trung bình **mỗi người mỗi ngày 1 lít.**

Ở Mỹ sản xuất hơn cả, và Bia được coi như là *quốc-ẩm (National Beverage)* nhưng *mỗi người uống mỗi ngày không quá nửa lít*. Số dư để xuất cảng.

— Mình ơi ! em nghiệm thấy đa số người Việt-Nam mình ăn uống không có điều độ và do đó mà sức khoẻ sút kém hơn người ngoại quốc, phải không Mình ? Hễ món nào thích uống là cứ uống tưới hột sen, như rượu bia uống cho « sướng » thần khẩu, cho say túy lúy, ba bốn chai một lúc, ăn thì ăn cho no nê ứ ự, bất chấp cả vệ - sinh, cả sức khoẻ. Người ngoại quốc ăn hay uống đều nghĩ trước hết đến sự bổ

dưỡng cho thân thể, chứ không vì sướng miệng và tham lam. Đúng không Mình ?

— Đúng lắm. Đó cũng là một bài học vệ-sinh của sự sống mà chúng ta nên thí-nghiệm.

— Mình ơi, em đề nghị với Mình điều nầy, Mình có chịu không ?

— Nói đi.

— Mình chịu thì em mới nói.

— Em nói rồi anh mới chịu.

— Sẵn có 20 gói nem Huế của cái cô gì của Mình gởi vô biếu Mình đó, hai đứa mình ăn nem uống La-De một chuyến chơi xem sao ? Mình chịu nhé.

— Uống say rồi tối nay làm sao anh viết ?

— Tối nay thứ Bảy mà ! Mình cho cây bút của Mình làm reo một đêm đi. Hai đứa mình say rồi ngủ, không cần biết Trời đất quỷ thần gì ráo !

— Ừ. Em muốn sao, anh cũng chịu.

★ *Diệu-Huyền*

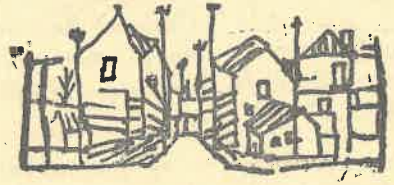

★ NGƯỜI GIÚP VIỆC NGỚ-NGẨN

Một ông công-chức có nuôi một người ở rất tận-tụy siêng-năng nhưng hơi ngớ-ngẩn. Một buổi sáng dậy trễ, ông công-chức hối-hả bảo người ở đi lấy đôi giày đem sẵn cho ông trong lúc ông đi rửa mặt. Người ở đem giày ra và bảo :

— Thưa ông, con đã cột sẵn cả giây giày cho ông rồi đây !

★ DANH NGÔN

● Chơi với người hay như vào nhà trồng hoa, tuy chưa thấm mùi thơm nhưng nhẹ thoảng trong người. Chơi với kẻ dở như vào hàng cá, tuy chưa nhiễm mùi tanh nhưng nặng nề trong người.

LÊ KÝ

tết nhất năm nay

★ **QUỐC-PHƯƠNG**
(Ty Công-Chánh — Quảng-Trị)

Tết nhất năm nay rõ chán phèo
Chăn trùm kín mít lạnh chèo-queo
Cha đời của có : trăm điều sướng
Mẹ kiếp tiền không : một chữ nghèo.
Thuở trước bạn bè thăm rộn rịp
Bây giờ thân thế nghĩ buồn teo.
Muốn ngơ chẳng đón nàng Xuân nữa
Lại tiếc Xuân về tóc bạc theo.

xuân quí mảo thuật hoài

★ **SONG-THU**
(Gia-Định)

Thấm-thoát thiều-quang trắng mái đầu,
Ba-mươi-sáu Tết nữa bao lâu !
Trên đời tưng trải cơn giông tố,
Trước mắt lần qua cuộc bể dâu.
Non nước hẳn dành dan-díu lỡ...
Nghiệp duyên thôi chẳng hẹn-hò sau.
Ngày xuân ta hãy vui xuân đã,
Cùng bạn thi văn ngõ giải sầu.

xuân quí mão thuật hoài

(THƠ HỌA)

★ **ĐAN-QUẾ**
(Dalat)

Sóng gió bao phen chóng bạc đầu,
Xuân về, hận cũ tưởng quên lâu.
Lợi danh lầm lỡ hoài băng tuyết,
Sự nghiệp âm thầm thẹn biển dâu.
Gánh vác đã cùng chung lớp trước,
Vẽ tô thôi để cậy người sau.
Xuân nào mới hẳn không Nam Bắc
Đệ nước Hồ Gươm khỏi gợn sầu.

DỤC - TÍNH

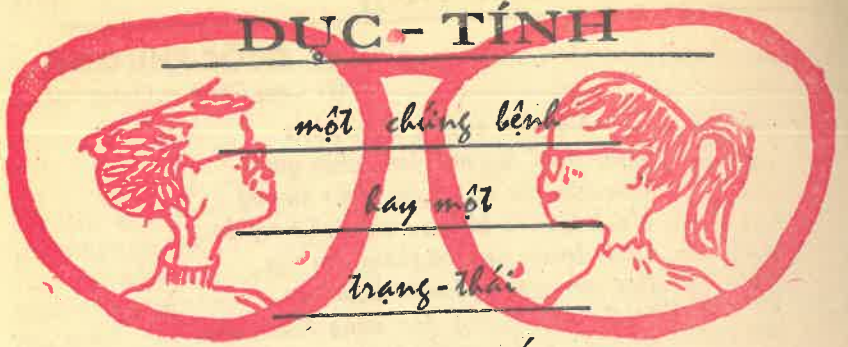

SINH - LÝ

?

★ B.s. THIỆN-Ý

Một bản-tính tự nhiên của loài người

Tạo hóa sinh ra có nam có nữ, có đực có cái, cốt để các sinh vật duy trì lấy nòi giống, vì cần phải phối hợp một giao tử đực (gamète mâle) với một giao tử cái (gamète femelle) để tạo sinh ra một cái trứng hay hợp tử (zygote). Trứng trưởng thành theo thời gian mà thành một sinh vật mới, chung đúc các đặc tính của giao tử cha mẹ, rồi cứ thế mà tiếp tục sinh tồn Từ loài cây cỏ, đến các động vật, kể cả những con vật bé nhỏ, cơ năng sinh dục là cơ năng căn bản của muôn loài, mà dục tính chỉ là tính chất tự nhiên phải có của sinh vật, ngoại trừ một thiểu số sinh vật hạ đẳng mà thôi.

Như vậy đã là người phải có tính dục, hơn thế, dục-tính phải phát triển điều-hòa, sớm quá, muộn quá, đều có hại cho cả tinh thần lẫn vật chất.

● Tuổi dậy thì

Đối với con người, dục tính bắt đầu từ tuổi dậy thì,

lúc con gái 15, 16 tuổi, con trai 17, 18, tức là thời kỳ mà bộ máy sinh dục phát triển mạnh mẽ. Có thể nói rằng tuổi dậy thì là lúc mà dục tính nổi dậy. Đó cũng là lúc có sự hòa đồng giữa thân thể và tâm hồn, hòa đồng trong sự phát triển nảy nở, kèm thêm lòng khát khao ước muốn nhục dục. Vì vậy các nhà luân lý thường nhận thấy ở trong tuổi nầy không khéo giáo dục thì dễ dàng bị sa ngã.

Dục tính phát triển không điều hòa ở mọi bản chất con người mà thay đổi tùy theo từng thể xác, từng tâm hồn. Có những tâm hồn mộc mạc đơn sơ, thì chỉ là những rung động nhẹ nhàng, những nỗi buồn man mác, những mối tình thoảng như gió. Đối với con người đa cảm thì đó lại là cả một vấn đề : lụy, thương, ghét, nhớ !.. Đối với những thể các mà bộ máy sinh dục phát triển quá mức, thì đó lại là cả những đòi hỏi xác thịt gắt gao, kho kiếm chê nồi, thương thường dễ đi quá trớn mà gây nên những hậu quả hết sức tai hại.

Một trường hợp : tảo hôn !

Tuy nhiên, dục tính phát động, chưa phải là lúc đi tới hôn nhân (để mà giải quyết vấn đề !)

Ở nước ta, nhất là ở thôn quê, vẫn có một tệ tục là cha mẹ gả chồng cưới vợ cho con rất sớm. Vấn đề tảo hôn này hiện nay pháp luật đã ngăn cấm nhưng ta cũng nên hiểu thêm các nguy hại đứng về phương diện sinh-lý.

Trước tiên ta biết rõ dục tính chỉ là một tính chất tự nhiên của con người phát động nhưng không đều tùy theo từng thể chất con người, hơn thế đây chỉ là một tính chất cần phải có của một sinh vật tới lúc trưởng thành, không nên coi đó ngay là một nhu cầu tối yếu, vì bộ phận sinh dục chưa hành trưởng hoàn toàn, trí khôn con người chưa hẳn đã mở rộng, vợ chồng trẻ thiếu suy nghĩ, trong tuổi dậy thì thường dâm dục quá độ sẽ hao tổn rất nhiều sức lực, và nếu có sinh đẻ thì nguy hiểm cho cả mẹ lẫn con : mẹ non tuổi thiếu kinh nghiệm, con thiếu tháng, yếu ớt, khó nuôi.

Như vậy, trong tuổi dậy thì lúc mà dục tính bắt đầu, cần phải có một đường lối giáo dục vững vàng, hợp lý để hướng dẫn con em đến con đường chính đáng.

Trường hợp vãn-hôn

Vãn hôn cũng nguy hiểm không kém gì tảo hôn. Kết hôn muộn màng, hoặc không kết hôn đều cũng ảnh hưởng rất nhiều đến đời sống tinh thần và vật chất. Tính dục bị kềm hãm trái với sinh lý, sẽ đưa đến những hậu quả không hay; người thiếu hòa nhã, hay gắt gỏng, cau có vô cớ, sức khỏe hao mòn, tâm hồn không thảnh thơi mà trái lại bực bội, đục vẩn.

Cũng có người cứ để cho dục tính phát triển tự nhiên rồi đối phó một cách giả tạo. Đó là những trường hợp ý dâm, thủ dâm, đều hết sức tai hại.

Lại cũng có người tìm cách giải quyết sinh lý. Đó là bước đầu dẫn tới trụy lạc và các bệnh phong tình.

Cũng cần kể tới những trường hợp chênh lệch về tuổi tác quá nhiều, dục tính ảnh hưởng không phải là nhỏ. Đó là trường hợp *bội hôn*.

Trong mọi trường hợp, cần điều hòa cơ năng sinh dục để giữ vững các hoạt động của cơ thể.

Dâm dục quá độ

Để cho dục-tính phát triển quá độ, lặng lẽ chiều theo các nhu cầu giả tạo, tức là đi vào hố sa ngã.

Hậu quả là thủ dâm, di tinh, liệt dương các chứng bệnh phong tình.

Khi mà dục-tính bồng bột, người ta thường cũng dễ bị liệt-lương (anérection). Trường hợp này chỉ tạm thời, không coi là một chứng bệnh, mà đây chỉ là một hiện tượng sinh lý đặc biệt do cảm động, ngỡ ngàng hoặc mệt mỏi, suy yếu gây ra. Nghỉ ngơi, tĩnh dưỡng ít lâu sẽ hết. (Trường hợp những chàng trai mới lấy vợ, những người mới tiếp xúc với đàn bà...).

Trong thời kỳ dục-tính nảy nở, cần để phòng, cần chế ngự bằng đủ mọi cách, để con người đủ năng lực điều khiển các cơ năng. Lỏng tay, coi thường dễ gây ra những trường hợp đáng tiếc.

Cần điều hòa guồng máy của cơ thể

Tạo hóa đã ban cho con người ba cơ năng: cơ năng liên lạc, để hiểu mình và cảm thông với ngoại giới,— cơ năng dinh dưỡng để duy trì lấy thể xác và tâm hồn — và cơ năng sinh sản để tiếp tục sinh tồn. Dục tính chỉ là một tính chất của cơ năng, một tính chất đặc biệt, đáng để ý. Hướng dẫn, giữ gìn, thì đó là những trạng thái sinh lý thông thường của cơ thể. Để cho dục tính phát triển tự do, vượt mức, thì dục tính chỉ còn là một chứng bệnh của cơ thể cần phải điều trị.

Guồng máy mà tạo hóa đã ban cho, con người cần phải biết cách điều khiển một cách chính xác.

Khi mà cả ba cơ năng cùng hoạt động điều hòa, đều nhịp thì lúc đó con người mới thật tìm thấy niềm vui trong lẽ sống.

● *B.S THIỆN-Ý*

Chung quanh vấn đề :

« MỘT CHỨNG BỆNH TAI HẠI CHO THANH THIẾU NIÊN »

★ Bạn M L. Đà-nẵng

« Tôi rất đau khổ vì chứng bệnh kín như bác sĩ Thiện Ý có nói trong bài báo... Thân thể tôi bãi hoải, làm việc không chuyên cần, kém nhớ... sút đi mất 4kg ».

Xin bạn xem cách chữa di tinh ở báo số 99.

★ Một học sinh, em Võ-I-Ph. Thủ-đức

«... Cháu xin thú thật chính là kẻ đang mang tất cả những điều mà bác sĩ Thiện-Ý đã viết... bây giờ nên uống thuốc gì cho hợp. »

Em cần rứt bỏ tất cả những ý nghĩ cũng như những cử chỉ có thể làm tăng dục tính lên. Nên giải trí thanh tao lành mạnh. Uống thuốc an thần Passiflorine.

★ Ông H. đ. Tr. Đà-nẵng

«... Sau một thời gian thủ dâm, tôi thấy người mệt mỏi khó chịu, mắt kém, cứ xốn xang hoài, lưng đau, trí óc hình như kém minh mẫn như xưa, học rồi quên, thấy trong người mệt mỏi khó tả. Rất mong bác-sĩ vui lòng chỉ dẫn vài loại thuốc chữa ? Nếu tôi ngưng hẳn thủ dâm sẽ vãn hồi được trí óc và bệnh tật chăng ?

Ông nên dùng một trong các thuốc an thần sau đây, Passiflorine, Neurinase, Bromo-magnésium, Bi l ergal... Cần nghỉ ngơi, ăn những chất dễ tiêu, cữ rượu, đồ gia vị, ăn nhiều trái cây. Ông nên dứt bỏ hẳn thủ dâm thì sẽ khoẻ mạnh và minh mẫn như xưa.

★ Ông Ng th. T. KBC 4091

«... Từ nay sẽ bỏ hẳn tật này, như thế sau này cưới vợ có con được không ? »

Ông đã từ bỏ rồi, cơ thể sẽ lại như cũ, như vậy khi lấy vợ, tất là sẽ có con (trừ những trường hợp muộn con do những nguyên nhân khác không kể).

BS THIỆN Ý

TÍNH CHẤT BỔ KHỎE của sản phẩm B.G.I.

Được quý vị tín nhiệm, hãng BGI hàng ngày trung tín phụng sự quí vị với các loại giải lao tinh khiết, thơm ngon và bổ khoẻ.

La-ve Larue, đầy đủ các khoáng chất và sinh tố căn bản cần thiết cho cơ thể, được quý vị ưa chuộng vì phẩm cao mà giá hạ

La-ve «33» đại bổ dưỡng, danh tiếng quốc tế với cấp bằng label « Sélection Eur pe »— hương vị tinh tế làm vừa ý người sành điệu khó tánh nhứt.

Nước ngọt Con Cọp, phẩm chất vô song, giúp ích bộ tiêu hóa, giúp cơ thể chống lại sự hao hụt chất nước cần thiết, rất nguy hại cho sức khỏe và thường xảy ra trong những ngày nóng nực. Xá Xị Hỏa Tiễn và Bạc Hà Con Cọp còn có những dược tính trị liệu đặc biệt chống các chứng bịnh cảm mạo.

Xi-rô Con Cọp : Cam, Chanh, Lựu, Bạc Hà, Dâu, tinh chế với hương liệu chọn lọc, tươi tốt và nhiều sinh tố, đứng hàng đầu các loại Xi-rô thơm ngon nhứt Qua mọi giai đoạn chế-biến, từ các máy tinh vi trong phòng lạnh cực tinh sạch đến khi vô chai, việc chế tạo Xi-rô Con Cọp không phải cần đến bàn tay người. Nên tính chất cực tinh khiết của Xi-rô Con Cọp được bảo đảm hoàn-toàn, khác hẳn với các thứ pha chế theo lối thủ công nghệ.

Tất cả các loại giải lao Con Cọp đều chế tạo với mục đích cung cấp cho nhu cầu giải khát của quý vị các thức uống có tính cách gia tăng Sức khỏe và sự vui tươi của quý vị

Thơ tên Quốc

tờ khai

ĂN HỐI LỘ

Bị bắt vì một vụ ăn hối lộ, một vị công chức có nhờ Diệu-Huyền làm giùm một bản trần tình bằng thơ mà ông căn dặn *« Nhờ cô viết thế nào cho hấp-dẫn nhé, bào chữa cho khéo léo nhé»*. Vì trường hợp của ông công chức nầy lương tháng không quá mười ngàn mà ông đã tậu được 3 villas, hai xe hơi Huê-kỳ, và đời sống rất đế vương.

Kể cũng khó dấy. Nhưng Diệu-Huyền muốn thử làm trạng sư một lần xem may ra Quan-Toà có rộng lượng tha cho ông công chức thì hay quá ! Lạy trời !

Xin thay lời bị-cáo, mà kính cần thưa với quí Quan-toà như sau đây :

★

Tôi, một công-chức xoàng
Lương tháng gần mươi ngàn
Bảy con, ba mụ vợ.
Vẫn ăn-xài huyênh-hoang
Vợ lớn và vợ bé,
Đời tôi sắm hột-xoàn.
Vợ muốn thì phải được,
Không tiền cũng sắm càng.
Tại các bà lớn bự,
Đeo đầy ngọc, đầy vàng,
Nào kim-cương, ngọc-thạch,
Ngực cổ đều sáng choang,
Vợ tôi thấy bắt chước,
Theo gương các bà Hoàng,
Nhỏng-nhẽo cho kỳ được,
Mỗi cô chuỗi hột xoàn !
Con gái tôi bốn đứa
Thi đua diện thời trang
Hùa theo đợt sóng mới,
Chơi với bọn đ.ếm-đàng,
Nhảy rum-ba, tu-uýt (twist)
Đi Dalạt, Nha-Trang.
Xin tiền đua chúng bạn,
Không cho, chúng làm tàng.
Cô thì đòi tự-tử
Cô khóc la rùm vang
Cô chê tôi «chậm tiến»,
Ăn cắp tiền... đi hoang !

Hai trai học bên Pháp
Mỗi tháng tốn sáu ngàn.
Chúng nó chê trường Việt,
Dạy tú-tài « lô-can ! »
Một thằng mê gái Pháp
Lấy nó đã có mang
Viết thư về khảo của
Mỗi tháng năm ngàn quan.
Riêng tôi còn phải mướn
Hai biệt-thự thật sang
Cho hai cô vũ-nữ,
Mỗi cái cho mỗi nàng.
Vì hai cô thất nghiệp
Đêm buồn đi lang thang,
Thấy thế tôi thương xót,
Phải đem về cưu mang.
Tôi lo sợ vợ cả
Biết được sẽ la làng.
Nhưng tôi phải cấp dưỡng
Hai cô tháng mười ngan.
Và hai xe vơ-đét
Tốn hơn bốn trăm ngàn,
Để phu-nhân dạo phố
Lái xe chạy nghênh ngang,
Để cho người ngoại-quốc
Trông thấy phải kinh-hoàng
Hết khinh ta « chậm tiến »,
Phụ-nữ ta vẻ-vang !
Thế, tôi mới hãnh diện
Làm chức vụ cao sang,
Trung-thành với chính phủ
Xây-dựng cho giang-san
Hy-sinh vì tổ-quốc,
Phục-vụ cho nhân-dân !
Cho nên tôi cần phải
Có bộ gió hiên-ngang
Lấy le với cô-bác.
Vênh váo với bàng-quan.
Nhờ trời có địa-vị
Làm tiền được dễ-dàng.
Áp-phe vào rùm rụp,
Chợ đen với ngoại-bang.
Ấy thế tôi mới có
Mấy triệu bỏ ngân-hàng.
Nên tuy tôi công-chức
Lương tháng độ mươi ngàn
Nhưng tôi là triệu-phú,
Tiền bạc xài thả dàng.
Đến những việc hối lộ
Tôi xin khai rõ-ràng,
Giúp những người xin-xỏ,
Chỉ ăn vài trăm ngàn.
Sống trong thời giặc-giã
Phải tranh thủ thời-gian !
Còn bao nhiêu ông khác
Ăn hối-lộ nghênh ngang.
Miệng hô-hào đạo đức,
Bạc nhét đầy túi tham !
Họ ăn cắp hàng triệu,
Vẫn tự-do nghênh-ngang.
Sao không ai bắt họ,
Riêng tôi bị bắt oan ?
Xin quan toà rộng xét
Nào phải riêng tôi gian !
Tôi vô nằm trong khám,
Sản-nghiệp tôi tiêu-tan
Vợ tôi lấy chồng khác
Cót ngọc bước sang ngang
Nhờ lượng toà thương xót.
Cúi đầu lạy các quan !

Viết giùm : *Diệu-Huyền*

Báo mới

✱ **Hương Lam** Giai phẩm của gia-đình Phật-tử Chánh-Giác GòCông do Phật-tử Minh-Đức, Trang-Ly gởi tặng.

Số 1 và số 2, kỷ niệm ngày xuất gia của Đức Thích Ca và ngày Ngài thành đạo.

Ban biên tập toàn là anh chị em gia-đình Phật-tử Chánh-giác. Thân-mến chúc các bạn thành công trong Phật-sự

✱ **Vì sao em buồn**, nhạc bản ửa Hoàng-song-Nhy Đà-Nẵng. Nhạc bản nầy là một sáng-tác mới nhất của nhạc-sĩ Hoàng-song-Nhy.

✱ **Binh pháp tinh hoa** của Lam-Giang Nguyễn-quang-Trứ. « Phiên-dịch 13 thiên binh-pháp Tôn-võ-Tử. Đối chiếu các nguyên-lý hành-binh và các trận đánh lớn của lịch-sử Đông-Tây hiện đại và cận-đại » nhà xuất bản Tân-Việt — 185 trang giá 55$.

✱ **Việt-Nam nhân vật chí vựng biên.** Tập thượng và tập hạ, do Thái-văn-Kiểm và Hồ-đắc-Hàm biên soạn Nha Văn-hóa Bộ quốc-gia giáo-dục xuất bản.

✱ **Những bức thư tình của danh nhân thế-giới** do các ông Nguyễn-văn-Tạo, Đắc-Sơn và Tuấn-Tú biên dịch. Bản đặc biệt giá 100$.

✱ **Sao em không về làm chim thành phố** Thơ của Lam-vi-Thủy. Trình bày mới đẹp. 65 trang giá 25$

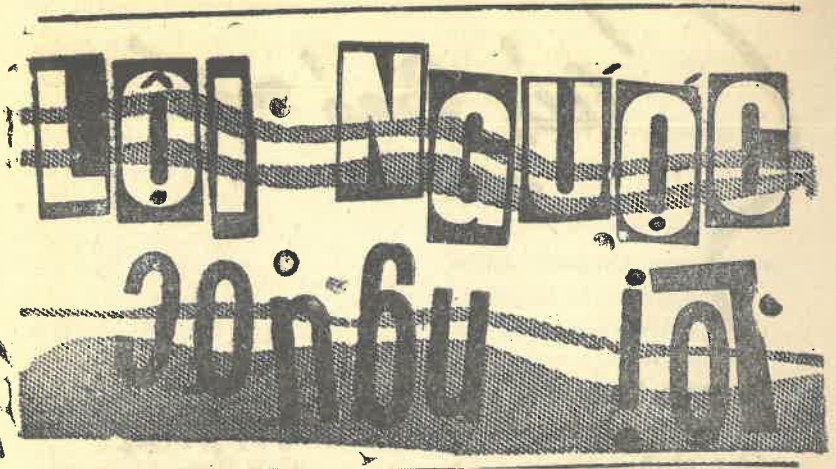

Truyện dài trào-phúng xã-hội ★ NGUYỄN-VỸ

(Tiếp theo P.T. 99)

NGHE thằng Ngọng nói đến đây, tôi cười sặc-sụa, ăn hủ-tiếu không được nữa. Tôi có cái tật cứ hễ cười thì chảy ra nước mắt, thằng Ngọng chạy vô buồng lấy khăn mu-soa của tôi đem ra cho tôi lau mắt, rồi nó kể tiếp :

— Ông Nớn tức giận quá, cậu nghe chưa, niến xần tới đánh Bà Nớn một tát tai pâng ! pâng ! Bà Nớn cũng hổng chịu thua, nghe hông cậu, bả mật-đật cúi xuống nẩy chiếc giày cao gót đánh vào mặt ông Nớn đốp! đốp! thề nà thề nào? Nhưng ông Nớn ôm chầm nẩy bà Nớn đề dựt chiếc giày, hai người dành qua dành nại, niu nại niu qua, kéo nhau mãi một núc thật nâu, thề nà thề nào! Rốt cuộc tay ông Nớn mạnh hơn, ông Nớn dựt được chiếc giày, ném vụt ra cửa kiến nàm bẻ miếng kiến. Con đứng núp ngoài cửa sổ nhìn vô, cậu ơi, con vừa nghe thầy thề con đã vội vàng ngồi thụp xuống. Thề mà chiếc giày và mẩy mảnh kiến cũng rơi noãng-choãng ngay trên đầu con. ! Con đau thấy mồ, thề nà thề nào !

Tôi cười quá xá là cười. Nước mắt tôi chảy ràng rụa, tôi vừa lau mắt vừa cười, mà thằng Ngọng cứ nói mãi :

— Con sợ quá thề nà thề nào.

— Rồi mẩy có chạy trốn không ?

— Thưa cậu, con sợ mà con hổng chạy, Tại vì con biết nà ông Nớn bà Nớn đang hăng hái đánh nộn, không biết nà có con đứng rình nghe ngoài cửa sổ thề nà thề nào.

Bà Nớn chạy nại nằm xuống giường vừa khóc, vừa na : « Đồ khốn nạn ! » Ông Nớn xần đến xừng-xộ hỏi : « Mẩy bảo ai khốn-nạn, hả con kia ? » Bà Nớn trả đủa nại : « Tao bảo mẩy khốn-nạn đó! » Rồi ông Nớn bà Nớn nại oánh nhau uỳnh-uỳch trên giường, thề nà thề nào.

Tội nghiệp thằng Ngọng. Tôi mến nó là vì thế. Tuy nó còn muốn kể nữa, nhưng sực thấy tôi ăn hết tô hủ-tiếu đã lâu mà chưa uống nước, nó bảo tôi :

— Để con xuống bếp nấu nước sôi pha cà-phê cho cậu uống, rồi con sẽ kể hết cho cậu nghe.

Tôi mỉm cười bảo :

— Con vào bưng ấm nước trà ra đây rót cho cậu một ly nước trà nguội, được rồi.

— Sáng nay cậu không uống cà phê, thề nà thề nào ?

— Cậu muốn nghe con kể nốt câu chuyện.

Thằng Ngọng nhanh nhẩu chạy vào buồng bưng ấm trà ra. Nó rót một ly nước trà nguội cho tôi, lấy cho tôi cái que tăm, rồi nó nói tiếp :

Bà Nớn ngồi chồm dậy, cậu nghe hông, bà nhảy xuống đất đi nại chỗ bàn trang điểm ngồi xuống đánh phấn thề nà thề nào. Bà xoa phấn, mau nẹ trên hai cái má, rồi đánh mi son, rồi nẩy nược chải nại mái tóc, rất vội vàng. Xong bà Nớn đi mở tủ, thay bộ áo quần sơ mi đăng ten, mặc vào quần sa tanh trắng và áo ni-nông màu hoa cà, thề nà thề nào. Bà Nớn trở nại bàn trang điểm, nẩy nọ dầu thơm rưới trên tóc, bôi trên

cổ, xong bà Nớn xách bóp ngoay-ngoảy ra đi, không nói với ông Nớn một tiếng, thế nà thế nào? Ông Nớn nằm yên trên giường cũng không nói với bà Nớn một tiếng, thế nà thế nào?

— Bà Lớn ra đi, ông Lớn không chạy theo gọi lại sao ?

— Dạ, thưa cậu, ông Nớn không có gọi bà Nơn nại. Con nghe Bà Nớn mở cửa ra sân sau để ra ga-ra, thì con vội - vàng chạy băng ra góc cây, đứng nấp trong bóng tối. Con thấy bà Nớn nái chiếc xe *Kít-le* ra đi mất dạng, thế nà thế nào.

— Bà Lớn không trông thấy mầy hả ?

— Dạ, Bà Nớn không trông thấy con.

— Lính gác cũng không trông thấy mầy sao ?

— Dạ, có bác ninh gác ngoài cổng, nhưng bác ninh cũng không trông thấy con, thế nà thế nào.

— Mầy phải coi chừng nghe! Mầy cứ quen tật đi rình chuyện ông Lớn, lỡ lính gác bắt gặp, họ bắn chết !

— Nếu ninh thấy bóng con, họ phải hỏi : « ai đấy ? » thì con sẽ nên tiếng trả nời nà : « Thằng Ngọng đây ! » thì ninh hổng bắn con, thế nà thế nào. Để con nói hết cho cậu nghe...

Tôi cười gật đầu. Thằng Ngọng nói tiếp :

— Cậu có biết, Bà Nớn đi rồi, ổng Nớn nàm gì không ?

— Tao làm sao biết được, Chắc ổng tắt đèn đi ngủ chứ gì.

Thằng Ngọng cười :

— Cậu nói sai rồi! ông Nớn không đi ngủ. Ông Nớn nằm suy nghĩ một núc thật nâu, rồi ông Nớn ngồi dậy nấy thuốc hút. Một núc thật nâu nữa, con nghe đồng hồ điểm 1 giờ sáng. Ông Nớn bấm chuông điện kêu reng-reng... thì 5 phút sau có anh bồi ở dưới phòng ảnh mở cửa đi nên phòng ngủ của ông Nớn, thế nà thế nào. Con không biết ông Nớn nói gì với anh Bồi, ông nói nhỏ nắm, rồi anh bồi ra nấy xe máy phóng đi thật nhanh, thế nà thế nào. Con đánh cái dầu hỏi trong đầu con : « Ông Nớn sai anh bồi đi đâu 1 giờ sáng ? Rồi con đoán

chừng: ờ có nẽ...hay nà... ông Nớn sai anh Bồi đi mời Bà Nớn Nhỏ đến với ông Nớn ? Con nhất định neo nên cây phượng ngồi chờ xem. Con đã buồn ngủ thấy mồ. Con sợ ngủ gục té xuống đất nên con ôm chặt vào cành hoa Phượng, thế nà thế nào. Một hồi nâu, thì anh bồi về, nói gì với ôngNớn. Rồi một hồi nâu... nâu...nâu ..., thiệt nà nâu, đồng hồ điểm 2 giờ sáng, thì con thấy chiếc xe mẹc-xơ-đít của Bà Nớn-Nhỏ tới, thế nà thế nào. Người ninh gác cổng, nật-đật mở rộng hai cánh cửa để cho xe Bà Nớn-Nhỏ vô, thế nà thế nào. Bà Nớn-Nhỏ vô buồng ông Nớn, thì con cũng neo xuống, chạy nại cửa sổ để nghe. Con nghe bà Nớn Nhỏ vừa vô thì nói ngay cái giọng chua chát :

— « Vậy chớ vợ anh đêm nay đi đâu mà giờ nấy anh truyền ninh cho em đến ? »

Ông Nớn nói khẽ :

— Em ngồi đây, anh nói chuyện cho em nghe.

Thế rồi ông Nớn học lại chuyện đánh nộn với Bà Nớn để cho Bà Nớn Nhỏ nghe.

Nghe xong, bà Nớn Nhỏ cười giọng mỉa mai :

— Nó đi Saigòn với mèo nó rồi, anh cứ tin em đi!

Thế nà thế nào ? Ông Nớn với Bà Nớn-Nhỏ nói chuyện gì một núc, nói nhỏ quá con không nghe được. nào. Tự nhiên con thấy đèn tắt trong phòng ngủ, thế nà thế nào? Con dòm vô tối đen tối thui không thấy gì cả. Chắc nà bà Nớn Nhỏ ngủ với ông Nớn, thế nà thế nào ? Con cũng buồn ngủ quá xá con đi về, thế nà thế nào ?

— Mầy về bằng cách nào ?

— Thưa cậu, ở ngay góc vườn ông Nớn có một cây ổi xá-nị sùm-sề, con đã để ý chỗ đó từ nâu. Con nen-nỏi trong bóng tối ra đến cây ổi, con trèo cây ổi nên đến mái tường, thì con nại nắm cành ổi mà tụt xuống nề đường. Cành ổi tuy nà bự, nhưng không bự nắm, nó nại dẻo dai thế nà thế nào. Con hái một trái ổi bự nhét vào túi quần, rồi con bò ra gần đến cái ngọn, con bám vào đấy mà thả buông xuông y như con nhảy dù, thế nà thế nào!

Nói xong, thằng Ngọng thò tay vào túi quần, lấy trái ổi xá lị to bằng trái cam, nhe răng cười, đưa tôi :

— Thưa cậu, ăn đi, cậu, ổi xá-nị nấy ngon nắm, thế nà thế nào. *(còn nữa)*

Thư Bạn Đọc

✱ Bộ Y-tế « lành mạnh hóa »

(Của một Sinh-viên Y-khoa Saigon)

... Chúng tôi đọc trong các báo hằng ngày bản thông cáo của Bộ Y-tế có câu : « *lành mạnh hóa các nghề trị bịnh và săn sóc sức khoẻ nhân dân...* »

Thật chúng tôi rất khó chịu vì cũng ở trong gia-đình Y-tế Việt-Nam mà đọc phải một câu Việt-văn của Bộ Y-tế còn dùng một chữ bịnh – hoạn như thế. « *Lành - mạnh - hóa* » là cái quái gì?? Xin biết rằng đã lâu rồi chính báo Phổ-Thông đã đả-kích chữ vô-nghĩa ấy, và chính bộ Giáo-dục cũng đã loại bỏ chữ ấy rồi. Sao bộ Y-tế còn đi lượm lại một chữ rác-rến đem dùng mãi trong thông cáo ?

. . . . . .

✱ Cô Nguyên.

(của ông Vũ văn Bách, Kỹ-sư sở Hỏa Xa, Saigon)

... Nhân đọc Bài « *Bức thư Paris* » trong P. T. số 98 của ông Nghè Cồn có nhắc đến bài thơ của cụ Phạm T... làm tặng cô Nguyên, mà người bạn tôi tìm thấy trong tập thư từ giao thiệp với Giáo Sư Cồn từ mấy năm trước. Nên đưa cho tôi để gửi đến cho anh xem. Bài thơ đó công phu ở chỗ chắp những chữ đầu cả 8 câu lại thành « *Cô Nguyên* » và chữ Đầu của 2 câu 1 và 8 cũng là tên cô Nguyên.

Đây chính là rút trong bức thư của giáo sư Cồn viết cho người bạn, cùng nói về truyện thơ văn — từ năm 1956 đấy, mà ngẫu nhiên đến nay lại có cơ hội nói đến !...

Vì bài thơ hay như thế, nên gửi anh đăng lên Phổ-Thông để độc giả thưởng-thức :

Cô cũng như tôi giống lạc loài
Ôm cầm bán dạo giữa trần ai.
Nước non mộng cũ nào đôi lứa
Giăng gió tình suông khéo một hai
U-uẩn cam đành thân với bóng
Yêu thương để lụy sắc cùng tài
Ê-a mấy tiếng cho xong chuyện
Nguyên vẹn tình ta vẫn giữ hoài.

PH. T.

Bài thơ này giỏi và hay là mỗi câu thơ đều bắt đầu bằng mỗi chữ *Cô Nguyên*, và giỏi hơn nữa là chữ đầu câu đầu là *Cô*, còn chữ đầu câu chót là *Nguyên*.

✱ Xin góp ý-kiến với Giáo-sư H.X.Hãn

(Của ông Phong-Trần-Khách, Giáo-sư Vật-lý-học Saigon)

... Do chỗ thắc-mắc ấy mà hôm nay tôi đánh bạo viết thư nầy nhờ ông chủ-nhiệm đăng lên *Phổ-Thông* (ở mục nào cũng được) để được hân hạnh nghe Giáo-sư Hoàng-xuân-Hãn chỉ giáo cho. Không những riêng tôi, mà còn đa số các bạn Giáo-sư, và sinh-viên cũng có thắc mắc ấy.

Trong bài *Năng-lượng nguyên-tử* đăng trong Phổ-Thông số Xuân và mấy số kế, Giáo-sư Hoàng dùng danh từ *Năng-lượng*. Chúng tôi thì quen dùng danh-từ *Năng-lực nguyên-tử* (Énergie atomique). Vậy chúng tôi không biết nên duy trì chữ *năng-lực*, hay nên sửa đổi theo Giáo-sư H X H.

Nhân tiện, Giáo-sư Hoàng cũng dịch chữ *Thermomètre* ra tiếng Việt là **Hàn-thử-kế**. Trong tự điển Tàu, chép là **Hàn-thử-biểu**. Còn theo thiển ý của chúng tôi thì có lẽ dịch là **Nhiệt-độ-biểu** đúng nghĩa hơn chăng ? Vì *Nhiệt-độ-biểu* là dùng đo *sức nóng*, đúng cái nghĩa của chữ *Thermomètre*.

Còn *Hàn-thử-kế*, thì chúng tôi không hiểu nghĩa chữ «*Kế*» ngoài cái nghĩa là *tính toán*.

Nhưng cái *nhiệt độ biểu* (Thermomètre) đâu có công dụng « *tính toán* ».

Chúng tôi rất mong được học hỏi thêm nơi Giáo sư H.X.H.

Kính xin ông Chủ nhiệm Phổ Thông thông cảm cho, và xin Giáo sư Hoàng xuân Hãn nhận nơi đây lòng cảm phục và tri ân sâu đậm của chúng tôi...

. . . . . .

P. T. K

✱ Tuấn chàng trai nước Việt

(của các bạn Huỳnh Ba, Chế minh Anh, Lê trung Hòa, Phạm văn Cán, Quảng-ngãi)

... Chúng cháu là một nhóm thanh niên và học sinh ở Quảng Ngãi.

Đã từ lâu, chúng cháu hằng theo dõi mục « Tuấn, chàng trai nước Việt » của Bác viết một cách vô cùng thích thú. Chúng cháu là những kẻ hậu sinh, từ trước đến giờ hằng ước ao có những

bậc tiền sinh kể lại đời sống và xã hội ngày xưa cho chúng cháu nghe, thế mà chẳng thấy báo chí nào nói đến như mục « Tuấn, chàng trai nước Việt » cả.

Thành thật, chúng cháu vô cùng biết ơn bác đã thay thế ông bà cha chú chúng cháu kể lại quãng thời gian của ngày xưa.

Chúng cháu cũng không khỏi ngạc nhiên và thích thú vô cùng khi nghe bác kể đến những cái chi tiết nhỏ nhặt dưới một ngòi bút vô cùng duyên dáng, như chỗ kể lại vị hoàng tử Ai-lao với cô gái Việt-nam ; cuộc đón chiếc máy bay đầu tiên, chuyến đi chiếc xe hơi « cà rịch cà tang » vào Qui-nhơn vv và vv

Nhưng rồi chúng cháu lại buồn. Chúng cháu không hiểu rồi đây ai sẽ kể lại thế hệ bây giờ cho hậu thế nghe ?!! chúng cháu cầu Trời phò hộ Bác sống lâu lâu để Bác sẽ kể mãi từ năm 1960 đến năm 2000 cho thế-hệ sau nghe. Và chúng cháu cũng mong sao Bác viết thật dài về mục đó để chúng cháu khỏi bị xem lỡ dở.

✶ Anh em Bảo-an yêu cầu Bộ G.D.

(của một nhóm Bảo-an, vùng 1 chiến thuật — Đànẵng)

Đà-nẵng, ngày 6-3-1963.

Kính thưa Ông, Theo tinh-thần văn-thư số 286/GD/HV3 ngày 19-01-1963 của Bộ Quốc-Gia Giáo-Dục thì trong các kỳ thi Trung-tiểu-học kể từ niên-khóa 1962 — 1963. Bảo-an và Dân-Vệ được cộng thêm 1/10 tổng số điểm như quân nhân QĐVNCH.

Chúng tôi, một số Bảo-an viên thuộc Vùng I Chiến-thuật, trân trọng kính nhờ Ông Giám-Đốc Tạp-Chí Phổ-Thông chuyển lên Ông Bộ-Trưởng Quốc-Gia Giáo-Dục lòng biết ơn chân thành của chúng tôi. Một quyết định sáng suốt và hợp lý, mà chúng tôi hằng mong đợi từ bảy năm nay, kể từ ngày Binh chủng Bảo-an được chính thức thành lập — xét ra hơi muộn, nhưng có còn hơn không.

Nhưng trong văn thư trên lại viết : « Bộ tôi chấp-thuận cho thí-sinh Dân-Vệ và *luôn cả* Bảo-an *cũng được* giảm 1/10 tổng số điểm... ». Theo chúng tôi, nói như thế không thuận tí nào cả, vì dầu sao Bảo-an cũng là Binh-chủng đàn anh đối với Dân-Vệ, cũng như Bảo-an đương nhiên đứng sau QĐVNCH — không phải chúng tôi quá câu nệ, nhưng mong rằng Bộ Q. G. G. D. nên thận trọng hơn một tí nữa trong cách dùng chữ.

Trân trọng kính chào Ông và ước mong những giòng trên đây sẽ đến mắt Ông Bộ-Trưởng Quốc Gia Giáo-Dục.

HOÀI-NGỌC

ĐÁP BẠN BỐN PHƯƠNG

Trả lời chung quý bạn Đại-lý

● Quyển Thơ *HOANG VU* hết đã lâu, và **KHÔNG TÁI BẢN**, vì chúng tôi còn lo xuất bản các tác phẩm kế tiếp.

● Tập Thơ Ngoại ngữ *Solitude. Loneliness* đang in. Chúng tôi sẽ cho biết giá bán sau.

● *Mồ Hôi Nước Mắt*, sẽ ấn hành trong mùa Thu tới. Khi nào gần phát hành, chúng tôi sẽ tin quý bạn biết rõ bằng thư riêng.

✶ Bạn Lê Trung Sơn Q. ngãi

Ngày 2 tháng 4 năm Quý-Mùi = 5-5-1943

✶ Bạn Ph. Ánh, Vĩnh Bình

— Thư gởi cho tôi (Diệu Huyền) mà ngoài phong bì đề tên ô N.V. nhận, cũng vẫn đến tôi, chứ không bao giờ mất được. Vả lại, theo thông lệ, tất cả thư gởi về tòa báo (mà không phải thư riêng), đều phải đề tên ông Giám đốc.

— Bạn hỏi : ngày 16 âm lịch năm 1953 là ngày mấy dương lịch, thì không thể nào trả lời được. Phải nói rõ là ngày 16 *tháng* nào chứ ?

✶ Ông Công Dân, Giáo sư, Huế

Mắt phượng *mày ngài*.

Ngài, do chữ Hán là *Nga*, mày ngài : là nga-mi. Con *ngài* không phải là *con tằm*. Nếu lông mày của cô Kiều mà giống như con tằm, thì ghê sợ lắm chứ có vẻ gì là đẹp đâu. *Ngài* đúng ra là con bướm của một loại tằm, có râu cong mà nhỏ và ngắn. Lông mày của mỹ nữ đẹp vì mỏng và cong giống như sợi râu của con ngài.

✶ Ông Hoàng-Minh-Đạo, Đà-nẵng

Đây tôi xin chép rõ nguyên văn « Lời thề của Hippocrate » (Le serment d'Hippocrate) :

En présence des Maîtres de cette école et de mes chers condisciples, je promets et je jure d'être fidèle aux lois de l'honneur et de la probité dans l'exercice de la Médecine.

Je donnerai mes soins gratuits à l'indigent et n'exigerai jamais un salaire au-dessus de mon travail. Admis dans l'intérieur des maisons, mes yeux ne verront pas ce qui s'y passe, ma langue taira les secrets qui me seront confiés et mon état ne servira pas à corrompre les moeurs ni à favoriser le crime.

Respectueux et reconnaissant envers mes Maîtres, je rendrai à leurs enfants l'instruction que j'ai recue de leurs pères.

Que les hommes m'accordent leur estime si je suis fidèle à mes promesses, que je sois couvert d'opprobre et méprisé de mes confrères si j'y manque.

● Tôi xin dịch đúng theo nguyên văn :

Trước mặt các Thầy của trường nầy và các bạn đồng-môn thân mến của tôi, tôi xin hứa, và tôi xin tuyên thệ trung-thành với luật-lệ của danh-dự và đức-tính liêm-trực trong sự hành nghề Y-khoa.

Đối với người bần-cùng, tôi xin săn-sóc không lấy tiền, đối với các bệnh nhân, tôi sẽ không bao giờ đòi hỏi một giá tiền đắt hơn công-việc của tôi. Bước chân vào trong nhà cửa của bệnh-nhân, mắt tôi sẽ không ngó những gì ở trong gia-đình người ta, lưỡi tôi sẽ giữ kín những điều gì bí-mật mà người nhà nói riêng cho tôi nghe, và tôi sẽ không lợi-dụng địa-vị của tôi để làm việc đồi phong bại tục, cũng không khuyến-khích tội-ác.

Tôn-kính và tri-ân các vị Thầy của tôi, tôi sẽ xin truyền lại cho các người con của quý Thầy những điều mà tôi đã được quý Thầy dạy-bảo.

Tôi cầu mong mọi người trên Thế-gian đều cho tôi lòng thương mến của họ nếu tôi giữ trung-thành với lời hứa, và tôi xin chịu sự nguyền-rủa và khinh-bỉ của các bạn đồng-nghiệp của tôi nếu tôi phản-bội lời thề.

Tất cả các Sinh-viên Y-học đã tốt nghiệp Đại-học Y-khoa, trong buổi lễ nhận lĩnh bằng cấp Bác-sĩ tại các Đại học đường Âu-Mỹ để được phép hành nghề Y-khoa, đều phải đọc lời tuyên thệ trên đây. Nhưng tiếc thay, trong số Bác-sĩ Việt-nam thường có một số ít đã phản bội lời thề!

✱ Bà Lê văn Dĩnh, Hiệp Hòa

— Đường *Da Bà Bầu* : Hồi trước ở nơi một góc đường gần trường đua Phú Thọ có một cây da cao, dưới góc cây đa có quán nước của một bà già tên là *bà Bầu*. Dân chúng trong vùng đi đâu về hay ghé quán uống nước, ăn trầu, uống rượu, nên quen gọi chỗ đó là **Cây Da Bà Bầu**. Người đời sau gọi tắt là *Da bà Bầu*.

— Xin cảm ơn trước về cái bao đường Hiệp-Hòa.

Ô. Ng Từ Thi Huế.

Về việc ông thắc mắc trong thư, xin ông viết thư thẳng đến ông Thái-văn-Kiểm, Bảo-tàng-Viện Quốc-gia Saigon, và cho địa chỉ của ông để ông K trả lời thư riêng cho ông.

✱ Bạn Hăn-duy-Sinh, Ninh-Thuận.

Thành thật cảm ơn thư bạn.

UN VIETNAMIEN EN OCCIDENT

✱ NGUYỄN-VĂN-CỒN (Paris)

A mon ami Nguyễn-Vỹ
Directeur de la Revue Phổ-Thông (Saigon-Viêtnam)

Cher ami,

Vous m'avez demandé, pour le supplément en français de notre Revue Phổ-Thông, d'écrire « quelque chose qui ferait mieux connaître et aimer le Viêtnam ». *Pieuse pensée qui vous ennoblit en ce sens qu'elle rejoint, dans une suprême élevation d'esprit, le penchant de tout homme : l'amour du pays natal.*

Je vous comprends. Le Viêtnam a besoin d'être mieux connu et aimé. Depuis ces vingt dernières années, on ne le connaît hélas ! qu'à travers les noms des champs de bataille baignés du sang de nos compatriotes. Pour beaucoup d'étrangers, le Viêtnam moral, spirituel, poétique, est encore une entité presque inaccessible. A cette pensée, je ne peux que souscrire dans la mesure de mes faibles moyens à votre initiative.

Je formule le voeu qu'elle soit couronnée de succès et que notre voix (la vôtre, la mienne et celle de tous les camarades de la Rédaction) trouve une audience aussi large et aussi favorable que possible.

A travers la Revue Phổ-Thông que vous dirigez avec tant de compétence, et pour mon premier contact humain avec les lecteurs étrangers, je me permets de dédier aux amis actuels et futurs du Viêtnam deux poèmes que j'ai écrits directement en français : le premier est un « Hymne à la fraternité humaine » *le second une* « Prière à la Bonté Infinie de Bouddha ».